

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

HỒ SƠ MỜI THẦU

(Mẫu số 5A - Thông tư số 79/2025/TT-BTC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT 2
(trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT
trên Hệ thống)

Dịch vụ sự nghiệp công (theo nội
dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung
E-TBMT trên Hệ thống):

**Ban hành kèm theo Quyết
định** (theo nội dung E-TBMT
trên Hệ thống):

**Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo
dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và
cây xanh khu vực 3**

**Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh
phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý,
chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên,
mảng xanh và cây xanh khu vực 3**

...../...../2026

số...../QĐ-TTGTHTKT ngày/...../2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐÔ THỊ SÀI GÒN**

Trụ sở: Số 135/1 Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Thành
phố Hồ Chí Minh

VPĐD: Số 24 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Thành
phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7308 7268 - Email: xddtsg@gmail.com

Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2026

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ GIAO THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số: 805/E-HSMT-PTV-26

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2026

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT **2**
(trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3

Dịch vụ sự nghiệp công (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

...../...../2026

Ban hành kèm theo Quyết định
(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

số...../QĐ-TTGTHTKT ngày/...../2026

TƯ VẤN ĐẦU THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
ĐÔ THỊ SÀI GÒN

GIÁM ĐỐC

CHỦ ĐẦU TƯ
TRUNG TÂM QUẢN LÝ GIAO THÔNG
VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Tử Dũng

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chi dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các

gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL .
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà

	thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu; d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng; e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu; 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
--	--

	d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL; d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMT	6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục đấu thầu: - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:

	- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Phần 3A. Điều kiện hợp đồng¹ - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; Phần 3B. Thỏa thuận khung² (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung) - Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung; - Chương VIII. Thỏa thuận khung; Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng. 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do

¹ Trường hợp áp dụng mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung thì bỏ phần này.

² Trường hợp không áp dụng mua sắm tập trung hoặc có áp dụng nhưng không sử dụng thỏa thuận khung thì bỏ phần này.

	không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT; 10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT; 10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT; 10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT; 10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);

	10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL .
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét. 12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.
13. Giá dự thầu và giảm giá	13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu. b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ. c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng. d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV. 13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả

	phần mà nhà thầu tham dự). b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống. 13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V. 15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ. 16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL. 17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc

	không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại E-BDL. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó). 18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so

	với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành. 18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại E-BDL. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. 18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư: a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu; b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây: - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng. 18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà
--	--

	thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây: a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự; b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm. 18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này. 18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.
19. Thời điểm đóng thầu	19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT. 19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
20. Nộp, rút và	20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-

sửa đổi E-HSDT	TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu. 20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.
21. Mở thầu	21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu;

	- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.
22. Bảo mật	22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
23. Làm rõ E-HSDT	23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT. 23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu. 23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.

	23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. 23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSMT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSMT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSMT.
24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT. 24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.
25. Xác định tính đáp ứng của E-HSMT	25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSMT dựa trên nội dung của E-HSMT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT. 25.2. E-HSMT đáp ứng cơ bản là E-HSMT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSMT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSMT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT. 25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSMT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSMT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 25.4. Nếu E-HSMT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSMT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSMT nhằm làm cho E-HSMT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.
26. Sai sót không nghiêm trọng	26.1. Với điều kiện E-HSMT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSMT. 26.2. Với điều kiện E-HSMT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSMT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSMT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ

	đầu tư. 26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ. 27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh. 27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). 27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu. 27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	28.1 Nguyên tắc ưu đãi: a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi

	nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính. b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng. c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu. 28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL. 28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu: a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có); b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá. c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu; d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn; đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ; e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ; g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). 28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT. 28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối
--	--

	tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. 28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. 28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.
29. Đánh giá E-HSDT	29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT. 29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. 29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”): a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III: - Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: Lịch sử hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT; - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh

	giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu; - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính. d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III. đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. 29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất): a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. . b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT. c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT. d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT. đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu. Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo. 29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT: a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Tổ
--	--

	chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ “không đạt” thành “đạt” khi Hệ thống đã đánh giá “không đạt”. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá; c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại; d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu. đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;
--	--

	e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hàng năm từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.
30. Đối chiếu tài liệu	30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm: a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT; b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

	mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). 30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT. 30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu. 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III. 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III. 31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL. 31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.
32. Hủy thầu	32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT; c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu. 32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù

	chỉ phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSĐT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu. 33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
34. Thay đổi khối lượng dịch vụ	34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi

	nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%. 34.2. Tùy chọn mua thêm: Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đầu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
36. Điều kiện ký kết hợp đồng	36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu. 36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.
37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

	a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL. 38.2. Đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại E-BDL.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3. Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước – Sự nghiệp các hoạt động kinh tế (kiến thiết thị chính)
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh. + Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. + Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. + Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập E-HSMT: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Sài Gòn - Trụ sở: 135/1 Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; + Cơ quan thẩm định E-HSMT: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Sài Gòn - Trụ sở: 135/1 Phú Thọ Hòa, Phường Phú Thọ Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; + Cơ quan thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

	Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ Trong đó: X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh. - Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND.
E-CDNT 10.8	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: - Có bản sao có công chứng hoặc chứng thực: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật hoặc Quyết định thành lập. - Trường hợp nhà thầu có tên mới: do đổi tên doanh nghiệp; hoặc tách ra từ công ty mẹ; hoặc chuyển thể doanh nghiệp; hoặc sáp nhập thành doanh nghiệp mới... Nhà thầu khi tham gia đấu thầu phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý có liên quan (không chứng minh bằng năng lực của công ty mẹ). - Tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế năm 2025: + Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử; hoặc + Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. - Báo cáo tài chính 03 năm (2023-2024-2025) theo hướng dẫn tại Mẫu số 08 chương IV; - Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III; - Tài liệu chứng minh về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu theo yêu cầu tại Chương III; - Tài liệu chứng minh về kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục III - Chương III;

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	- Nhà thầu phải đính kèm file tính toán: Bảng phân tích đơn giá dự thầu; Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu; Bảng đơn giá vật liệu theo mẫu hướng dẫn tại Chương V. - Bản gốc đối chiếu E-HSĐT + 01 USB hoặc 01 đĩa CD chứa: file giá dự thầu; Bảng phân tích đơn giá dự thầu; Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu; Bảng đơn giá vật liệu (Trường hợp Nhà thầu được mời vào Hoàn thiện hợp đồng). Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải cung cấp các tài liệu chứng minh nêu trên.
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSĐT là: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị bảo đảm dự thầu: 8.347.000.000 VNĐ. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này. - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 150 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 20% giá dự thầu của nhà thầu
E-CDNT 28.2	Cách tính ưu đãi: Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
E-CDNT 28.8	Các ưu đãi khác (nếu có): Không có.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

E-CDNT 31.4	“Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất” Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.
E-CDNT 38.1	- Người có thẩm quyền: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh. + Địa chỉ: Số 63 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh. + Điện thoại: (028) 3932 5945 - (028) 3932 6214 + E-mail: sxd@tphcm.gov.vn - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. + Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh; + Điện thoại: 028 39333223; + E-mail: stc@tphcm.gov.vn.
E-CDNT 38.2	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Theo điều 138 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ. + Địa chỉ của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh- Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; + Email của cá nhân/tổ chức/đơn vị giải quyết kiến nghị: ttqlgthkt.sxd@tphcm.gov.vn.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

¹ Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)** tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

¹ Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁴⁾	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 177.559.000.000 ⁽⁶⁾ VNĐ.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh ⁽¹⁰⁾ ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 41.736.000.000 VNĐ ⁽¹¹⁾ . Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng. Nhà thầu đính kèm tài liệu chứng minh: - Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. - Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư, và Tài liệu hợp pháp chứng minh giá trị đã hoàn thành. - Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. - Trường hợp nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải đảm bảo đúng theo Khoản 2 Điều 141 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025. Đồng thời, nhà thầu phụ thì phải có xác nhận thầu phụ của chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư.				

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần

đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và

Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

- + Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:**a) Nhân sự chủ chốt:**

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Giám đốc dự án của nhà thầu	01 người	Tối thiểu 05 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Nông nghiệp, hoặc Lâm nghiệp, hoặc Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm Chỉ huy trưởng hoặc Giám đốc dự án của nhà thầu hoặc Chức danh có công việc tương tự (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bằng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường) và Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất].
2	Phụ trách kỹ thuật quản lý, duy tu cây xanh	05 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Nông nghiệp, hoặc Lâm nghiệp, hoặc Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm phụ trách kỹ thuật (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bảng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất]. Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải có số lượng nhân sự đề xuất tối thiểu là 01 người tương ứng với vị trí yêu cầu, và tương ứng phần công việc đảm nhận trong liên danh.
3	Phụ trách kỹ thuật quản lý, duy tu công viên, mảng xanh	05 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Nông nghiệp, hoặc Lâm nghiệp, hoặc Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm phụ trách kỹ thuật (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bằng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất]. - Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải có số lượng nhân sự đề xuất tối thiểu là 01 người tương ứng với vị trí yêu cầu, và tương ứng phần công việc đảm nhận trong liên danh.
4	Phụ trách kỹ thuật phần xây dựng	02 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan lĩnh vực Xây dựng (hoặc Kỹ thuật xây dựng). - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm phụ trách kỹ thuật phần xây dựng (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh (hoặc 01 công trình thi công xây

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				dụng). Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bằng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất]. - Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải có số lượng nhân

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				sự đề xuất tối thiểu là 01 người tương ứng với vị trí yêu cầu, và tương ứng phần công việc đảm nhận trong liên danh.
5	Phụ trách kỹ thuật quản lý, duy tu hệ thống tưới nước tự động	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan lĩnh vực Điện; - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm phụ trách kỹ thuật phần hệ thống tưới tự động (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bảng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất]. - Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải có số lượng nhân sự đề xuất tối thiểu là 01 người tương ứng với vị trí yêu cầu, và tương ứng phần công việc đảm nhận trong liên danh.
6	Phụ trách thanh toán	01 người	Tối thiểu 2 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Kinh tế xây dựng, hoặc Kế toán; - Đã làm phụ trách thanh quyết toán (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bảng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất].
7	Phụ trách an toàn lao động	01 người	Tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng.	- Có trình độ đại học trở lên ngành: Nông nghiệp, hoặc Lâm nghiệp, hoặc Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên, hoặc An toàn lao động, hoặc Bảo hộ lao động. - Có chứng nhận hoặc chứng chỉ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động còn thời hạn ít nhất đến thời điểm đóng thầu; - Đã làm phụ trách an toàn lao động (trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) 01 gói thầu Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Trường hợp hợp đồng được ký trong nhiều năm thì phải hoàn thành tối thiểu 01 năm thực hiện hợp đồng. Đính kèm tài liệu chứng minh: 1. Bản chụp Hợp đồng lao động với nhà thầu (trường hợp thuộc quản lý của Nhà thầu); hoặc tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự cho gói thầu (trường hợp không thuộc Nhà thầu quản lý). Trong trường hợp nhân sự do nhà thầu huy động phải có bản gốc thỏa thuận (hoặc cam kết) giữa nhân sự với nhà thầu về việc tham gia công việc của gói thầu đang tham dự, trong thỏa thuận hoặc cam kết cần ghi rõ số điện thoại liên hệ (cá nhân) và địa chỉ cư trú hiện tại của nhân sự để có thể kiểm tra xác minh. 2. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bằng cấp/chứng chỉ (Trường hợp trong văn bằng không thể hiện rõ chuyên ngành yêu cầu thì cần có tài liệu để chứng minh như bản sao chứng thực: Giấy chứng nhận tốt nghiệp; Bảng điểm kết quả học tập đại học...); Căn cước công dân/Căn cước còn hiệu lực; 3. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực: Hợp đồng và Bảng giá ký hợp đồng. 4. Bản chính hoặc Bản sao được chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành năm, hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành theo từng tháng/quý trong năm, hoặc biên bản

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				nghiệm thu hoàn thành từng tháng trong năm, hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng, hoặc Thông báo thẩm tra xác nhận quyết toán công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên của cấp có thẩm quyền, hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư. 5. Tài liệu chứng minh quy mô, tính chất của gói thầu được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 6. Tài liệu chứng minh nhân sự đã tham gia thực hiện gói thầu [Bản chụp Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc Quyết định thành lập ban chỉ huy công trường), hoặc Bản chính (hoặc Bản sao được chứng thực) Xác nhận của Chủ đầu tư (hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành) trong đó có tên nhân sự đề xuất].
* Ghi chú: + Trong thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu và thời gian thực hiện gói thầu, nếu các chứng nhận/chứng chỉ của nhân sự hết hiệu lực thì Nhà thầu phải cung cấp các chứng nhận/chứng chỉ mới còn hiệu lực cho Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia. Kết luận: ➤ Nhà thầu được đánh giá là “Đạt” về nhân sự chủ chốt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chi tiết quy định trong bảng nêu trên. ➤ Nhà thầu được đánh giá là “Không đạt” về nhân sự chủ chốt khi có 01 (một) trong các tiêu chuẩn chi tiết quy định trong bảng nêu trên không đáp ứng.				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê

khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Xe tải có cần cẩu – Sức nâng ≥ 3 tấn – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	02
2	Xe thang hoặc xe tải gắn thiết bị nâng người làm việc trên cao – Chiều cao nâng người làm việc trên cao $\geq 12\text{m}$ – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	03

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
3	Xe thang hoặc xe tải gắn thiết bị nâng người làm việc trên cao – Chiều cao nâng người làm việc trên cao $\geq 18\text{m}$ – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	02
4	Xe bồn tưới nước – Thể tích bồn chứa $\geq 5\text{m}^3$ – ĐVT: Chiếc Trường hợp Nhà thầu chứng minh bằng thiết bị không chuyên dụng, Nhà thầu phải cung cấp tài liệu của thiết bị Ô tô cơ sở + Bồn chứa + Thiết bị tưới nước, đáp ứng dung tích nêu trên. Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	02
5	Ô tô tải tự đổ - Khối lượng hàng hóa chuyên chở ≥ 5 tấn – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc	02

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	
6	Xe ép rác - Khối lượng hàng hóa chuyên chở ≥ 1 tấn – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Tài liệu hợp pháp chứng minh công suất của thiết bị theo yêu cầu. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	02
7	Máy cắt cỏ – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	05
8	Máy bơm nước – ĐVT: Chiếc Kèm theo:	05

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
	- Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	
9	Máy cưa cầm tay – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	05
10	Máy phun thuốc bảo vệ thực vật – ĐVT: Chiếc Kèm theo: - Đối với thiết bị thi công chủ yếu thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật. Nhà thầu chỉ cần cung cấp một trong các tài liệu nêu trên. - Đối với thiết bị thi công chủ yếu không thuộc sở hữu của nhà thầu: nhà thầu cần cung cấp hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê, đồng thời kèm theo một trong các tài liệu sau để chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê: giấy đăng ký thiết bị hoặc hợp đồng, hóa đơn mua hàng hoặc giấy đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật.	05

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì (nếu có);
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có): các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) như: việc sử dụng các vật tư, vật liệu; biện pháp tổ chức thi công; dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Trường hợp cần yêu cầu về xuất xứ vật tư, vật liệu, nguyên liệu phục vụ cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn thì Chủ đầu tư quy định xuất xứ của vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo nhóm nước, vùng lãnh thổ quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Nhà thầu phải chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam; nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu xuất xứ Việt Nam theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu thì nhà thầu chào vật tư, vật liệu, nguyên liệu không phải là xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại;
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật như sau:

1. Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Khả năng đáp ứng yêu cầu về vật liệu, vật tư	- Có vườn ươm (tự sản xuất các loại cỏ, kiểng, hoa, cây xanh bóng mát) kho bãi tập kết vật liệu, vật tư thu hồi, dưỡng cây di dời. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sở hữu vườn ươm, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư thu hồi, dưỡng cây di dời. Trong trường hợp đi thuê đất làm vườn ươm, kho bãi tập kết vật liệu, vật tư thu hồi, dưỡng cây di dời thì phải thể hiện bằng hợp đồng thuê mướn (thời gian thuê tối thiểu phải còn hiệu lực đến hết năm 2026) và có tài liệu chứng minh thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê (tất cả phải được chứng thực). - Có kế hoạch dự kiến nguồn cung cấp các loại phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh, đất trồng, cây chống,... nhằm đáp ứng yêu cầu trong quá trình chăm sóc, bảo quản công viên, mảng xanh và cây xanh.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có) mà Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

2. Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Hiểu biết chung về công việc.	Hiểu biết và nhận thức đầy đủ về công trình (đặc điểm vị trí địa lý; hiện trạng công trình; quy mô, mục đích, yêu cầu của dịch vụ).	Đạt
	Không hiểu biết và nhận thức về công trình (đặc điểm vị trí địa lý; hiện trạng công trình; quy mô, mục đích, yêu cầu của dịch vụ).	Không đạt
2.2. Hiểu biết về tính chất và mục đích công việc của gói thầu.	Hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh chi tiết, đầy đủ, rõ ràng.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Hiểu biết của nhà thầu về tính chất và mục đích công việc quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh không đầy đủ, sơ sài.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3. Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ:

3.1. Kế hoạch thực hiện tổng thể:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1.1. Tổ chức quản lý dịch vụ sự nghiệp công.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dịch vụ sự nghiệp công của Nhà thầu, và thuyết minh sơ đồ, thể hiện hợp lý cơ cấu quản lý dịch vụ sự nghiệp công nhằm đảm bảo đạt chất lượng, tiến độ đề ra của gói thầu, bảo dưỡng/bảo trì.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dịch vụ sự nghiệp công và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.1.2. Tổ chức quản lý hiện trường.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường; và thuyết minh sơ đồ, thể hiện đầy đủ, hợp lý các bộ phận hoặc các vị trí nhân sự mà nhà thầu dự kiến huy động đáp ứng yêu cầu công việc của gói thầu, và phù hợp với giải pháp thi công mà nhà thầu đề xuất. Nhà thầu phải trình bày chi tiết các nội công tác yêu cầu thực hiện của gói thầu.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy nhân sự ngoài công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng không hợp lý.	Không đạt
3.1.3. Quản lý, cập nhật và lưu trữ hồ sơ tài liệu	Có thuyết minh, giải pháp quản lý, để thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của hợp đồng; thể hiện đầy đủ, chính xác các số liệu số với hiện trường và quy định; cập nhật, bổ sung những thay đổi của công trình vào hồ sơ, tài liệu, sắp xếp các hồ sơ, tài liệu; Lưu giữ, bảo quản có hệ thống, khoa học, không mất, hư hỏng hồ sơ. Cung cấp hồ sơ, tài liệu kịp thời khi cơ quan quản lý (cơ quan ký kết hợp đồng - Bên A) yêu cầu.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có nhưng không rõ ràng các công tác.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1.4. Xây dựng phương án chăm sóc (bố trí nhân sự, phương tiện, thiết bị và công tác điều hành).	Nhà thầu thuyết minh rõ ràng, cụ thể và đầy đủ nội dung.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ.	Không đạt
3.1.5. Có kế hoạch phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến mảng xanh, cây xanh; Có kế hoạch ứng trực xử lý sự cố cây xanh và giải pháp phòng chống sự cố ngã đổ cây xanh, đặc biệt trong mùa mưa bão; Có kế hoạch đảm bảo an toàn điện khi có sự cố cây xanh ngã đổ.	Nhà thầu thuyết minh rõ ràng, cụ thể và đầy đủ nội dung.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ.	Không đạt
3.1.6. Giải pháp kỹ thuật cung ứng dịch vụ như: Phương án phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện, xử lý các vấn đề phát sinh (chiếm dụng mặt bằng mảng xanh, gây hư hại các công trình hạ tầng kỹ thuật trên mảng xanh; sự cố cây xanh, xâm hại cây xanh, công tác hỗ trợ).	Nhà thầu có nêu các giải pháp về các nội dung theo yêu cầu một cách cụ thể, chi tiết.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3.2. Công tác bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.2.1. Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp tuần tra, bảo vệ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp tuần tra, bảo vệ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.2. Chăm sóc thảm cỏ	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
tự nhiên.	vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.3. Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.4. Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.5. Chăm sóc bồn kiếng	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.6. Chăm sóc cây kiếng trồng hoa, kiếng tạo hình, kiếng dáng đẹp	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.7. Chăm sóc cây kiếng trồng chậu	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	mục công tác.	
3.2.8. Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.9. Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, chăm sóc – bảo dưỡng, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.2.10. Vận chuyển rác	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp vận chuyển rác một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp vận chuyển rác, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công việc.	Không đạt
3.2.11. Bảo vệ công viên, mảng xanh	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác bảo vệ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác bảo vệ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công việc.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

3.3. Công tác Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống tưới tự động:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.3.1. Kiểm tra van điện từ	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.3.2. Kiểm tra, vận hành	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
tủ điều khiển	vụ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.3.3. Kiểm tra đầu vòi phun	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.3.4. Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cung ứng dịch vụ, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
3.3.5. Cải tạo, sửa chữa hệ thống tưới tự động	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp cải tạo, sửa chữa một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp cải tạo, sửa chữa; hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

3.4. Công tác bảo dưỡng thường xuyên duy trì thiết bị TDTT + Trò chơi:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.4.1. Vệ sinh thiết bị	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác vệ sinh thiết bị một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác, hoặc không phù hợp.	Không đạt
3.4.2. Kiểm tra, sửa chữa	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác, hoặc không phù hợp.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3.5. Công tác bảo dưỡng thường xuyên Duy trì hệ thống camera:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.5.1. Vận hành hệ thống camera quan sát	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác quản lý, vận hành, kiểm tra và đề xuất biện pháp sửa chữa một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và phù hợp.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác, hoặc không phù hợp.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3.6. Công tác cải tạo, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật công viên cây xanh:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.6.1. Cải tạo, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật công viên cây xanh	Nhà thầu có thuyết minh biện pháp thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật công viên cây xanh một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và hợp lý.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh biện pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công tác.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

3.7. Công tác quản lý, bảo vệ gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.7.1. Giải pháp quản lý, bảo vệ gỗ thu hồi từ khi đốn hạ, vận chuyển và quản lý tại bãi	Nhà thầu có thuyết minh giải pháp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ gỗ thu hồi từ khi đốn hạ, vận chuyển và quản lý tại bãi một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và hợp lý.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh giải pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	đầy đủ các hạng mục công tác.	
3.7.2. Giải pháp về tránh thất thoát (mất gỗ) từ khi đốn hạ, vận chuyển và quản lý tại bãi.	Nhà thầu có bản cam kết chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị tổn thất theo quy định trong trường hợp làm mất mát, thất thoát hoặc xảy ra cháy nổ trong quá trình thực hiện.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
3.7.3. Giải pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy bãi tập kết gỗ	Nhà thầu có thuyết minh giải pháp đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy bãi tập kết gỗ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và hợp lý.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh giải pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công việc.	Không đạt
3.7.4. Bảo vệ bãi tập kết gỗ	Nhà thầu có thuyết minh giải pháp thực hiện công tác bảo vệ bãi tập kết gỗ một cách chi tiết, rõ ràng, đầy đủ và hợp lý.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh giải pháp thực hiện, hoặc có nhưng còn sơ sài, chưa hợp lý, hoặc không đầy đủ các hạng mục công việc.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

4. Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Quản lý chất lượng vật tư, quản lý chất lượng thi công, biện pháp thi công.	Nhà thầu có lập hệ thống quản lý chất lượng trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận quản lý và hiểu biết rõ quy trình quản lý chất lượng trong công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh. Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư.	Đạt
	Nhà thầu không trình bày; hoặc trình bày sơ sài, không hợp lý, khả thi.	Không đạt
4.2. Kiểm tra định kỳ công tác quản lý và thực hiện bảo dưỡng thường xuyên trước và sau mùa	Có đề xuất các phương án đầy đủ và phù hợp với quy định.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ, hợp lý	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
mưa bão.		
4.3. Biện pháp kiểm tra chất lượng vật tư, cây trồng, đất, nước tưới, phân bón, máy móc trước khi đưa vào trồng trọt, chăm sóc, bảo dưỡng.	Nhà thầu thuyết minh rõ ràng, cụ thể và đầy đủ nội dung.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ, hoặc không phù hợp.	Không đạt
4.4. Công tác giám sát công tác bảo dưỡng và chăm sóc, ghi nhật ký thực hiện dịch vụ và quản lý tài liệu hồ sơ.	Nhà thầu thuyết minh rõ ràng, cụ thể và đầy đủ nội dung.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ, hoặc không phù hợp.	Không đạt
4.5. Sửa chữa hư hỏng, thay thế cây chết, bệnh, héo...kịp thời.	Nhà thầu thuyết minh rõ ràng, cụ thể và đầy đủ nội dung.	Đạt
	Nhà thầu không nêu hoặc có nhưng sơ sài, chiếu lệ, hoặc không phù hợp.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

5. Mức độ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Tiêu chuẩn áp dụng thực hiện dịch vụ	Có đề xuất tiêu chuẩn áp dụng thực hiện gói thầu đáp ứng theo quy định tại: Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND Thành phố; Hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16/6/2020 của Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh; Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng TP Hồ Chí Minh và các quy định khác hiện hành.	Đạt
	Nhà thầu không trình đề xuất, hoặc đề xuất không đáp ứng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

6. Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Thời gian thực hiện gói	- Nhà thầu xây dựng kế hoạch tiến độ thực hiện	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
thầu: 03 năm (1096 ngày từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/6/2029)	theo các công tác tại Mục 3.2 - 3.7, đảm bảo thời gian thực hiện khối lượng hợp đồng theo mỗi tháng hoặc 01 quý (trong đó bao gồm cả thời gian lập hồ sơ báo cáo, nghiệm thu, thanh quyết toán A-B). - Thời gian thực hiện gói thầu là 03 năm (1096 ngày từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/6/2029)	
	Không xây dựng hoặc có xây dựng nhưng không cụ thể tiến độ thực hiện và hoàn thành các hạng mục công việc trong quá trình thực hiện; không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
6.2. Tính phù hợp: Có biểu đồ bố trí nhân lực, thiết bị phù hợp với tiến độ thi công và với nhân sự, thiết bị đề xuất.	Đề xuất hợp lý, khả thi. Có biểu đồ bố trí nhân lực, thiết bị tổ chức thi công phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công, phù hợp với thuyết minh biện pháp thực hiện và phù hợp điều kiện thi công thực tế.	Đạt
	Đề xuất không hợp lý, khả thi. Không có biểu đồ bố trí nhân lực hoặc biểu đồ bố trí thiết bị tổ chức thi công; hoặc có biểu đồ bố trí nhân lực, thiết bị nhưng không đảm bảo tính hợp lý, khả thi hoặc không phù hợp với thuyết minh biện pháp thực hiện, hoặc không phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công.	Không đạt
6.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. Biểu tiến độ thi công phải phân khai rõ thời gian thực hiện công việc thi công xây dựng, thời gian lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, hoàn thành công trình.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật; hoặc Biểu tiến độ thi công không phân khai rõ thời gian, hoặc thời gian thực hiện vượt quá thời gian chi tiết theo yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, an toàn điện:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Không đạt
7.2. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Có biện pháp phòng cháy chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Không đạt
7.3. Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Không đạt
7.4. An toàn điện	Có biện pháp an toàn điện hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn điện hoặc có biện pháp an toàn điện nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

8. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Mức độ đáp ứng các yêu cầu bảo hành	Đề xuất biện pháp bảo hành và có cam kết thời gian bảo hành của nhà thầu như sau: - Phần xây dựng: ≥ 12 tháng;	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Thiết bị điện: ≥ 12 tháng; - Đối với các thiết bị lắp đặt khác: Thời gian bảo hành tối thiểu phải bằng thời gian bảo hành của nhà sản xuất đưa ra nhưng không được nhỏ hơn 12 tháng.	
	Đề xuất bảo hành không đáp ứng yêu cầu, Hoặc Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

9. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của Nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 (Trừ khoản 1 Điều 20) của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, kể từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu. <i>Nhà thầu kèm theo E-HSDT bản cam kết. Nhà thầu cam kết một cách trung thực, trường hợp phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</i> <i>Đối với nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu.</i>	Nhà thầu không có hợp đồng vi phạm, hoặc có không quá 01 hợp đồng vi phạm dẫn đến kết quả bị chấm dứt hợp đồng hoặc không hoàn thành hợp đồng do lỗi nhà thầu theo các thông tin quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 được công khai trên Cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện hợp đồng.	Đạt
	Nhà thầu có từ 02 hợp đồng vi phạm trở lên dẫn đến kết quả bị chấm dứt hợp đồng hoặc không hoàn thành hợp đồng do lỗi nhà thầu theo các thông tin quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 được công khai trên Cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện hợp đồng. Hoặc Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là ‘Không đạt’.	Không đạt

10. Các yếu tố cần thiết khác:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
10.1. Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý.	Nhà thầu phải có bản cam kết sau 06 tháng thực hiện hợp đồng, nhà thầu phải: - Cam kết và sử dụng ứng dụng Greenery HIMC để quản lý, theo dõi công tác duy tu (báo cáo tuần tra cây xanh, báo cáo công tác chăm sóc cây xanh bóng mát...) và các ứng dụng khác nếu có. Chủ đầu tư có quyền sử dụng, truy cập và quản lý. Chủ đầu tư sẽ xem xét các điều khoản với Nhà thầu trong các năm thực hiện hợp đồng tiếp theo nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo cam kết. Trường hợp liên danh dự thầu, từng thành viên trong liên danh phải có cam kết theo yêu cầu.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết, hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu trên, Hoặc Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
10.2. Công nhân tuần tra, chăm sóc, bảo dưỡng	Nhà thầu có bản cam kết có đầy đủ công nhân có tay nghề thuộc các lĩnh vực liên quan đến công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh, cây xanh, đáp ứng yêu cầu công việc, sẵn sàng huy động nhằm phục vụ cho gói thầu.	Đạt
	Trường hợp sau khi làm rõ E-HSDT (nếu có): Nhà thầu không cung cấp bản cam kết theo yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Đạt”.	Đạt
	Một trong các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là “Không đạt”.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không được phép.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập: Gói thầu bao gồm 01 phần và không chia thành nhiều phần độc lập.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)	Webform	X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Webform		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
16	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
18	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
19	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
20	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
26	Mẫu số 11C. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
30	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X

PHẠM VI CUNG CẤP
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					
1	NĂM 2026	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
2	Công viên (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
3	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
4	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
5	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,7256	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
6	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

7	Tưới thăm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.299,4091	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
8	Tưới thăm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.327,5475	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
9	Tưới thăm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.005,3925	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
10	Phát thăm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.564,2939	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
11	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	782,1470	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
12	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	778,6870	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
13	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,4600	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
14	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
15	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	92,6200	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
16	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	432,6500	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

17	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	151,2679	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
18	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
19	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,4500	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
20	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	329,6250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
21	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	515,3805	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
22	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,6328	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
23	Chăm sóc cây kiếng trồng hoa, kiếng tạo hình, kiếng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
24	Chăm sóc cây kiếng trồng hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,4400	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
25	Chăm sóc cây kiếng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,3550	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
26	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

27	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	107,3160	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
28	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,5700	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
29	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	98,7300	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
30	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1197	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
31	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao $\geq$ 1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,3355	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
32	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
33	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
34	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.581,1345	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
35	Quét rác thảm cỏ thuần chủng (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.158,7256	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

36	Nhặt rác trong công viên: cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.236,2708	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
37	Nhặt rác trong công viên (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,1768	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
38	Vệ sinh nền đá ốp lát	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,9404	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
39	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	61,2000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
40	Duy trì tượng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tượng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
41	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15,5000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
42	Chà rửa nền nhà vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	373,1520	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
43	Chùi rửa bồn tiểu nhà vệ sinh (chùi rửa bồn tiểu, bồn cầu, bồn rửa mặt, gương nhà vệ sinh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.808,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
44	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
45	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	342,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

46	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
47	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,8850	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
48	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.922,3000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
49	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16.367,8599	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
50	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
51	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,4300	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
52	Duy trì thiết bị TDDT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
53	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
54	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
55	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

56	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
57	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	192,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
58	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
59	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	192,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
60	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
61	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17,2140	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
62	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,3308	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
63	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	109,4075	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
64	Mảng xanh (Cấp độ 3) & (Cấp độ 4)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
65	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

66	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
67	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.694,8662	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
68	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
69	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.228,8120	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
70	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	891,3960	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
71	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	29.796,0615	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
72	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.115,4092	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
73	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.557,7046	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
74	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.543,8166	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
75	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13,8880	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

76	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
77	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.420,4025	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
78	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	355,7925	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
79	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.480,5900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
80	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	685,1986	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
81	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
82	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	855,3555	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
83	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.492,3475	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
84	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.548,0075	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
85	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	303,8549	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

86	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
87	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	23,2350	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
88	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17,0400	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
89	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
90	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.199,9385	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
91	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.260,8415	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
92	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.305,4930	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
93	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	94,9687	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
94	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,9516	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
95	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

96	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0800	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
97	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
98	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
99	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	828,1393	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
100	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ (DT*20%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	19.996,5496	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
101	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	153.686,6311	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
102	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64.287,1068	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
103	Nhặt rác tại mảng xanh (đường đi, nền đường, vỉa hè DT*50%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25.162,6929	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
104	Nhặt rác tại mảng xanh (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6.815,1912	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

105	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.269,4074	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
106	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	67,8000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
107	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
108	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
109	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	92,0000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
110	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	92,0000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
111	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	92,0000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
112	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
113	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.386,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
114	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	204,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

115	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	446,4000	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
116	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	72.799,6500	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
117	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	32.468,9904	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
118	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
119	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,6000	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
120	Duy trì thiết bị TDDT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
121	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
122	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
123	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
124	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

125	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	546,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
126	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
127	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	546,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
128	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
129	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0920	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
130	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0432	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
131	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	77,4619	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
132	Duy trì hệ thống camera	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
133	Vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông (Quản lý vận hành tủ điều khiển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 chót/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

134	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
135	Mảng xanh trên địa bàn huyện cần Giờ cũ (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
136	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
137	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
138	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.117,4875	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
139	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	262,3498	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
140	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
141	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.326,8975	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
142	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	59,1878	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
143	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

144	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.350,0000	100 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
145	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,8050	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
146	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,7350	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
147	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
148	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.847,8625	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
149	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,9763	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
150	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
151	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15,7400	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
152	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
153	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

154	Nhặt rác tại mảng xanh: thâm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42.671,1180	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
155	Thu gom, vận chuyển rác tại các công viên, mảng xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
156	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
157	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
158	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
159	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.016,0480	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
160	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.016,0480	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
161	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.016,0480	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
162	Bảo vệ công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
163	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca ngày	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	736,0000	công/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

164	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh_ca đêm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	184,0000	công/đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
165	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
166	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
167	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.267,3220	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
168	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng tập trung trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt (52 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,2540	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
169	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
170	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	950,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
171	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	593,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
172	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

173	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.168,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
174	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.607,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
175	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
176	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
177	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
178	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
179	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.124,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
180	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.600,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
181	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
182	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

183	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
184	Chăm sóc cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
185	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	106,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
186	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	599,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
187	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
188	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
189	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
190	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
191	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
192	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

193	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
194	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
195	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
196	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
197	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
198	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
199	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
200	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d >50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
201	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

202	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
203	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
204	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
205	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
206	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
207	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
208	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
209	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
210	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
211	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

212	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
213	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
214	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,8000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
215	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
216	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk >120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
217	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
218	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
219	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
220	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
221	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

222	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
223	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
224	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
225	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
226	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
227	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
228	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
229	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
230	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
231	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

232	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
233	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
234	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
235	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
236	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk>120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
237	Đào gốc cây xanh loại 3 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
238	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
239	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
240	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
241	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

242	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
243	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
244	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
245	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
246	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
247	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
248	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
249	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
250	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

251	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
252	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
253	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
254	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
255	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
256	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
257	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,5000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
258	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	102,0000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
259	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3 (huyện Cần Giờ cũ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

260	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
261	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
262	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	850,8560	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
263	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
264	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	695,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
265	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
266	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
267	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
268	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
269	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

270	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
271	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
272	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
273	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
274	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
275	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
276	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
277	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
278	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
279	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

280	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
281	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
282	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
283	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
284	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
285	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
286	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
287	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
288	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

289	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
290	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
291	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
292	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
293	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
294	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
295	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
296	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
297	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
298	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

299	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
300	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
301	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
302	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
303	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
304	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
305	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
306	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
307	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
308	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

309	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
310	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
311	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
312	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
313	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
314	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
315	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
316	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
317	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

318	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
319	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,3300	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
320	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,3200	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
321	Bảo vệ bãi tập kết gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
322	Bảo vệ công viên (bảo vệ khu vực tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - giảm đơn giá 40%, bao gồm công tác vận chuyển gỗ về bãi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	73,6000	ha/ngày đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
323	Công tác không thường xuyên 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
324	Vận chuyển đất trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13,2000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
325	Trồng cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
326	Trồng cỏ nhung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

327	Trồng cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
328	Trồng hoa: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
329	Trồng hoa: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
330	Trồng hoa: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
331	Trồng hoa: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
332	Trồng hoa: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
333	Trồng hoa: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
334	Trồng hoa: Đồng tiền (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
335	Trồng hoa: Mân mân cánh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
336	Trồng hoa: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

337	Trồng hoa: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
338	Trồng bồn kiếng: Bạch trinh biển (h=30-35 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
339	Trồng bồn kiếng: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
340	Trồng bồn kiếng: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
341	Trồng bồn kiếng: Búp ta (h = 35-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
342	Trồng bồn kiếng: Bông giấy (h=40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
343	Trồng bồn kiếng: Cẩm tú mai (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
344	Trồng bồn kiếng: Cùm rụm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
345	Trồng bồn kiếng: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
346	Trồng bồn kiếng: Croton (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

347	Trồng bồn kiếng: Cẩm thạch (phủ đầy giò)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
348	Trồng bồn kiếng: Chuối hoa (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
349	Trồng bồn kiếng: Dền đỏ (h = 10 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
350	Trồng bồn kiếng: Dứa sọc vàng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
351	Trồng bồn kiếng: Dương xỉ (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
352	Trồng bồn kiếng: Đậu phộng kiếng (phủ kín bịch, đk bịch 14cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
353	Trồng bồn kiếng: Đông hầu trắng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
354	Trồng bồn kiếng: Hồng lộc (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
355	Trồng bồn kiếng: Hồng môn (h= 30-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
356	Trồng bồn kiếng: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

357	Trồng bồn kiếng: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
358	Trồng bồn kiếng: Huỳnh anh lá nhỏ (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
359	Trồng bồn kiếng: Kim đồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
360	Trồng bồn kiếng: Lá lốt (h=20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
361	Trồng bồn kiếng: Lá màu thái (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
362	Trồng bồn kiếng: Lá trắng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
363	Trồng bồn kiếng: Lá vàng bạc (h= 20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
364	Trồng bồn kiếng: Lài trâu (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
365	Trồng bồn kiếng: Lan rẽ quạt (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
366	Trồng bồn kiếng: Lan ý (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

367	Trồng bồn kiếng: Lê bạn (h = 15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
368	Trồng bồn kiếng: Linh sam (h=25-30cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
369	Trồng bồn kiếng: Lưỡi cọp (h = 40-50 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
370	Trồng bồn kiếng: Mất nai (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
371	Trồng bồn kiếng: Mỏ két (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
372	Trồng bồn kiếng: Mười giờ (phủ đầy giỏ, đk giỏ = 15-16 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
373	Trồng bồn kiếng: Ngũ gia bì (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
374	Trồng bồn kiếng: Phong huệ hồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
375	Trồng bồn kiếng: Phúc lộc thọ (h=30-35 cm, 03-04 nhánh/giỏ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
376	Trồng bồn kiếng: Sanh nhánh (h > 0,8 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

377	Trồng bồn kiếng: Thanh thảo (h=25-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
378	Trồng bồn kiếng: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
379	Trồng bồn kiếng: Trang mỹ các màu (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
380	Trồng bồn kiếng: Trâm ôi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
381	Trồng bồn kiếng: Trầu bà thái (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
382	Trồng bồn kiếng: Trầu bà trắng (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
383	Trồng cây hàng rào: Ấc ó (3 cành/bịch, h cành = 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
384	Trồng rau muống biển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
385	Trồng Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
386	Đào đất hố trồng cây kiếng, dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

387	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Huỳnh liên (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
388	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Tường vi (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
389	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
390	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Hồng lộc (h = 1,3-1,5 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
391	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau trắng (h = 1,0-1,2 m, đk gốc 15 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
392	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau vàng (h = 0,8-1,0 m, 3-5 tép)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
393	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Mật cật (h = 0,8-1,0 m, 3-5 cây/bụi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
394	Trồng dây leo - Kích thước bầu < 30 x 30 (cm): Sử quân tử (h = 1,0-1,2m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,0000	10 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
395	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Sanh (h = 0,8, án 35-40 cm, cắt côn)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	43,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

396	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 20 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.493,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
397	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 30 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	390,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
398	Phòng trừ sùng cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
399	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
400	Bón phân cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
401	Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - bằng nước máy tưới thủ công (không bao gồm vật liệu)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	110,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
402	Cung cấp cây: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	340,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
403	Cung cấp cây: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
404	Cung cấp cây: Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm), bầu 30 x 30 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	130,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

405	Cung cấp cây: Cúc Alaska (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	520,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
406	Cung cấp cây: Cúc lá nhám (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	485,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
407	Cung cấp cây: Cúc Hasfarm (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
408	Cung cấp cây: Cúc tiger (h= 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
409	Cung cấp cây: Cúc mâm xôi (đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	260,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
410	Cung cấp cây: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	245,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
411	Cung cấp cây: Cúc họa mi (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	410,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
412	Cung cấp cây: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	470,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
413	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
414	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm), loại rũ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

415	Cung cấp cây: Diễm châu (h =20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	320,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
416	Cung cấp cây: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	290,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
417	Cung cấp cây: Duyên cúc (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	350,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
418	Cung cấp cây: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
419	Cung cấp cây: Dừa cạn thái (h = 20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	280,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
420	Cung cấp cây: Hoa hồng lửa (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
421	Cung cấp cây: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	358,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
422	Cung cấp cây: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
423	Cung cấp cây: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	280,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
424	Cung cấp cây: Hướng dương nhiều bông (h= 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	310,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

425	Cung cấp cây: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
426	Cung cấp cây: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
427	Cung cấp cây: Móng tay Thái (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	380,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
428	Cung cấp cây: Mồng gà búa tầng (h = 45-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	370,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
429	Cung cấp cây: Mồng gà tui thái đủ màu (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	340,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
430	Cung cấp cây: Mỡm sói (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	385,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
431	Cung cấp cây: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
432	Cung cấp cây: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	300,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
433	Cung cấp cây: Phi yến (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
434	Cung cấp cây: Sao nhái màu thái (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

435	Cung cấp cây: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	250,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
436	Cung cấp cây: Trạng nguyên (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
437	Cung cấp cây: Trâm ỏi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
438	Cung cấp cây: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	460,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
439	Cung cấp cây: Lan hồ điệp các màu (1-2 cành/chậu, 4-6 bông nở và 5-7 nụ/cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
440	Cung cấp cây: Sen (h= 0,5-0,7 m, đk chậu 0,25-0,3 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
441	Cung cấp cây: Kim phát tài (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	110,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
442	Cung cấp cây: Phên tre	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
443	Cung cấp cây: Chậu xơ dừa tròn (đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
444	Cung cấp cây: Chậu nhựa chảo treo có dây xích (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

445	Cung cấp cây: Lồng chim bằng tre sơn trắng (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
446	Cung cấp cây: Cần xé (h = 27-30 cm, đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
447	Cung cấp cây: Cần xé (h = 17-20 cm, đk 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
448	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 40 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
449	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 50 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
450	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 60 cm; h = 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
451	Cung cấp cây: Tầm vông (đk bq = 5 cm, dài = 4 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
452	Công tác không thường xuyên 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
453	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
454	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/ 3 pha)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

	380V)					
455	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
456	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
457	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
458	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
459	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
460	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/Q=3,6-12 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
461	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/Q= 9-24 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
462	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/Q=4,8-14 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

463	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ Q=36-58 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
464	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/Q= 30 - 78 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
465	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/ Q= 42- 96 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
466	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ Q= 60- 104 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
467	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 3HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
468	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 5HP - 5,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
469	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 7,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

470	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 10HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
471	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 15HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
472	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 20HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
473	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 25HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
474	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
475	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

476	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
477	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
478	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
479	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
480	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
481	Sửa chữa và thay linh kiện: board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

482	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
483	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn và board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
484	Cung cấp, lắp đặt Camera hồng ngoại , gắn ngoài trời (góc quay 360°, Góc quét -15° to 90°) + Chuẩn nén H.265+/H.265 + Độ phân giải 1920 × 1080@30/25fps + Ống kính 4.8 mm to 120 mm, + Tiêu chuẩn IP66 + Hỗ trợ cổng Audio I/O + Nguồn 12VDC, POE+ + Zoom số 16x, zoom quang 25x + Hỗ trợ Park Action, ghi nhớ vị trí trước khi mất điện. - Nguồn 12V/POE QTF-PEU2A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
485	Kiểm nghiệm hóa lý vi sinh nước uống cây nước uống công cộng DAD-CO2 tại công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	gói	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
486	Dịch vụ hàn nối sợi cáp quang (loại singel mode)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	mỗi hàn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
487	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị chuyển đổi quang điện (Nguồn điện vào: 110~240AC. Nguồn điện ra: 5V - 2A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

488	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị camera (Nguồn điện ra: POE 48V - 0.5A/ 12VDC - 3.33A/ 24VAC - 3A; Nguồn điện vào: 110-240VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
489	Cung cấp, lắp đặt dây nhảy quang SC-SC simplex, single mode 1,5m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	sợi	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
490	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 7,5 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
491	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 10 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
492	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 15 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
493	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 20 HP - 380	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
494	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 25 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
495	Cung cấp mảng xông quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
496	Cung cấp hộp phối quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

497	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 225\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
498	Cung cấp cáp điện điều khiển hệ Decoder 2x1,8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
499	Cung cấp dây cáp điện CVV 2x1,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
500	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
501	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ dòng chảy (U= 220VAC ; I=15A; Áp suất P= 0-10kg/cm ²)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
502	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ mất pha (U= 400VAC + Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
503	Cung cấp, lắp đặt rơ le nhiệt 0,63-19A/21,5-40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
504	Cung cấp, lắp đặt rơ le trung gian 24VAC/220VAC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
505	Cung cấp, lắp đặt bộ điều khiển 8 kênh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

506	Cung cấp, lắp đặt bộ nhận tín hiệu Decoder cho Van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
507	Cung cấp, lắp đặt Cảm biến áp suất 0-10 bar (Điện áp: 9-30VDC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
508	Cung cấp, lắp đặt cuộn dây SOLENOID 24VAC cho van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
509	Cung cấp, lắp đặt dây cáp quang 4 core SM	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
510	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 9W/ 220V (560/620/750 Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
511	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 12W/220V (950/1020Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
512	Cung cấp, lắp đặt biến áp cách ly 25VA (điện áp vào: 415/380/220 VAC- điện áp ra: 220/110/48/36/24 VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
513	Cung cấp khởi động từ 3 pha 18A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
514	Cung cấp khởi động từ 3 pha 32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

515	Cung cấp khởi động từ 3 pha 40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
516	Cung cấp MCCB 3P-15/20/30/40/50A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
517	Lắp đặt aptomat 3 pha, cường độ dòng điện <= 50Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
518	Cung cấp MCB 2P-6A/10A/16A/20A/25A/32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
519	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện <= 10Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
520	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa ABS 300W-400H-200D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
521	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 500W-760H-340D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
522	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 1100H-1150W-400D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
523	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, độ cao của tủ điện < 2m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
524	Cung cấp, lắp đặt bộ công tắc áp lực 2-14 bar (điện áp 220VAC/16A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

525	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1" 100 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
526	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1.1/2" 150 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
527	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 2" 200 PGA (Điện áp 24VAC; P=: 1.4 - 10.3 bar; Q= 4.5 - 34 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
528	Cung cấp co HDPE Ø40 (40*40mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
529	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
530	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
531	Cung cấp tê HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
532	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
533	Cung cấp co HDPE Ø63 (63*63mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

534	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
535	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
536	Cung cấp tê HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
537	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 63mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
538	Cung cấp co HDPE Ø90 (90*90mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
539	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
540	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
541	Cung cấp tê HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
542	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
543	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø40 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

544	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø63 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
545	Lắp đai khởi thủy, đường kính 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
546	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø90 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
547	Lắp đai khởi thủy, đường kính 80mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
548	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø110	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
549	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 110mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
550	Cung cấp ống HDPE Ø40-8 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
551	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D40/50	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
552	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m, đường kính ống 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5973	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
553	Cung cấp ống HDPE Ø63-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

554	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D50/65	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
555	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 100m, đường kính ống 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
556	Cung cấp ống HDPE Ø90-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
557	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 25m, đường kính ống 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
558	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D25/32	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
559	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D30/40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
560	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 25mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
561	Cung cấp co 17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
562	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 050	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
563	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 075	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

564	Cung cấp nối MPT 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
565	Cung cấp nối thẳng Ø 17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
566	Cung cấp ống dẻo Ø16 mm SPX-100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
567	Cung cấp tê nối gai 17x17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
568	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
569	Cung cấp ống ri Ø16 mm XFS-23-33-100, với lưu lượng của từng lỗ ri là 2,3l/h	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
570	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
571	Cung cấp dây điện CVV 2x2,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
572	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 4mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
573	Cung cấp dây điện CVV 3x10 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

574	Cung cấp dây điện CVV 3x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
575	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
576	Cung cấp dây điện CVV/DSTA 4x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
577	Cung cấp dây điện CVV 4x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
578	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột <= 25mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
579	Cung cấp, lắp đặt dây cáp mạng UTP Cat6	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
580	Cung cấp co dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
581	Cung cấp nối thẳng dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
582	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
583	Cung cấp co dày uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

584	Cung cấp nối thẳng dây uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
585	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
586	Cung cấp ống uPVC Ø60 - 3,0 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
587	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
588	Cung cấp ống uPVC Ø90 - 3,8 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
589	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
590	Cung cấp, lắp đặt hộp bảo vệ van 10"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
591	Cung cấp, lắp đặt béc phun spray các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	18,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
592	Cung cấp, lắp đặt béc phun rotary các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

593	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 4,6-10m với áp lực nước 1,7-3,4 bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
594	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 5,8-15m với áp lực nước 1,7-4,5bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
595	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 4" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
596	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 6" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
597	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 12" (chiều cao khi tưới = 30 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
598	Tháo, quấn lại cuộn dây Solenoid 24VAC (bao gồm :cắt phá dỡ keo cũ, quấn dây mới , lắp lại đồ keo mới, đo điện trở) cho van điện từ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
599	Cung cấp, lắp đặt phao điện chống tràn, chống cạn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
600	Lắp đặt các loại đồng hồ - Rơ le	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
601	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

602	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 40\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
603	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
604	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
605	Công tác không thường xuyên 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
606	Phá dỡ nền gạch lá nem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
607	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
608	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
609	Phá dỡ xà dầm, giằng bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
610	Phá dỡ cột, trụ bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
611	Phá dỡ cột, trụ gạch đá	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

612	Phá dỡ sàn, mái bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
613	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, gạch vữa nghiêng trên mái	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
614	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
615	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
616	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
617	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
618	Đục nhám mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
619	Tháo dỡ mái ngói chiều cao $\leq 16m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
620	Tháo dỡ trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,3400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
621	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

622	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
623	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
624	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, ...)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
625	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 20 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
626	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 50 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
627	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 100 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
628	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 150 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
629	Tháo dỡ cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, trọng lượng cấu kiện $\leq 2T$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
630	Đục lỗ thông tường xây gạch, chiều dày tường ≤ 11 cm, tiết diện lỗ $\leq 0,04m^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	lỗ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
631	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12$ mm, chiều sâu khoan ≤ 10 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

632	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
633	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 16\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
634	Xây mái dốc thẳng bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
635	Hàn gia cố bản mã tại cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	10m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
636	Lắp đặt cột thép gia cố các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
637	Gia cố kết cấu thép, loại kết cấu sàn thao tác, cầu thang, lan can và các loại kết cấu khác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
638	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
639	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
640	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
641	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

642	Quét nước xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
643	Bóc xếp sắt thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
644	Bóc xếp gỗ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
645	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
646	Bóc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
647	Vận chuyển bằng thủ công 10m khỏi điểm - cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $< 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
648	Cắt mặt đường bê tông Asphalt chiều dày lớp cắt $\leq 5\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
649	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang chiều dày lớp sơn 1,5mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
650	Dán màng phản quang đầu dải phân cách (3900)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
651	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

652	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
653	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
654	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
655	Phá dỡ kết cấu gạch bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
656	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
657	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
658	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
659	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp I	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
660	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
661	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng $\leq 1m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

662	Đào nền đường bằng thủ công, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
663	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
664	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
665	Đào san đất bằng máy đào 1,25 m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
666	Đào san đất trong phạm vi ≤ 50 m bằng máy ủi 110CV, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
667	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
668	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi ≤ 1000 m, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
669	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 5 km, đất cấp II (4km tiếp theo)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
670	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II (tiếp 10km tiếp theo đến nơi đổ đúng quy định)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

671	Thi công móng cấp phối đá dăm, Độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$ đầm nén tiêu chuẩn, Lớp trên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
672	Rải thảm mặt đường đá dăm đen, chiều dày mặt đường đã lèn ép 10cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
673	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
674	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 1,0 kg/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
675	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq$ 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 3cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
676	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq$ 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
677	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày $\leq$ 10cm, chiều cao $\leq$ 6m, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
678	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng $\leq$ 250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
679	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng $\leq$ 250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

680	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
681	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
682	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 250	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
683	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
684	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông tường dày $\leq 45\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
685	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
686	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao $\leq 28\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
687	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông sàn mái đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

688	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
689	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
690	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
691	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
692	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
693	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
694	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
695	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

696	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
697	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
698	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
699	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
700	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
701	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
702	Ván khuôn gỗ, ván khuôn lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
703	Ván khuôn gỗ, ván khuôn nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
704	Ván khuôn gỗ, ván khuôn tường thẳng, chiều dày $\leq 45\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

705	Ván khuôn thép, ván khuôn móng dài	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
706	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
707	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
708	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
709	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông kết cấu khác đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
710	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
711	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn nắp đan, tấm chớp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
712	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp cột, trọng lượng cấu kiện ≤ 2,5 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
713	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp giá đỡ mái chông diêm, con sơn, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

714	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng từ 50kg đến 200kg bằng cần cẩu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
715	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 25\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
716	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
717	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
718	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
719	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$ (vật tư tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
720	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 8,1\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
721	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công cầu phong gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
722	Gia công cột bằng thép hình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

723	Gia công cột bằng thép tấm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
724	Gia công xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
725	Gia công lan can	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
726	Gia công hàng rào lưới thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
727	Gia công hàng rào song sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
728	Gia công hệ sàn đạo, sàn thao tác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
729	Gia công các kết cấu thép khác. Gia công vỏ bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
730	Lắp dựng cột thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
731	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
732	Lắp dựng xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

733	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
734	Nhôm dày 1,4mm, kính cường lực dày 10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
735	Lắp dựng lan can sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
736	Lắp đặt kết cấu thép khác. Vò bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
737	Lợp mái ngói 22 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
738	Thi công vách bằng tấm thạch cao (tấm compact dày 12mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
739	Lợp mái ngói 13 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
740	Lợp mái ngói 75 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
741	Lợp mái ngói âm dương 80 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
742	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ (dày 0,5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

743	Lợp mái che tường bằng tấm nhựa (dày 5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
744	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
745	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
746	Trát trần, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
747	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
748	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
749	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
750	Trát sânô, mái hắt, lam ngang, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
751	Trát đá rửa trụ cột, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
752	Trát đá rửa thành sânô, ô văng, lan can, diềm chắn nắng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

753	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,25\text{m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
754	Công tác ốp gạch vào chân tường, viền tường, viền trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,036\text{m}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
755	Công tác ốp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán (dày 2cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
756	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,16\text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
757	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,16\text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
758	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,25\text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
759	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,25\text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
760	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
761	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
762	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75 (không tính vật tư)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

763	Láng granitô nền sàn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
764	Láng gắn sỏi nền, sân, hè đường, chiều dày láng 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
765	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
766	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
767	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
768	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
769	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch bê tông tự chèn trống có 2 lỗ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
770	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
771	Lát gạch đất nung, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

772	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
773	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
774	Bố vỉa hè, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bố vỉa thẳng 18x22x100cm, vữa XM mác 75 (bố vỉa đá granite 100x200)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
775	Thi công trần gỗ dán	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
776	Thi công trần bằng tấm nhựa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
777	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
778	Thi công mặt sàn gỗ, ván dày 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
779	Quét nước xi măng 2 nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
780	Bả bằng bột bả vào tường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

781	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
782	Sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
783	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
784	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
785	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
786	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
787	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
788	Sơn sàn, nền, bề mặt bê tông bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
789	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
790	Bảo vệ bề mặt đá tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

791	Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
792	Vệ sinh nền đá trước khi đổ bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
793	Lắp dựng dàn giàn giáo ngoài, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
794	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200\text{kg}$ bằng thủ công - bốc xếp lên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
795	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
796	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
797	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200\text{kg}$ bằng thủ công - bốc xếp xuống	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
798	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
799	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

800	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
801	Bốc lên bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
802	Bốc xuống bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
803	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
804	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
805	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
806	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (tháo dỡ bạc đạn đơn giá bằng 60%BB.83101)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
807	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (bạc đạn 6002-6005)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

808	Lắp đặt chậu xí bệt (kích thước 728x396x724)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
809	Lắp đặt chậu tiểu nam (kích thước 330x330x640)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
810	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi (Kích thước: 497D*462R*762C mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
811	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (vòi lavabo bán tự động)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
812	Lắp đặt phễu thu, đường kính 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
813	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
814	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
815	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
816	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
817	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

818	Cung cấp đá granite trắng hồng cỡ hạt: 5-10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
819	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 10-20mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
820	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 20-30mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
821	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập chân, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1910 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
822	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ lắc tay, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020 x (R) 610 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
823	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ trên không, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2530 x (R) 670 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
824	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng bụng, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1540 x (R) 1430 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

825	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng eo, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1650 x (R) 790 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
826	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đôi, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1740 x (R) 1040 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
827	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D49x3, D27x1.5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1060 x (R) 940 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
828	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1630 x (R) 810 x (C) 2270mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
829	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà kép, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2440 x (R) 720 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

830	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xoay eo, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (Đk)1580 x (C) 1300mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
831	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập xe, vật liệu chính thép ống D114x3, D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2410 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
832	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xả đơn 2 bậc, vật liệu chính thép ống D90x3, D34x5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020x (R) 220 x (C) 2280mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
833	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 1 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
834	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 3 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
835	Cung cấp, lắp đặt bàn bóng bàn ngoài trời, vật liệu chính mặt bàn bằng nhựa composite, chân bàn thép ống thép D40 sơn tĩnh điện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

836	Cung cấp, lắp đặt trụ bóng rổ cố định vuông. Vật liệu chính: - Trụ thép hộp vuông 150x150 dày 3mm, thép mã kẽm, nhúng nóng, sơn tĩnh điện màu xanh. - Pano Composite kích thước 1800x1050x25. - Vành rổ đường kính D450 và lưới. - Chân đế bê tông 700x700x900 - 01trụ/bộ.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
837	Cung cấp, lắp đặt ghế ngồi bằng đá granite khối gồm mặt ghế 1400x400x250mm, chân ghế 2 khối 300x300x250mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
838	Cung cấp, lắp đặt ruột thùng rác compsite dày 8mm, đường kính 440mm, cao 500mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
839	Cung cấp cát trắng tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
840	Tháo dỡ, sửa chữa, cung cấp, lắp đặt bàn đạp inox 304	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
841	Tháo dỡ, sửa chữa, thay thế trực quy thiết bị thể dục thể thao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

842	Tháo dỡ, cung cấp tay nắm, bệ đỡ chân thiết bị thú nhún	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
843	Cung cấp, lắp đặt bu lông M10	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
844	Cung cấp, lắp đặt bu lông M12	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
845	Cung cấp, lắp đặt bu lông M14	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
846	Cung cấp, lắp đặt bu lông M16	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
847	Cung cấp hóa chất polycem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
848	Cung cấp hóa chất Epoxy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
849	Tháo dỡ, cung cấp ghế ngồi bằng composite, chiều dày 8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
850	Công tác không thường xuyên 4	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
851	Trồng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

852	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỉa hè)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,5000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
853	Đào đất hố trồng cây	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	331,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
854	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 80 x 80 x 80 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
855	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 100 x 100 x 100 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	301,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
856	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Phượng vĩ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
857	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Móng bò	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
858	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương (lá lớn), Kèn hồng, Lim sét	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
859	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bằng lăng nước, Bò cạp nước, Dầu con rái, Lát hoa, Lộc vừng (hoa đỏ), Me tây, Nhạc ngựa, Sấu, Viêt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
860	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Gõ mật, Me, Sao đen	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

861	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cầm lai, Cầm liên, Cườm rắn, Sanh, Sến cát, Vên vên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
862	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giá ty	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
863	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bún, Gõ nước, Long nảo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
864	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Nhội	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
865	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cầm xe, Cốp hoa trắng, Gõ đỏ, Lim xanh, Mát hai cánh, Mun, Trai	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
866	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Mặc nửa, muồng hoa đào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
867	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Vấp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
868	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương lá nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày

869	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bằng vuông, Bằng lăng ổi, Chiết sen, Chiêu liêu, Đầu lân, Kim giao, Sao xanh, Sỗ, Sưa, Trâm, Vàng anh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
870	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng - Bằng xe bồn: Xe bồn 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	331,0000	1 cây/90 ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
871	Khảo sát, đánh giá cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
872	Khảo sát, đánh giá tổng quan cây xanh từ mặt đất (bước 1), cây loại 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
873	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
874	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	184 ngày
875	NĂM 2027	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
876	Công viên (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
877	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

878	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
879	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,4512	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
880	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
881	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.664,6970	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
882	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.091,8250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
883	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10.017,9750	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
884	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.128,5878	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
885	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.564,2939	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
886	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.946,7174	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
887	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,6500	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

888	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
889	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	333,4320	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
890	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.557,5400	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
891	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	302,5358	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
892	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
893	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.501,5000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
894	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.098,7500	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
895	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.717,9350	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
896	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	63,2656	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
897	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

898	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,8800	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
899	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7100	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
900	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
901	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	357,7200	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
902	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	141,9000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
903	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	329,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
904	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,2394	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
905	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,6710	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
906	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
907	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

908	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.087,5766	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
909	Quét rác thảm cỏ thuần chủng (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.282,2546	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
910	Nhặt rác trong công viên: cây che phủ nền, bồn hoa-kiềng, cây hàng rào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.472,5416	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
911	Nhặt rác trong công viên (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,3536	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
912	Vệ sinh nền đá ốp lát	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,8808	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
913	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	122,4000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
914	Duy trì tượng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	tượng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
915	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
916	Chà rửa nền nhà vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	740,2200	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

917	Chùi rửa bồn tiểu nhà vệ sinh (chùi rửa bồn tiểu, bồn cầu, bồn rửa mặt, gương nhà vệ sinh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.616,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
918	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
919	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	684,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
920	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
921	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	202,9500	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
922	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	39.741,0000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
923	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54.559,5330	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
924	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
925	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,8600	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
926	Duy trì thiết bị TDDT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

927	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
928	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
929	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
930	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
931	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	384,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
932	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
933	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	384,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
934	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
935	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,4280	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
936	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	152,6616	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

937	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	216,9067	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
938	Mảng xanh (Cấp độ 3) & (Cấp độ 4)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
939	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
940	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
941	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.389,7324	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
942	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
943	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14.096,0400	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
944	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.971,3200	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
945	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	99.320,2050	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
946	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14.230,8184	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

947	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.115,4092	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
948	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.859,5415	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
949	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,7200	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
950	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
951	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15.913,4490	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
952	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.280,8530	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
953	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34.130,1240	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
954	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.370,3971	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
955	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
956	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.851,1850	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

957	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.307,8250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
958	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25.160,0250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
959	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	607,7097	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
960	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
961	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	46,4700	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
962	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,0800	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
963	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
964	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.999,7950	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
965	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.202,8050	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
966	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.018,3100	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

967	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	189,9374	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
968	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,9031	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
969	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
970	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,1600	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
971	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
972	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
973	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.656,2785	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
974	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ (DT*20%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	39.667,0685	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
975	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	304.867,5020	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

976	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiểng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	127.526,0543	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
977	Nhặt rác tại mảng xanh (đường đi, nền đường, vỉa hè DT*50%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	49.847,6132	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
978	Nhặt rác tại mảng xanh (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.630,3824	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
979	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.538,8148	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
980	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	135,6000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
981	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
982	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
983	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
984	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

985	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
986	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
987	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.772,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
988	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	408,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
989	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.488,0000	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
990	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	242.665,5000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
991	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108.229,9680	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
992	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
993	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	51,2000	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
994	Duy trì thiết bị TDDT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

995	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
996	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
997	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
998	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
999	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.092,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1000	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1001	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.092,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1002	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1003	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	32,1840	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1004	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0864	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1005	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	153,5728	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1006	Duy trì hệ thống camera	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1007	Vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông (Quản lý vận hành tủ điều khiển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	1 chót/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1008	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1009	Mảng xanh trên địa bàn huyện cần Giờ cũ (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1010	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1011	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1012	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	47.222,9550	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1013	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	524,6995	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1014	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1015	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17.756,3250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1016	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	118,3755	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1017	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1018	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.500,0000	100 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1019	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,6100	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1020	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	51,4700	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1021	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1022	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	19.492,8750	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1023	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	129,9525	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1024	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1025	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,4800	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1026	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1027	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1028	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84.646,5113	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1029	Thu gom, vận chuyển rác tại các công viên, mảng xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1030	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1031	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1032	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1033	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1034	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1035	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1036	Bảo vệ công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1037	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca ngày	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.460,0000	công/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1038	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca đêm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	365,0000	công/đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1039	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1040	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1041	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.472,7600	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1042	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng tập trung trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt (52 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,5670	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1043	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1044	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.901,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1045	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.186,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1046	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1047	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.337,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1048	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.214,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1049	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1050	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1051	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1052	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1053	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.249,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1054	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.201,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1055	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1056	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1057	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1058	Chăm sóc cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1059	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	212,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1060	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.199,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1061	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1062	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1063	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1064	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1065	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1066	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1067	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1068	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1069	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1070	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1071	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1072	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1073	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1074	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d >50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1075	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1076	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1077	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1078	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1079	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1080	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1081	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1082	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1083	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1084	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1085	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1086	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1087	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1088	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,8000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1089	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1090	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk >120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1091	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1092	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1093	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1094	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1095	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1096	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1097	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1098	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1099	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1100	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1101	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1102	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1103	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1104	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1105	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1106	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1107	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1108	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1109	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1110	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk>120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1111	Đào gốc cây xanh loại 3 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1112	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1113	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1114	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1115	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1116	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1117	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1118	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1119	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1120	V/c rác cây cắt thấp tán, không chẻ chiều cao cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1121	V/c rác cây cắt thấp tán, không chẻ chiều cao cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1122	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1123	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1124	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1125	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1126	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1127	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1128	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1129	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1130	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1131	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,5000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1132	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	102,0000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1133	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3 (huyện Cần Giờ cũ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1134	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1135	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1136	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.685,8470	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1137	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1138	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.391,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1139	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1140	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1141	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1142	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1143	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1144	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1145	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1146	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1147	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1148	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1149	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1150	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1151	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1152	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1153	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1154	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1155	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1156	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1157	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤ 50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1158	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1159	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1160	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1161	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1162	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1163	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1164	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1165	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1166	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1167	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1168	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1169	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1170	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1171	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1172	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1173	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1174	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1175	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1176	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1177	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1178	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1179	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1180	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1181	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1182	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1183	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1184	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1185	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1186	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1187	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1188	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1189	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1190	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1191	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1192	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1193	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,3300	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1194	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,3200	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1195	Công tác bảo vệ bãi tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1196	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1197	Bảo vệ bãi tập kết gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1198	Bảo vệ công viên (bảo vệ khu vực tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - giảm đơn giá 40%, bao gồm công tác vận chuyển gỗ về bãi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	146,0000	ha/ngày đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1199	Công tác không thường xuyên 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1200	Vận chuyển đất trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,2000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1201	Trồng cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1202	Trồng cỏ nhung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1203	Trồng cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1204	Trồng hoa: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1205	Trồng hoa: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1206	Trồng hoa: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1207	Trồng hoa: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1208	Trồng hoa: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1209	Trồng hoa: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1210	Trồng hoa: Đồng tiền (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1211	Trồng hoa: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1212	Trồng hoa: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1213	Trồng hoa: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1214	Trồng bồn kiểng: Bạch trinh biển (h=30-35 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1215	Trồng bồn kiểng: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1216	Trồng bồn kiếng: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1217	Trồng bồn kiếng: Búp ta (h = 35-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1218	Trồng bồn kiếng: Bông giấy (h=40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1219	Trồng bồn kiếng: Cẩm tú mai (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1220	Trồng bồn kiếng: Cùm rụm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1221	Trồng bồn kiếng: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1222	Trồng bồn kiếng: Croton (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1223	Trồng bồn kiếng: Cẩm thạch (phủ đầy giỏ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1224	Trồng bồn kiếng: Chuối hoa (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1225	Trồng bồn kiếng: Dền đỏ (h = 10 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1226	Trồng bồn kiếng: Dứa sọc vàng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1227	Trồng bồn kiếng: Dương xỉ (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1228	Trồng bồn kiếng: Đậu phộng kiếng (phủ kín bịch, đk bịch 14cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1229	Trồng bồn kiếng: Đông hầu trắng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1230	Trồng bồn kiếng: Hồng lộc (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1231	Trồng bồn kiếng: Hồng môn (h= 30-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1232	Trồng bồn kiếng: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1233	Trồng bồn kiếng: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1234	Trồng bồn kiếng: Huỳnh anh lá nhỏ (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1235	Trồng bồn kiếng: Kim đồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1236	Trồng bồn kiềng: Lá lốt (h=20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1237	Trồng bồn kiềng: Lá màu thái (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1238	Trồng bồn kiềng: Lá trắng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1239	Trồng bồn kiềng: Lá vàng bạc (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1240	Trồng bồn kiềng: Lài trâu (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1241	Trồng bồn kiềng: Lan rẽ quạt (h=40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1242	Trồng bồn kiềng: Lan ý (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1243	Trồng bồn kiềng: Lẻ bạn (h = 15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1244	Trồng bồn kiềng: Linh sam (h=25-30cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1245	Trồng bồn kiềng: Lưỡi cọp (h = 40-50 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1246	Trồng bồn kiếng: Mất nai (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1247	Trồng bồn kiếng: Mỏ két (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1248	Trồng bồn kiếng: Mười giờ (phủ đầy giò, đk giò = 15-16 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1249	Trồng bồn kiếng: Ngũ gia bì (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1250	Trồng bồn kiếng: Phong huệ hồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1251	Trồng bồn kiếng: Phúc lộc thọ (h=30-35 cm, 03-04 nhánh/giò)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1252	Trồng bồn kiếng: Sanh nhánh (h > 0,8 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1253	Trồng bồn kiếng: Thanh thảo (h=25-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1254	Trồng bồn kiếng: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1255	Trồng bồn kiếng: Trang mỹ các màu (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1256	Trồng bồn kiểng: Trâm ôi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1257	Trồng bồn kiểng: Trầu bà thái (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1258	Trồng bồn kiểng: Trầu bà trắng (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1259	Trồng cây hàng rào: Ấc ó (3 cành/bịch, h cành = 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1260	Trồng rau muống biển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1261	Trồng Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1262	Đào đất hố trồng cây kiểng, dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	29,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1263	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Huỳnh liên (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1264	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Tường vi (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1265	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1266	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Hồng lộc (h = 1,3-1,5 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1267	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau trắng (h = 1,0-1,2 m, đk gốc 15 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1268	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau vàng (h = 0,8-1,0 m, 3-5 tép)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1269	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Mật cật (h = 0,8-1,0 m, 3-5 cây/bụi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1270	Trồng dây leo - Kích thước bầu < 30 x 30 (cm): Sử quân tử (h = 1,0-1,2m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	10 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1271	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Sanh (h = 0,8, tán 35-40 cm, cắt côn)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1272	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 20 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	26.986,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1273	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 30 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	780,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1274	Phòng trừ sâu cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1275	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1276	Bón phân cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1277	Tưới nước bồn hoa, bồn kiếng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - bằng nước máy tưới thủ công (không bao gồm vật liệu)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	220,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1278	Cung cấp cây: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	680,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1279	Cung cấp cây: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	900,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1280	Cung cấp cây: Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm), bầu 30 x 30 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	260,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1281	Cung cấp cây: Cúc Alaska (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.040,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1282	Cung cấp cây: Cúc lá nhám (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	970,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1283	Cung cấp cây: Cúc Hasfarm (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	900,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1284	Cung cấp cây: Cúc tiger (h= 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1285	Cung cấp cây: Cúc mâm xôi (đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	520,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1286	Cung cấp cây: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	490,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1287	Cung cấp cây: Cúc họa mi (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	820,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1288	Cung cấp cây: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	940,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1289	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	720,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1290	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm), loại rủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1291	Cung cấp cây: Diễm châu (h =20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	640,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1292	Cung cấp cây: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	580,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1293	Cung cấp cây: Duyên cúc (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	700,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1294	Cung cấp cây: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	900,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1295	Cung cấp cây: Dừa cạn thái (h = 20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	560,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1296	Cung cấp cây: Hoa hồng lửa (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1297	Cung cấp cây: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	716,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1298	Cung cấp cây: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	480,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1299	Cung cấp cây: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	560,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1300	Cung cấp cây: Hướng dương nhiều bông (h= 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	620,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1301	Cung cấp cây: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	900,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1302	Cung cấp cây: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1303	Cung cấp cây: Móng tay Thái (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	760,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1304	Cung cấp cây: Mồng gà búa tầng (h = 45-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	740,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1305	Cung cấp cây: Mồng gà tui thái đu màu (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	680,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1306	Cung cấp cây: Mỡm sói (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	770,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1307	Cung cấp cây: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	720,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1308	Cung cấp cây: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	600,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1309	Cung cấp cây: Phi yến (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	900,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1310	Cung cấp cây: Sao nhái màu thái (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1311	Cung cấp cây: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	500,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1312	Cung cấp cây: Trạng nguyên (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	840,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1313	Cung cấp cây: Trâm ỏi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	720,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1314	Cung cấp cây: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	920,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1315	Cung cấp cây: Lan hồ điệp các màu (1-2 cành/chậu, 4-6 bông nở và 5-7 nụ/cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1316	Cung cấp cây: Sen (h= 0,5-0,7 m, đk chậu 0,25-0,3 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1317	Cung cấp cây: Kim phát tài (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	220,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1318	Cung cấp cây: Phên tre	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	75,0000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1319	Cung cấp cây: Chậu xơ dừa tròn (đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1320	Cung cấp cây: Chậu nhựa chảo treo có dây xích (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1321	Cung cấp cây: Lồng chim bằng tre sơn trắng (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1322	Cung cấp cây: Cắn xé (h = 27-30 cm, đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1323	Cung cấp cây: Cắn xé (h = 17-20 cm, đk 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1324	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 40 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1325	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 50 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1326	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 60 cm; h = 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1327	Cung cấp cây: Tầm vông (đk bq = 5 cm, dài = 4 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1328	Công tác không thường xuyên 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1329	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1330	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/ 3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1331	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1332	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1333	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1334	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1335	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1336	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/Q=3,6-12 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1337	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/Q= 9-24 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1338	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/Q=4,8-14 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1339	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ Q=36-58 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1340	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/Q= 30 - 78 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1341	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/ Q= 42- 96 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1342	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ Q= 60- 104 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1343	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 3HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1344	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 5HP - 5,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1345	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 7,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1346	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 10HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1347	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 15HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1348	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 20HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1349	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 25HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1350	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1351	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1352	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1353	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1354	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1355	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1356	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1357	Sửa chữa và thay linh kiện: board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1358	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1359	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn và board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1360	Cung cấp, lắp đặt Camera hồng ngoại , gắn ngoài trời (góc quay 360°, Góc quét -15° to 90°) + Chuẩn nén H.265+/H.265 + Độ phân giải 1920 × 1080@30/25fps + Ống kính 4.8 mm to 120 mm, + Tiêu chuẩn IP66 + Hỗ trợ cổng Audio I/O + Nguồn 12VDC, POE+ + Zoom số 16x, zoom quang 25x + Hỗ trợ Park Action, ghi nhớ vị trí trước khi mất điện. - Nguồn 12V/POE QTF-PEU2A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1361	Kiểm nghiệm hóa lý vi sinh nước uống cây nước uống công cộng DAD-CO2 tại công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	gói	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1362	Dịch vụ hàn nối sợi cáp quang (loại singel mode)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	mỗi hàn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1363	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị chuyển đổi quang điện (Nguồn điện vào: 110~240AC. Nguồn điện ra: 5V - 2A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1364	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị camera (Nguồn điện ra: POE 48V - 0.5A/ 12VDC - 3.33A/ 24VAC - 3A; Nguồn điện vào: 110-240VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1365	Cung cấp, lắp đặt dây nhảy quang SC-SC simplex, single mode 1,5m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	sợi	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1366	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 7,5 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1367	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 10 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1368	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 15 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1369	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 20 HP - 380	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1370	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 25 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1371	Cung cấp mảng xông quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1372	Cung cấp hộp phối quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1373	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 225\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1374	Cung cấp cáp điện điều khiển hệ Decoder 2x1,8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1375	Cung cấp dây cáp điện CVV 2x1,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1376	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1377	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ dòng chảy (U= 220VAC ; I=15A; Áp suất P= 0-10kg/cm ²)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1378	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ mất pha (U= 400VAC + Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1379	Cung cấp, lắp đặt rơ le nhiệt 0,63-19A/21,5-40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1380	Cung cấp, lắp đặt rơ le trung gian 24VAC/220VAC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1381	Cung cấp, lắp đặt bộ điều khiển 8 kênh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1382	Cung cấp, lắp đặt bộ nhận tín hiệu Decoder cho Van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1383	Cung cấp, lắp đặt Cảm biến áp suất 0-10 bar (Điện áp: 9-30VDC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1384	Cung cấp, lắp đặt cuộn dây SOLENOID 24VAC cho van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1385	Cung cấp, lắp đặt dây cáp quang 4 core SM	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1386	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 9W/ 220V (560/620/750 Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1387	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 12W/220V (950/1020Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1388	Cung cấp, lắp đặt biến áp cách ly 25VA (điện áp vào: 415/380/220 VAC- điện áp ra: 220/110/48/36/24 VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1389	Cung cấp khởi động từ 3 pha 18A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1390	Cung cấp khởi động từ 3 pha 32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1391	Cung cấp khởi động từ 3 pha 40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1392	Cung cấp MCCB 3P-15/20/30/40/50A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1393	Lắp đặt aptomat 3 pha, cường độ dòng điện ≤ 50 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1394	Cung cấp MCB 2P-6A/10A/16A/20A/25A/32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1395	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện ≤ 10 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1396	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa ABS 300W-400H-200D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1397	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 500W-760H-340D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1398	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 1100H-1150W-400D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1399	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, độ cao của tủ điện < 2 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

HSMT*Gói thầu: Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3*

1400	Cung cấp, lắp đặt bộ công tắc áp lực 2-14 bar (điện áp 220VAC/16A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1401	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1" 100 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1402	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1.1/2" 150 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1403	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 2" 200 PGA (Điện áp 24VAC; P=: 1.4 - 10.3 bar; Q= 4.5 - 34 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1404	Cung cấp co HDPE Ø40 (40*40mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1405	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1406	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1407	Cung cấp tê HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1408	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1409	Cung cấp co HDPE Ø63 (63*63mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1410	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1411	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1412	Cung cấp tê HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1413	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 63mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1414	Cung cấp co HDPE Ø90 (90*90mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1415	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1416	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1417	Cung cấp tê HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1418	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1419	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø40 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1420	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø63 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1421	Lắp đai khởi thủy, đường kính 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1422	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø90 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1423	Lắp đai khởi thủy, đường kính 80mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1424	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø110	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1425	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 110mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1426	Cung cấp ống HDPE Ø40-8 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1427	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D40/50	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1428	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m, đường kính ống 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,3157	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1429	Cung cấp ống HDPE Ø63-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1430	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D50/65	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1431	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 100m, đường kính ống 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1432	Cung cấp ống HDPE Ø90-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1433	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 25m, đường kính ống 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1434	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D25/32	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1435	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D30/40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1436	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 25mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1437	Cung cấp co 17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1438	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 050	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1439	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 075	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1440	Cung cấp nối MPT 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1441	Cung cấp nối thẳng Ø 17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1442	Cung cấp ống dẻo Ø16 mm SPX-100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1443	Cung cấp tê nối gai 17x17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1444	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1445	Cung cấp ống ri Ø16 mm XFS-23-33-100, với lưu lượng của từng lỗ ri là 2,3l/h	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1446	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1447	Cung cấp dây điện CVV 2x2,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1448	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột ≤ 4mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1449	Cung cấp dây điện CVV 3x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	80,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1450	Cung cấp dây điện CVV 3x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1451	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1452	Cung cấp dây điện CVV/DSTA 4x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1453	Cung cấp dây điện CVV 4x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1454	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột <= 25mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1455	Cung cấp, lắp đặt dây cáp mạng UTP Cat6	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1456	Cung cấp co dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1457	Cung cấp nối thẳng dây uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1458	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1459	Cung cấp co dầy uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1460	Cung cấp nối thẳng dầy uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1461	Lắp đặt cắt nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cắt 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1462	Cung cấp ống uPVC Ø60 - 3,0 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1463	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1464	Cung cấp ống uPVC Ø90 - 3,8 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1465	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1466	Cung cấp, lắp đặt hộp bảo vệ van 10"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1467	Cung cấp, lắp đặt béc phun spray các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1468	Cung cấp, lắp đặt béc phun rotary các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1469	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 4,6-10m với áp lực nước 1,7-3,4 bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1470	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 5,8-15m với áp lực nước 1,7-4,5bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1471	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 4" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1472	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 6" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1473	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 12" (chiều cao khi tưới = 30 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1474	Tháo, quấn lại cuộn dây Solenoid 24VAC (bao gồm :cắt phá dỡ keo cũ, quấn dây mới , lắp lại đồ keo mới, đo điện trở) cho van điện từ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1475	Cung cấp, lắp đặt phao điện chống tràn, chống cạn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1476	Lắp đặt các loại đồng hồ - Rơ le	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1477	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1478	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 40\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1479	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1480	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1481	Công tác không thường xuyên 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1482	Phá dỡ nền gạch lá nem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1483	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1484	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1485	Phá dỡ xà dầm, giằng bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1486	Phá dỡ cột, trụ bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1487	Phá dỡ cột, trụ gạch đá	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1488	Phá dỡ sàn, mái bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1489	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, gạch vữa nghiêng trên mái	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1490	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1491	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1492	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1493	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1494	Đục nhám mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1495	Tháo dỡ mái ngói chiều cao $\leq 16m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1496	Tháo dỡ trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,5000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1497	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1498	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1499	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1500	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, ...)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1501	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 20 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1502	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 50 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1503	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 100 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1504	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 150 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1505	Tháo dỡ cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, trọng lượng cấu kiện $\leq 2T$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1506	Đục lỗ thông tường xây gạch, chiều dày tường ≤ 11 cm, tiết diện lỗ $\leq 0,04m^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	lỗ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1507	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 10\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1508	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1509	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 16\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1510	Xây mái dốc thẳng bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1511	Hàn gia cố bản mã tại cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	10m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1512	Lắp đặt cột thép gia cố các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1513	Gia cố kết cấu thép, loại kết cấu sàn thao tác, cầu thang, lan can và các loại kết cấu khác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1514	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1515	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1516	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1517	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1518	Quét nước xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1519	Bốc xếp sắt thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1520	Bốc xếp gỗ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1521	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1522	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1523	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $< 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1524	Cắt mặt đường bê tông Asphalt chiều dày lớp cắt $\leq 5\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1525	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang chiều dày lớp sơn 1,5mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1526	Dán màng phản quang đầu dải phân cách (3900)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1527	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1528	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1529	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1530	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1531	Phá dỡ kết cấu gạch bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1532	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1533	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1534	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1535	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp I	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1536	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1537	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1538	Đào nền đường bằng thủ công, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1539	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1540	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1541	Đào san đất bằng máy đào 1,25 m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1542	Đào san đất trong phạm vi $\leq 50\text{m}$ bằng máy ủi 110CV, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1543	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1544	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 1000\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1545	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 5\text{km}$, đất cấp II (4km tiếp theo)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1546	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II (tiếp 10km tiếp theo đến nơi đổ đúng quy định)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1547	Thi công móng cấp phối đá dăm, Độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$ đầm nén tiêu chuẩn, Lớp trên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1548	Rải thảm mặt đường đá dăm đen, chiều dày mặt đường đã lèn ép 10cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1549	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1550	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 1,0 kg/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1551	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq 12,5$), chiều dày mặt đường đã lèn ép 3cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1552	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq 12,5$), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1553	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày ≤ 10 cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1554	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng ≤ 250 cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1555	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng $\leq 250\text{cm}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1556	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1557	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1558	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 250	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1559	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1560	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông tường dày $\leq 45\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1561	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1562	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao $\leq 28\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1563	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông sân mái đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1564	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1565	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1566	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1567	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1568	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1569	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1570	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1571	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1572	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1573	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1574	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép lanh tô liên mái hắt, máng nước, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1575	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5200	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1576	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1577	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1578	Ván khuôn gỗ, ván khuôn lanh tô, lanh tô liên mái hắt, máng nước, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1579	Ván khuôn gỗ, ván khuôn nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1580	Ván khuôn gỗ, ván khuôn tường thẳng, chiều dày $\leq 45\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1581	Ván khuôn thép, ván khuôn móng dài	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1582	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1583	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1584	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1585	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông kết cấu khác đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1586	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1587	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn nắp đan, tấm chớp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1588	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp cột, trọng lượng cấu kiện $\leq 2,5$ tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1589	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp giá đỡ mái chông diêm, con sơn, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1590	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng từ 50kg đến 200kg bằng cần cẩu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1591	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 25\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1592	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1593	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1594	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1595	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$ (vật tư tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1596	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 8,1\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1597	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công cầu phong gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1598	Gia công cột bằng thép hình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1599	Gia công cột bằng thép tấm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1600	Gia công xà gỗ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1601	Gia công lan can	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1602	Gia công hàng rào lưới thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1603	Gia công hàng rào song sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1604	Gia công hệ sàn dạo, sàn thao tác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1605	Gia công các kết cấu thép khác. Gia công vỏ bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1606	Lắp dựng cột thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1607	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1608	Lắp dựng xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1609	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1610	Nhôm dày 1,4mm, kính cường lực dày 10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1611	Lắp dựng lan can sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1612	Lắp đặt kết cấu thép khác. Vỏ bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1613	Lợp mái ngói 22 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1614	Thi công vách bằng tấm thạch cao (tấm compact dày 12mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1615	Lợp mái ngói 13 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1616	Lợp mái ngói 75 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1617	Lợp mái ngói âm dương 80 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1618	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ (dày 0,5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1619	Lợp mái che tường bằng tấm nhựa (dày 5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1620	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1621	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1622	Trát trần, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1623	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1624	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1625	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1626	Trát sênô, mái hắt, lam ngang, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1627	Trát đá rửa trụ cột, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1628	Trát đá rửa thành sênô, ô văng, lan can, diềm chắn nắng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1629	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,25\text{m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1630	Công tác ốp gạch vào chân tường, viên tường, viên trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,036\text{m}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1631	Công tác ốp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán (dày 2cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1632	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,16 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1633	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,16 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1634	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,25 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1635	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,25 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1636	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1637	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1638	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75 (không tính vật tư)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1639	Láng granitô nền sàn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1640	Láng gắn sỏi nền, sân, hè đường, chiều dày láng 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1641	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1642	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1643	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1644	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1645	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch bê tông tự chèn trồng cỏ 2 lỗ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1646	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1647	Lát gạch đất nung, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1648	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1649	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1650	Bố vỉa hè, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bố vỉa thẳng 18x22x100cm, vữa XM mác 75 (bố vỉa đá granite 100x200)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1651	Thi công trần gỗ dán	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1652	Thi công trần bằng tấm nhựa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1653	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1654	Thi công mặt sàn gỗ, ván dày 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1655	Quét nước xi măng 2 nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1656	Bả bằng bột bả vào tường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1657	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1658	Sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1659	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1660	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1661	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1662	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1663	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1664	Sơn sàn, nền, bề mặt bê tông bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1665	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1666	Bảo vệ bề mặt đá tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1667	Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1668	Vệ sinh nền đá trước khi đổ bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1669	Lắp dựng dàn giàn giáo ngoài, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,1000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1670	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp lên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1671	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤ 1 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1672	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 10 km (vận chuyển tiếp 9km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1673	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp xuống	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1674	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1675	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1676	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1677	Bốc lên bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1678	Bốc xuống bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1679	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1680	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1681	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1682	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (tháo dỡ bạc đạn đơn giá bằng 60%BB.83101)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1683	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (bạc đạn 6002-6005)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1684	Lắp đặt chậu xí bệt (kích thước 728x396x724)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1685	Lắp đặt chậu tiểu nam (kích thước 330x330x640)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1686	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi (Kích thước: 497D*462R*762C mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1687	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (vòi lavabo bán tự động)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1688	Lắp đặt phễu thu, đường kính 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1689	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1690	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1691	Lắp đặt ống thép không gỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1692	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1693	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1694	Cung cấp đá granite trắng hồng cỡ hạt: 5-10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1695	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 10-20mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1696	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 20-30mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1697	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập chân, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1910 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1698	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ lắc tay, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020 x (R) 610 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1699	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ trên không, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2530 x (R) 670 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1700	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng bụng, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1540 x (R) 1430 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1701	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng eo, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1650 x (R) 790 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1702	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đôi, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1740 x (R) 1040 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1703	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D49x3, D27x1.5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1060 x (R) 940 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1704	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xả đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1630 x (R) 810 x (C) 2270mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1705	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xả kép, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2440 x (R) 720 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1706	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xoay eo, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (Đk)1580 x (C) 1300mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1707	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập xe, vật liệu chính thép ống D114x3, D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2410 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1708	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xả đơn 2 bậc, vật liệu chính thép ống D90x3, D34x5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020x (R) 220 x (C) 2280mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1709	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 1 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1710	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 3 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1711	Cung cấp, lắp đặt bàn bóng bàn ngoài trời, vật liệu chính mặt bàn bằng nhựa composite, chân bàn thép ống thép D40 sơn tĩnh điện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1712	Cung cấp, lắp đặt trụ bóng rổ cố định vuông. Vật liệu chính: - Trụ thép hộp vuông 150x150 dày 3mm, thép mã kẽm, nhúng nóng, sơn tĩnh điện màu xanh. - Pano Composite kích thước 1800x1050x25. - Vành rổ đường kính D450 và lưới. - Chân đế bê tông 700x700x900 - 01trụ/bộ.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1713	Cung cấp, lắp đặt ghế ngồi bằng đá granite khối gồm mặt ghế 1400x400x250mm, chân ghế 2 khối 300x300x250mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1714	Cung cấp, lắp đặt ruột thùng rác compsite dày 8mm, đường kính 440mm, cao 500mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1715	Cung cấp cát trắng tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1716	Tháo dỡ, sửa chữa, cung cấp, lắp đặt bàn đạp inox 304	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1717	Tháo dỡ, sửa chữa, thay thế trực quy thiết bị thể dục thể thao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1718	Tháo dỡ, cung cấp tay nắm, bộ đế chân thiết bị thú nhún	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1719	Cung cấp, lắp đặt bu lông M10	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1720	Cung cấp, lắp đặt bu lông M12	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1721	Cung cấp, lắp đặt bu lông M14	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1722	Cung cấp, lắp đặt bu lông M16	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1723	Cung cấp hóa chất polycem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1724	Cung cấp hóa chất Epoxy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1725	Tháo dỡ, cung cấp ghế ngồi bằng composite, chiều dày 8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1726	Công tác không thường xuyên 4	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1727	Trồng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1728	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỉa hè)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1729	Đào đất hố trồng cây	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	721,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1730	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 80 x 80 x 80 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	66,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1731	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 100 x 100 x 100 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	655,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1732	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Phượng vĩ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1733	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Móng bò	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1734	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương (lá lớn), Kèn hồng, Lim sét	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	86,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1735	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bằng lăng nước, Bò cạp nước, Dầu con rái, Lát hoa, Lộc vừng (hoa đỏ), Me tây, Nhạc ngựa, Sấu, Viêt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	86,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1736	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Gõ mật, Me, Sao đen	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	86,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1737	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cẩm lai, Cẩm liên, Cườm răn, Sanh, Sên cát, Vên vên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	86,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1738	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giả tỵ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1739	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bún, Gõ nước, Long nảo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1740	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Nhội	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1741	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cẩm xe, Cóp hoa trắng, Gõ đỏ, Lim xanh, Mát hai cánh, Mun, Trai	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1742	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Mắc nưa, muồng hoa đào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	45,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày

1743	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Vấp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1744	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương lá nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1745	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bàng vuông, Bàng lẵng ôi, Chiết sen, Chiêu liêu, Đầu lân, Kim giao, Sao xanh, Sỗ, Sưa, Trâm, Vàng anh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	86,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1746	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng - Bể xe bồn: Xe bồn 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	721,0000	1 cây/90 ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1747	Khảo sát, đánh giá cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1748	Khảo sát, đánh giá tổng quan cây xanh từ mặt đất (bước 1), cây loại 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1749	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1750	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	365 ngày
1751	NĂM 2028	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1752	Công viên (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1753	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1754	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1755	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,4512	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1756	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1757	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.664,6970	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1758	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.091,8250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1759	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10.017,9750	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1760	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.128,5878	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1761	Làm cỏ tạt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.564,2939	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1762	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.946,7174	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1763	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,6500	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1764	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1765	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	333,4320	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1766	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.557,5400	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1767	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	302,5358	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1768	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1769	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.501,5000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1770	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.098,7500	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1771	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.717,9350	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1772	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	63,2656	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1773	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1774	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,8800	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1775	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7100	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1776	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1777	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	357,7200	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1778	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	141,9000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1779	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	329,1000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1780	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,2394	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1781	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,6710	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1782	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1783	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1784	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.087,5766	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1785	Quét rác thảm cỏ thuần chủng (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.282,2546	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1786	Nhặt rác trong công viên: cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.472,5416	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1787	Nhặt rác trong công viên (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,3536	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1788	Vệ sinh nền đá ốp lát	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,8808	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1789	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	122,4000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1790	Duy trì tượng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	tượng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1791	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1792	Chà rửa nền nhà vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	740,2200	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1793	Chùi rửa bồn tiểu nhà vệ sinh (chùi rửa bồn tiểu, bồn cầu, bồn rửa mặt, gương nhà vệ sinh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.616,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1794	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1795	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	684,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1796	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1797	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	202,9500	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1798	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	39.741,0000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1799	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54.559,5330	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1800	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1801	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,8600	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1802	Duy trì thiết bị TDTT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1803	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1804	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1805	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1806	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1807	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	384,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1808	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1809	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	384,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1810	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1811	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,4280	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1812	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	152,6616	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1813	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	216,9067	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1814	Mảng xanh (Cấp độ 3) & (Cấp độ 4)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1815	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1816	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1817	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.389,7324	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1818	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1819	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14.096,0400	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1820	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.971,3200	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1821	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 5m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	99.320,2050	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1822	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14.230,8184	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1823	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.115,4092	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1824	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.859,5415	1 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1825	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,7200	1 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1826	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1827	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15.913,4490	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1828	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.280,8530	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1829	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34.130,1240	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1830	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.370,3971	100 m ² /năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1831	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1832	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.851,1850	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1833	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.307,8250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1834	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25.160,0250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1835	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	607,7097	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1836	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1837	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	46,4700	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1838	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34,0800	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1839	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1840	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.999,7950	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1841	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.202,8050	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1842	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.018,3100	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1843	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	189,9374	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1844	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,9031	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1845	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1846	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,1600	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1847	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1848	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1849	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.656,2785	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1850	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ (DT*20%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	39.667,0685	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1851	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiểng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	304.867,5020	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1852	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiểng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	127.526,0543	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1853	Nhặt rác tại mảng xanh (đường đi, nền đường, vỉa hè DT*50%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	49.847,6132	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1854	Nhặt rác tại mảng xanh (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.630,3824	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1855	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.538,8148	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1856	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	135,6000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1857	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1858	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1859	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1860	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1861	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	182,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1862	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1863	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.772,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1864	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	408,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1865	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.488,0000	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1866	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	242.665,5000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1867	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108.229,9680	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1868	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	288,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1869	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	51,2000	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1870	Duy trì thiết bị TDDT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1871	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1872	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1873	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1874	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1875	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.092,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1876	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1877	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.092,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1878	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1879	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	32,1840	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1880	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	108,0864	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1881	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	153,5728	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1882	Duy trì hệ thống camera	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1883	Vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông (Quản lý vận hành tủ điều khiển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	1 chốt/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1884	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1885	Mảng xanh trên địa bàn huyện cần Giờ cũ (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1886	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1887	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1888	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	47.222,9550	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1889	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	524,6995	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1890	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1891	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17.756,3250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1892	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	118,3755	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1893	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1894	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.500,0000	100 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1895	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,6100	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1896	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	51,4700	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1897	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1898	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	19.492,8750	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1899	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	129,9525	100 m ² /năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1900	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1901	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,4800	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1902	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1903	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1904	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	84.646,5113	100m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1905	Thu gom, vận chuyển rác tại các công viên, mảng xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1906	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1907	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1908	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1909	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1910	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1911	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.015,5300	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1912	Công tác bảo vệ tại các công viên, mảng xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1913	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1914	Bảo vệ công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1915	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca ngày	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.460,0000	công/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1916	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca đêm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	365,0000	công/đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1917	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1918	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1919	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1920	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8.472,7600	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1921	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng tập trung trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt (52 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,5670	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1922	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1923	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.901,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1924	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.186,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1925	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1926	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.337,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1927	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.214,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1928	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1929	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1930	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.551,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1931	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1932	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.249,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1933	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.201,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1934	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1935	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1936	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.450,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1937	Chăm sóc cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1938	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	212,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1939	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.199,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1940	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1941	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1942	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.411,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1943	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1944	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1945	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1946	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1947	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1948	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1949	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1950	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1951	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1952	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1953	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d >50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1954	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1955	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1956	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1957	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1958	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1959	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1960	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1961	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1962	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1963	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1964	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1965	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1966	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1967	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,8000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1968	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1969	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk >120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,6000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1970	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1971	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1972	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1973	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1974	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1975	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1976	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1977	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1978	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1979	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	478,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1980	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1981	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1982	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1983	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1984	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1985	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	573,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1986	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1987	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1988	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1989	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk>120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1990	Đào gốc cây xanh loại 3 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1991	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1992	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1993	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	71,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1994	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

1995	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	229,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1996	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1997	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1998	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
1999	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2000	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2001	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2002	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2003	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2004	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2005	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2006	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2007	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2008	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2009	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2010	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,5000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2011	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	102,0000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2012	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3 (huyện Cần Giờ cũ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2013	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2014	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2015	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.685,8470	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2016	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2017	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.391,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2018	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2019	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2020	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2021	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2022	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.812,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2023	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2024	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2025	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2026	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2027	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	128,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2028	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2029	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2030	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2031	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2032	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2033	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2034	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2035	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2036	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2037	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2038	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2039	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2040	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2041	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2042	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2043	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2044	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2045	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2046	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2047	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2048	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2049	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2050	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2051	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2052	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2053	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2054	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	191,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2055	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2056	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2057	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2058	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2059	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2060	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2061	Cắt thấp tán, không chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2062	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2063	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2064	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2065	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2066	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2067	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2068	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2069	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2070	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2071	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2072	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,3300	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2073	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,3200	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2074	Công tác bảo vệ bãi tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2075	Bảo vệ công viên (bảo vệ khu vực tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - giảm đơn giá 40%, bao gồm công tác vận chuyển gỗ về bãi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	146,0000	ha/ngày đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2076	Công tác không thường xuyên 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2077	Vận chuyển đất trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	83,1000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2078	Trồng cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2079	Trồng cỏ nhung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2080	Trồng cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2081	Trồng hoa: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2082	Trồng hoa: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2083	Trồng hoa: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2084	Trồng hoa: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2085	Trồng hoa: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2086	Trồng hoa: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2087	Trồng hoa: Đồng tiền (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2088	Trồng hoa: Mân mân cánh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2089	Trồng hoa: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2090	Trồng hoa: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2091	Trồng bồn kiếng: Bạch trinh biển (h=30-35 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2092	Trồng bồn kiếng: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2093	Trồng bồn kiếng: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2094	Trồng bồn kiếng: Búp ta (h = 35-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2095	Trồng bồn kiếng: Bông giấy (h=40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2096	Trồng bồn kiếng: Cẩm tú mai (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2097	Trồng bồn kiếng: Cùm rụm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2098	Trồng bồn kiếng: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2099	Trồng bồn kiếng: Croton (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2100	Trồng bồn kiếng: Cẩm thạch (phủ đầy giò)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2101	Trồng bồn kiếng: Chuối hoa (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2102	Trồng bồn kiếng: Dền đỏ (h = 10 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2103	Trồng bồn kiếng: Dứa sọc vàng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2104	Trồng bồn kiếng: Dương xỉ (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2105	Trồng bồn kiếng: Đậu phộng kiếng (phủ kín bịch, đk bịch 14cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2106	Trồng bồn kiếng: Đông hầu trắng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2107	Trồng bồn kiếng: Hồng lộc (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2108	Trồng bồn kiếng: Hồng môn (h= 30-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2109	Trồng bồn kiếng: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2110	Trồng bồn kiếng: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2111	Trồng bồn kiếng: Huỳnh anh lá nhỏ (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2112	Trồng bồn kiếng: Kim đồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2113	Trồng bồn kiếng: Lá lốt (h=20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2114	Trồng bồn kiếng: Lá màu thái (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2115	Trồng bồn kiếng: Lá trắng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2116	Trồng bồn kiếng: Lá vàng bạc (h= 20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2117	Trồng bồn kiếng: Lài trâu (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2118	Trồng bồn kiếng: Lan rẽ quạt (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2119	Trồng bồn kiếng: Lan ý (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2120	Trồng bồn kiếng: Lê bạn (h = 15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2121	Trồng bồn kiếng: Linh sam (h=25-30cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2122	Trồng bồn kiếng: Lưỡi cọp (h = 40-50 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2123	Trồng bồn kiếng: Mất nai (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2124	Trồng bồn kiếng: Mỏ két (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2125	Trồng bồn kiếng: Mười giờ (phủ đầy giỏ, đk giỏ = 15-16 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2126	Trồng bồn kiếng: Ngũ gia bì (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2127	Trồng bồn kiếng: Phong huệ hồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2128	Trồng bồn kiếng: Phúc lộc thọ (h=30-35 cm, 03-04 nhánh/giỏ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2129	Trồng bồn kiếng: Sanh nhánh (h > 0,8 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2130	Trồng bồn kiếng: Thanh thảo (h=25-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2131	Trồng bồn kiếng: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2132	Trồng bồn kiếng: Trang mỹ các màu (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2133	Trồng bồn kiếng: Trâm ôi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2134	Trồng bồn kiếng: Trầu bà thái (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2135	Trồng bồn kiếng: Trầu bà trắng (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2136	Trồng cây hàng rào: Ấc ó (3 cành/bịch, h cành = 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2137	Trồng rau muống biển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2138	Trồng Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,2600	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2139	Đào đất hố trồng cây kiếng, dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	126,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2140	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Huỳnh liên (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2141	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Tường vi (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2142	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2143	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Hồng lộc (h = 1,3-1,5 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2144	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau trắng (h = 1,0-1,2 m, đk gốc 15 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2145	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau vàng (h = 0,8-1,0 m, 3-5 tép)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2146	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Mật cật (h = 0,8-1,0 m, 3-5 cây/bụi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2147	Trồng dây leo - Kích thước bầu < 30 x 30 (cm): Sứ quân tử (h = 1,0-1,2m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	10 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2148	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Sanh (h = 0,8, án 35-40 cm, cắt côn)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	105,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2149	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 20 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48.116,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2150	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 30 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.490,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2151	Phòng trừ sùng cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	134,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2152	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	210,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2153	Bón phân cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	110,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2154	Tưới nước bồn hoa, bồn kiếng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - bằng nước máy tưới thủ công (không bao gồm vật liệu)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2155	Cung cấp cây: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2156	Cung cấp cây: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.800,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2157	Cung cấp cây: Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm), bầu 30 x 30 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	500,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2158	Cung cấp cây: Cúc Alaska (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.080,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2159	Cung cấp cây: Cúc lá nhám (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2160	Cung cấp cây: Cúc Hasfarm (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.400,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2161	Cung cấp cây: Cúc tiger (h= 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.680,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2162	Cung cấp cây: Cúc mâm xôi (đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.040,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2163	Cung cấp cây: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	980,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2164	Cung cấp cây: Cúc họa mi (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.640,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2165	Cung cấp cây: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2166	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.440,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2167	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm), loại rũ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2168	Cung cấp cây: Diễm châu (h =20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.160,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2169	Cung cấp cây: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.160,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2170	Cung cấp cây: Duyên cúc (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.400,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2171	Cung cấp cây: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.800,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2172	Cung cấp cây: Dừa cạn thái (h = 20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2173	Cung cấp cây: Hoa hồng lửa (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.680,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2174	Cung cấp cây: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.432,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2175	Cung cấp cây: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	960,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2176	Cung cấp cây: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.120,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2177	Cung cấp cây: Hướng dương nhiều bông (h= 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.240,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2178	Cung cấp cây: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.800,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2179	Cung cấp cây: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.680,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2180	Cung cấp cây: Móng tay Thái (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.520,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2181	Cung cấp cây: Mồng gà búa tầng (h = 45-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.480,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2182	Cung cấp cây: Mồng gà tui thái đủ màu (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2183	Cung cấp cây: Mỡm sói (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2184	Cung cấp cây: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.200,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2185	Cung cấp cây: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2186	Cung cấp cây: Phi yến (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2187	Cung cấp cây: Sao nhái màu thái (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.584,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2188	Cung cấp cây: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2189	Cung cấp cây: Trạng nguyên (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.680,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2190	Cung cấp cây: Trâm ỏi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.440,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2191	Cung cấp cây: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.000,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2192	Cung cấp cây: Lan hồ điệp các màu (1-2 cành/chậu, 4-6 bông nở và 5-7 nụ/cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2193	Cung cấp cây: Sen (h= 0,5-0,7 m, đk chậu 0,25-0,3 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	480,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2194	Cung cấp cây: Kim phát tài (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	410,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2195	Cung cấp cây: Phên tre	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2196	Cung cấp cây: Chậu xơ dừa tròn (đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2197	Cung cấp cây: Chậu nhựa chảo treo có dây xích (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2198	Cung cấp cây: Lồng chim bằng tre sơn trắng (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2199	Cung cấp cây: Cành xé (h = 27-30 cm, đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2200	Cung cấp cây: Cành xé (h = 17-20 cm, đk 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2201	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 40 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2202	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 50 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2203	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 60 cm; h = 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2204	Cung cấp cây: Tầm vông (đk bq = 5 cm, dài = 4 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2205	Công tác không thường xuyên 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2206	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2207	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/ 3 pha)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

	380V)					
2208	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2209	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2210	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2211	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2212	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2213	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/Q=3,6-12 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2214	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/Q= 9-24 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2215	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/Q=4,8-14 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2216	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ Q=36-58 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2217	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/Q= 30 - 78 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2218	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/ Q= 42- 96 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2219	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ Q= 60- 104 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2220	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 3HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2221	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 5HP - 5,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2222	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 7,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2223	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 10HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2224	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 15HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2225	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 20HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2226	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 25HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2227	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2228	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2229	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2230	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2231	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2232	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2233	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2234	Sửa chữa và thay linh kiện: board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2235	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2236	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn và board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2237	Cung cấp, lắp đặt Camera hồng ngoại , gắn ngoài trời (góc quay 360°, Góc quét -15° to 90°) + Chuẩn nén H.265+/H.265 + Độ phân giải 1920 × 1080@30/25fps + Ống kính 4.8 mm to 120 mm, + Tiêu chuẩn IP66 + Hỗ trợ cổng Audio I/O + Nguồn 12VDC, POE+ + Zoom số 16x, zoom quang 25x + Hỗ trợ Park Action, ghi nhớ vị trí trước khi mất điện. - Nguồn 12V/POE QTF-PEU2A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2238	Kiểm nghiệm hóa lý vi sinh nước uống cây nước uống công cộng DAD-CO2 tại công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	gói	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2239	Dịch vụ hàn nối sợi cáp quang (loại singel mode)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	mỗi hàn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2240	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị chuyển đổi quang điện (Nguồn điện vào: 110~240AC. Nguồn điện ra: 5V - 2A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2241	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị camera (Nguồn điện ra: POE 48V - 0.5A/ 12VDC - 3.33A/ 24VAC - 3A; Nguồn điện vào: 110-240VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2242	Cung cấp, lắp đặt dây nhảy quang SC-SC simplex, single mode 1,5m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	sợi	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2243	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 7,5 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2244	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 10 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2245	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 15 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2246	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 20 HP - 380	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2247	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 25 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2248	Cung cấp mảng xông quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2249	Cung cấp hộp phối quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2250	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 225\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2251	Cung cấp cáp điện điều khiển hệ Decoder 2x1,8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2252	Cung cấp dây cáp điện CVV 2x1,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2253	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2254	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ dòng chảy (U= 220VAC ; I=15A; Áp suất P= 0-10kg/cm ²)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2255	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ mất pha (U= 400VAC + Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2256	Cung cấp, lắp đặt rơ le nhiệt 0,63-19A/21,5-40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2257	Cung cấp, lắp đặt rơ le trung gian 24VAC/220VAC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2258	Cung cấp, lắp đặt bộ điều khiển 8 kênh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2259	Cung cấp, lắp đặt bộ nhận tín hiệu Decoder cho Van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2260	Cung cấp, lắp đặt Cảm biến áp suất 0-10 bar (Điện áp: 9-30VDC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2261	Cung cấp, lắp đặt cuộn dây SOLENOID 24VAC cho van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2262	Cung cấp, lắp đặt dây cáp quang 4 core SM	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2263	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 9W/ 220V (560/620/750 Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2264	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 12W/220V (950/1020Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2265	Cung cấp, lắp đặt biến áp cách ly 25VA (điện áp vào: 415/380/220 VAC- điện áp ra: 220/110/48/36/24 VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2266	Cung cấp khởi động từ 3 pha 18A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2267	Cung cấp khởi động từ 3 pha 32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2268	Cung cấp khởi động từ 3 pha 40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2269	Cung cấp MCCB 3P-15/20/30/40/50A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2270	Lắp đặt aptomat 3 pha, cường độ dòng điện ≤ 50 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2271	Cung cấp MCB 2P-6A/10A/16A/20A/25A/32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2272	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện ≤ 10 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2273	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa ABS 300W-400H-200D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2274	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 500W-760H-340D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2275	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 1100H-1150W-400D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2276	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, độ cao của tủ điện < 2 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2277	Cung cấp, lắp đặt bộ công tắc áp lực 2-14 bar (điện áp 220VAC/16A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2278	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1" 100 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2279	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1.1/2" 150 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2280	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 2" 200 PGA (Điện áp 24VAC; P=: 1.4 - 10.3 bar; Q= 4.5 - 34 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2281	Cung cấp co HDPE Ø40 (40*40mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2282	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2283	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2284	Cung cấp tê HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2285	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2286	Cung cấp co HDPE Ø63 (63*63mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2287	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2288	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2289	Cung cấp tê HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2290	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 63mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2291	Cung cấp co HDPE Ø90 (90*90mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2292	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2293	Cung cấp nối vụn rãnh ngoài HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2294	Cung cấp tê HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2295	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2296	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø40 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2297	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø63 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2298	Lắp đai khởi thủy, đường kính 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2299	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø90 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2300	Lắp đai khởi thủy, đường kính 80mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2301	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø110	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2302	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 110mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2303	Cung cấp ống HDPE Ø40-8 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2304	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D40/50	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2305	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m, đường kính ống 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,3396	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2306	Cung cấp ống HDPE Ø63-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2307	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D50/65	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2308	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 100m, đường kính ống 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2309	Cung cấp ống HDPE Ø90-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2310	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 25m, đường kính ống 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2311	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D25/32	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2312	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D30/40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2313	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 25mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2314	Cung cấp co 17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2315	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 050	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2316	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 075	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2317	Cung cấp nối MPT 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2318	Cung cấp nối thẳng Ø 17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2319	Cung cấp ống dẻo Ø16 mm SPX-100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2320	Cung cấp tê nối gai 17x17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2321	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2322	Cung cấp ống ri Ø16 mm XFS-23-33-100, với lưu lượng của từng lỗ ri là 2,3l/h	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2323	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2324	Cung cấp dây điện CVV 2x2,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2325	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột ≤ 4mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	200,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2326	Cung cấp dây điện CVV 3x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	160,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2327	Cung cấp dây điện CVV 3x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2328	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	200,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2329	Cung cấp dây điện CVV/DSTA 4x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2330	Cung cấp dây điện CVV 4x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2331	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột <= 25mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	200,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2332	Cung cấp, lắp đặt dây cáp mạng UTP Cat6	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	200,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2333	Cung cấp co dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2334	Cung cấp nối thẳng dây uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2335	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2336	Cung cấp co dầy uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2337	Cung cấp nối thẳng dầy uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2338	Lắp đặt cắt nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cắt 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2339	Cung cấp ống uPVC Ø60 - 3,0 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2340	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2341	Cung cấp ống uPVC Ø90 - 3,8 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2342	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2343	Cung cấp, lắp đặt hộp bảo vệ van 10"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2344	Cung cấp, lắp đặt béc phun spray các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2345	Cung cấp, lắp đặt béc phun rotary các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2346	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 4,6-10m với áp lực nước 1,7-3,4 bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2347	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 5,8-15m với áp lực nước 1,7-4,5bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2348	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 4" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2349	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 6" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2350	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 12" (chiều cao khi tưới = 30 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2351	Tháo, quấn lại cuộn dây Solenoid 24VAC (bao gồm :cắt phá dỡ keo cũ, quấn dây mới , lắp lại đồ keo mới, đo điện trở) cho van điện từ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2352	Cung cấp, lắp đặt phao điện chống tràn, chống cạn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2353	Lắp đặt các loại đồng hồ - Rơ le	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2354	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2355	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp $\leq 40\text{cm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2356	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột $\leq 1\text{mm}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	100,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2357	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2358	Công tác không thường xuyên 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2359	Phá dỡ nền gạch lá nem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2360	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2361	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2362	Phá dỡ xà dầm, giằng bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2363	Phá dỡ cột, trụ bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2364	Phá dỡ cột, trụ gạch đá	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2365	Phá dỡ sàn, mái bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2366	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, gạch vữa nghiêng trên mái	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2367	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2368	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2369	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2370	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2371	Đục nhám mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2372	Tháo dỡ mái ngói chiều cao $\leq 16m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2373	Tháo dỡ trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,8000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2374	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2375	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2376	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2377	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, ...)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2378	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 20 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2379	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 50 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2380	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 100 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2381	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 150 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2382	Tháo dỡ cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, trọng lượng cấu kiện $\leq 2T$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2383	Đục lỗ thông tường xây gạch, chiều dày tường ≤ 11 cm, tiết diện lỗ $\leq 0,04m^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	lỗ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2384	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 10\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2385	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2386	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 16\text{mm}$, chiều sâu khoan $\leq 15\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2387	Xây mái dốc thẳng bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2388	Hàn gia cố bản mã tại cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	10m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2389	Lắp đặt cột thép gia cố các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2390	Gia cố kết cấu thép, loại kết cấu sàn thao tác, cầu thang, lan can và các loại kết cấu khác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2391	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2392	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2393	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2394	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2395	Quét nước xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2396	Bốc xếp sắt thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2397	Bốc xếp gỗ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2398	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2399	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2400	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $< 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2401	Cắt mặt đường bê tông Asphalt chiều dày lớp cắt $\leq 5\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2402	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang chiều dày lớp sơn 1,5mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2403	Dán màng phản quang đầu dải phân cách (3900)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2404	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2405	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2406	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2407	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2408	Phá dỡ kết cấu gạch bằng máy đào 1,25m3 gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2409	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2410	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2411	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2412	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp I	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2413	Đào đất móng băng bằng thủ công, rộng $\leq 3m$, sâu $\leq 1m$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2414	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2415	Đào nền đường bằng thủ công, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2416	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2417	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2418	Đào san đất bằng máy đào 1,25 m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2419	Đào san đất trong phạm vi $\leq 50\text{m}$ bằng máy ủi 110CV, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2420	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2421	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 1000\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2422	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 5\text{km}$, đất cấp II (4km tiếp theo)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2423	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II (tiếp 10km tiếp theo đến nơi đổ đúng quy định)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ³ /km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2424	Thi công móng cấp phối đá dăm, Độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$ đầm nén tiêu chuẩn, Lớp trên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2425	Rải thảm mặt đường đá dăm đen, chiều dày mặt đường đã lên ép 10cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2426	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2427	Tưới lớp dính bóm, thấm bóm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 1,0 kg/m ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2428	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq 12,5$), chiều dày mặt đường đã lên ép 3cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2429	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C $\leq 12,5$), chiều dày mặt đường đã lên ép 5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2430	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày ≤ 10 cm, chiều cao ≤ 6 m, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2431	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng ≤ 250 cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2432	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng $\leq 250\text{cm}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2433	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2434	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2435	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 250	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2436	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2437	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông tường dày $\leq 45\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2438	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2439	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao $\leq 28\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2440	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông sản mác đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2441	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2442	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2443	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2444	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2445	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2446	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2447	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2448	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2449	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2450	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2451	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép lanh tô liên mái hắt, máng nước, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2452	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,6000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2453	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,8000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2454	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,9100	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2455	Ván khuôn gỗ, ván khuôn lanh tô, lanh tô liên mái hắt, máng nước, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2456	Ván khuôn gỗ, ván khuôn nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2457	Ván khuôn gỗ, ván khuôn tường thẳng, chiều dày $\leq 45\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2458	Ván khuôn thép, ván khuôn móng dài	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2459	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2460	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2461	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2462	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông kết cấu khác đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2463	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2464	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn nắp đan, tấm chớp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,7000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2465	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp cột, trọng lượng cấu kiện $\leq 2,5$ tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2466	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp giá đỡ mái chông diêm, con sơn, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2467	Lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng từ 50kg đến 200kg bằng cần cẩu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2468	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 25\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2469	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2470	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	28,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2471	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2472	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$ (vật tư tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2473	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 8,1\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2474	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công cầu phong gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2475	Gia công cột bằng thép hình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2476	Gia công cột bằng thép tấm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2477	Gia công xà gỗ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2478	Gia công lan can	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2479	Gia công hàng rào lưới thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2480	Gia công hàng rào song sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2481	Gia công hệ sàn dạo, sàn thao tác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2482	Gia công các kết cấu thép khác. Gia công vỏ bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2483	Lắp dựng cột thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2484	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2485	Lắp dựng xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2486	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2487	Nhôm dày 1,4mm, kính cường lực dày 10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2488	Lắp dựng lan can sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2489	Lắp đặt kết cấu thép khác. Vò bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2490	Lợp mái ngói 22 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2491	Thi công vách bằng tấm thạch cao (tấm compact dày 12mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2492	Lợp mái ngói 13 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2493	Lợp mái ngói 75 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2494	Lợp mái ngói âm dương 80 v/m2, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2495	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ (dày 0,5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2496	Lợp mái che tường bằng tấm nhựa (dày 5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2497	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2498	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2499	Trát trần, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2500	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2501	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2502	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2503	Trát sênô, mái hắt, lam ngang, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2504	Trát đá rửa trụ cột, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2505	Trát đá rửa thành sênô, ô văng, lan can, diềm chắn nắng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2506	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,25\text{m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2507	Công tác ốp gạch vào chân tường, viên tường, viên trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,036\text{m}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2508	Công tác ốp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán (dày 2cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2509	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,16 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2510	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,16 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2511	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,25 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2512	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,25 \text{ m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2513	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2514	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2515	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75 (không tính vật tư)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2516	Láng granitô nền sàn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2517	Láng gắn sỏi nền, sân, hè đường, chiều dày láng 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2518	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2519	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2520	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2521	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2522	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch bê tông tự chèn trồng cỏ 2 lỗ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2523	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2524	Lát gạch đất nung, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2525	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2526	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2527	Bó vỉa hè, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bó vỉa thẳng 18x22x100cm, vữa XM mác 75 (bó vỉa đá granite 100x200)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2528	Thi công trần gỗ dán	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2529	Thi công trần bằng tấm nhựa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2530	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2531	Thi công mặt sàn gỗ, ván dày 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2532	Quét nước xi măng 2 nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2533	Bả bằng bột bả vào tường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2534	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2535	Sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2536	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2537	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2538	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2539	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2540	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2541	Sơn sàn, nền, bề mặt bê tông bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2542	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2543	Bảo vệ bề mặt đá tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2544	Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2545	Vệ sinh nền đá trước khi đổ bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2546	Lắp dựng dàn giàn giáo ngoài, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2547	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp lên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2548	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤ 1 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2549	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 10 km (vận chuyển tiếp 9km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2550	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp xuống	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2551	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2552	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2553	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2554	Bốc lên bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2555	Bốc xuống bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2556	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2557	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2558	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2559	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (tháo dỡ bạc đạn đơn giá bằng 60%BB.83101)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2560	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (bạc đạn 6002-6005)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2561	Lắp đặt chậu xí bệt (kích thước 728x396x724)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2562	Lắp đặt chậu tiểu nam (kích thước 330x330x640)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2563	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi (Kích thước: 497D*462R*762C mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2564	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (vòi lavabo bán tự động)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2565	Lắp đặt phễu thu, đường kính 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2566	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2567	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2568	Lắp đặt ống thép không gỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2569	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2570	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2571	Cung cấp đá granite trắng hồng cỡ hạt: 5-10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2572	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 10-20mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2573	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 20-30mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2574	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập chân, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1910 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2575	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ lắc tay, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020 x (R) 610 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2576	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ trên không, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2530 x (R) 670 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2577	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng bụng, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1540 x (R) 1430 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2578	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng eo, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1650 x (R) 790 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2579	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đôi, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1740 x (R) 1040 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2580	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D49x3, D27x1.5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1060 x (R) 940 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2581	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1630 x (R) 810 x (C) 2270mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2582	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà kép, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2440 x (R) 720 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2583	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xoay eo, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (Đk)1580 x (C) 1300mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2584	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập xe, vật liệu chính thép ống D114x3, D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2410 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2585	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà đơn 2 bậc, vật liệu chính thép ống D90x3, D34x5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020x (R) 220 x (C) 2280mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2586	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 1 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2587	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 3 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2588	Cung cấp, lắp đặt bàn bóng bàn ngoài trời, vật liệu chính mặt bàn bằng nhựa composite, chân bàn thép ống thép D40 sơn tĩnh điện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2589	Cung cấp, lắp đặt trụ bóng rổ cố định vuông. Vật liệu chính: - Trụ thép hộp vuông 150x150 dày 3mm, thép mã kẽm, nhúng nóng, sơn tĩnh điện màu xanh. - Pano Composite kích thước 1800x1050x25. - Vành rổ đường kính D450 và lưới. - Chân đế bê tông 700x700x900 - 01trụ/bộ.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2590	Cung cấp, lắp đặt ghế ngồi bằng đá granite khối gồm mặt ghế 1400x400x250mm, chân ghế 2 khối 300x300x250mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2591	Cung cấp, lắp đặt ruột thùng rác compsite dày 8mm, đường kính 440mm, cao 500mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2592	Cung cấp cát trắng tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2593	Tháo dỡ, sửa chữa, cung cấp, lắp đặt bàn đạp inox 304	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2594	Tháo dỡ, sửa chữa, thay thế trực quy thiết bị thể dục thể thao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2595	Tháo dỡ, cung cấp tay nắm, bộ đế chân thiết bị thú nhún	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2596	Cung cấp, lắp đặt bu lông M10	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2597	Cung cấp, lắp đặt bu lông M12	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2598	Cung cấp, lắp đặt bu lông M14	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2599	Cung cấp, lắp đặt bu lông M16	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2600	Cung cấp hóa chất polycem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2601	Cung cấp hóa chất Epoxy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2602	Tháo dỡ, cung cấp ghế ngồi bằng composite, chiều dày 8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2603	Công tác không thường xuyên 4	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2604	Trồng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2605	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỉa hè)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	92,4000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2606	Đào đất hố trồng cây	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.010,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2607	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 80 x 80 x 80 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	183,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2608	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 100 x 100 x 100 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.827,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2609	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Phượng vĩ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2610	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Móng bò	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2611	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương (lá lớn), Kèn hồng, Lim sét	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	214,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2612	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bằng lăng nước, Bò cạp nước, Dầu con rái, Lát hoa, Lộc vừng (hoa đỏ), Me tây, Nhạc ngựa, Sấu, Viêt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	214,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2613	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Gõ mật, Me, Sao đen	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	214,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2614	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cẩm lai, Cẩm liên, Cườm răn, Sanh, Sên cát, Vên vên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	214,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2615	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giả tỵ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2616	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bún, Gõ nước, Long nảo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	170,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2617	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Nhội	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2618	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cẩm xe, Cóp hoa trắng, Gõ đỏ, Lim xanh, Mát hai cánh, Mun, Trai	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	170,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2619	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Mắc nưa, muồng hoa đào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	169,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày

2620	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Vấp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2621	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giăng hương lá nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2622	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bàng vuông, Bàng lẵng ôi, Chiết sen, Chiêu liêu, Đầu lân, Kim giao, Sao xanh, Sỗ, Sưa, Trâm, Vàng anh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	214,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2623	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng - Bằng xe bồn: Xe bồn 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.101,0000	1 cây/90 ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2624	Khảo sát, đánh giá cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2625	Khảo sát, đánh giá tổng quan cây xanh từ mặt đất (bước 1), cây loại 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	55,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2626	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	55,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2627	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	55,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	366 ngày
2628	NĂM 2029	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2629	Công viên (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2630	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2631	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2632	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,7256	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2633	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2634	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.365,2879	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2635	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.764,2775	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2636	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng ô tô tưới nước 5m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.012,5825	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2637	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.564,2939	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2638	Làm cỏ tạt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	782,1470	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2639	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.168,0304	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2640	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,1900	1 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2641	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2642	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,8120	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2643	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.124,8900	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2644	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	151,2679	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2645	Chăm sóc bồn kiếng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2646	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.051,0500	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2647	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	769,1250	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2648	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.202,5545	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2649	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	31,6328	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2650	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2651	Chăm sóc cây kiểng trồng hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,4400	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2652	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,3550	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2653	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2654	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	250,4040	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2655	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	99,3300	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2656	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	230,3700	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2657	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1197	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2658	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,3355	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2659	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2660	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2661	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.506,4421	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2662	Quét rác thảm cỏ thuần chủng (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.123,5290	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2663	Nhặt rác trong công viên: cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.236,2708	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2664	Nhặt rác trong công viên (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,1768	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2665	Vệ sinh nền đá ốp lát	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,9404	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2666	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	61,2000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2667	Duy trì tượng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	tượng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2668	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15,5000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2669	Chà rửa nền nhà vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	367,0680	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2670	Chùi rửa bồn tiểu nhà vệ sinh (chùi rửa bồn tiểu, bồn cầu, bồn rửa mặt, gương nhà vệ sinh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.808,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2671	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2672	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	342,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2673	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2674	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	142,0650	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2675	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	27.818,7000	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2676	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38.191,6731	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2677	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2678	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,4300	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2679	Duy trì thiết bị TDTT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2680	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2681	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2682	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2683	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2684	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	192,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2685	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2686	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	192,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2687	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2688	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17,2140	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2689	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,3308	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2690	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	107,4992	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2691	Mảng xanh (Cấp độ 3) & (Cấp độ 4)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2692	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2693	Chăm sóc thảm cỏ tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2694	Phát thảm cỏ tự nhiên bằng máy (thực hiện 4 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.694,8662	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2695	Chăm sóc thảm cỏ thuần chủng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2696	Tưới thảm cỏ công viên, vườn hoa bằng máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9.867,2280	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2697	Tưới thảm cỏ bằng nước máy tưới thủ công	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.079,9240	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2698	Tưới nước cỏ tiểu đảo, dải phân cách bằng ô tô tưới nước 5m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	69.524,1435	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2699	Phát thảm cỏ bằng máy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.115,4092	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2700	Làm cỏ tạp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.557,7046	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2701	Trồng dặm cỏ - Cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.315,7249	1 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2702	Trồng dặm cỏ - Cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,8320	1 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2703	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2704	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11.493,0465	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2705	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	925,0605	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2706	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24.649,5340	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2707	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	685,1986	100 m ² /năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2708	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2709	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.995,8295	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2710	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.815,4775	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2711	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17.612,0175	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2712	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	303,8549	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2713	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2714	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	23,2350	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2715	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	17,0400	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2716	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2717	Tưới bằng nước giếng khoan máy bơm nước - Động cơ điện 1,5Kw	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.799,8565	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2718	Tưới bằng thủ công (nước máy)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.941,9635	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2719	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7.712,8170	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2720	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	94,9687	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2721	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao ≥1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,9516	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2722	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2723	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0800	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2724	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2725	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2726	Quét rác trong công viên, mảng xanh (đường BTXM, nhựa, gạch, đan đá; nhà mát, đèn hùng, sân nền đá ốp lát)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	828,1393	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2727	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ (DT*20%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	19.670,5189	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2728	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiểng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	151.180,8708	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2729	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiểng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	63.238,9475	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2730	Nhặt rác tại mảng xanh (đường đi, nền đường, vỉa hè DT*50%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24.684,9203	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2731	Nhặt rác tại mảng xanh (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6.815,1912	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2732	Nhặt rác tại mảng xanh nút giao thông (thảm cỏ tự nhiên)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.269,4074	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2733	Vệ sinh ghế ngồi trong công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	67,8000	10 ghế/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2734	Chà rửa thùng rác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	10 thùng/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2735	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2736	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	90,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2737	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	90,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2738	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	90,5000	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2739	Duy trì hệ thống tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2740	Kiểm tra van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.386,0000	cái/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2741	Kiểm tra, vận hành tủ điều khiển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	204,0000	tủ/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2742	Kiểm tra đầu vòi phun	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.041,6000	1000cái/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2743	Chi phí tiền điện chạy HT tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	169.865,8500	KWh/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2744	Chi phí tiền nước máy tưới bằng HTTĐ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	75.760,9776	m3/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2745	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu tưới tự động	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	144,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2746	Cọ rửa, xúc xả bể chứa nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,6000	10m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2747	Duy trì thiết bị TDTT + Trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2748	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2749	Vệ sinh, chà rửa thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2750	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động lớn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2751	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện kịp thời các dấu hiệu hư hỏng thiết bị không chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2752	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	546,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2753	Vệ sinh, chà rửa thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2754	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động trung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	546,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2755	Kiểm tra, xiết bu lông, phát hiện hư hỏng, tra dầu mỡ thiết bị chuyển động nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0000	Tbị/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2756	Vệ sinh, chà rửa sàn cao su ngoài trời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	16,0920	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2757	Vệ sinh sân cát khu trò chơi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	54,0432	100m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2758	Quét rác đường đất (sân cát khu trò chơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	76,1108	1000m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2759	Duy trì hệ thống camera	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2760	Vận hành hệ thống đèn tín hiệu giao thông (Quản lý vận hành tủ điều khiển trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 chốt/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2761	Phí dịch vụ kết nối dữ liệu trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ/tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2762	Mảng xanh trên địa bàn huyện cần Giờ cũ (Cấp độ 3)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2763	<u>Chăm sóc công viên - mảng xanh</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2764	Chăm sóc cây che phủ nền (Cúc xuyên chi, Rau muống biển)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2765	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	34.105,4675	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2766	Chăm sóc Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	262,3498	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2767	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2768	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12.429,4275	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2769	Chăm sóc bồn kiểng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	59,1878	100 m2/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2770	Chăm sóc cây kiểng trở hoa, kiểng tạo hình, kiểng dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2771	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.150,0000	100 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2772	Chăm sóc cây kiểng trở hoa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	35,8050	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2773	Chăm sóc cây kiểng tạo hình dáng đẹp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,7350	100 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2774	Chăm sóc cây hàng rào (cắt xén)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2775	Tưới bằng ô tô tưới nước 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.645,0125	100 m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2776	Duy trì cây hàng rào - Hàng rào cao <1m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,9763	100 m ² /năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2777	Chăm sóc dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2778	Chăm sóc dây leo (trong mảng xanh)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15,7400	100 trụ/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2779	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2780	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2781	Nhặt rác tại mảng xanh: thảm cỏ, cây che phủ nền, bồn hoa-kiếng, cây hàng rào (DT*30%)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	41.975,3933	100m ² /lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2782	Thu gom, vận chuyển rác tại các công viên, mảng xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2783	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2784	Vệ sinh trong công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2785	VẬN CHUYỂN RÁC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2786	Thu gom rác thủ công về điểm tập kết cự ly bq 200m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	999,4820	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2787	Thu gom rác từ các điểm tập kết lên xe, vận chuyển đến địa điểm đổ cự ly ≤5km, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	999,4820	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2788	Vc rác đến địa điểm đổ cho 15km tiếp theo, xe 7 tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	999,4820	1 tấn rác	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2789	<u>Bảo dưỡng thường xuyên</u>	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2790	Bảo vệ công viên, mảng xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2791	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca ngày	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	724,0000	công/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2792	Chốt trực bảo vệ công viên, mảng xanh _ca đêm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	181,0000	công/đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2793	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2794	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2795	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2796	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.205,4380	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2797	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại_trồng tập trung trong công viên, mảng xanh công cộng có người dân sinh hoạt (52 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,3130	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2798	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2799	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	950,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2800	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	593,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2801	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2802	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.168,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2803	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.607,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2804	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2805	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2806	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4.775,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2807	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2808	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2.124,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2809	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3.600,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2810	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2811	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2812	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5.725,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2813	Chăm sóc cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2814	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	106,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2815	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 3 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	599,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2816	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2817	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2818	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	705,5000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2819	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2820	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2821	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2822	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2823	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2824	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2825	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2826	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2827	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2828	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2829	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d >50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2830	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2831	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2832	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2833	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2834	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2835	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	96,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2836	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2837	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2838	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2839	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2840	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2841	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2842	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2843	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,4000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2844	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,8000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2845	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3 đk >120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,8000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2846	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2847	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2848	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2849	V/c rác cây loại 3 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2850	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2851	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	239,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2852	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	239,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2853	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	239,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2854	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	239,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2855	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	239,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2856	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2857	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	286,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2858	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	286,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2859	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	286,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2860	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	286,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2861	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	286,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2862	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2863	Đốn hạ cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	18,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2864	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk 80cm-120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2865	Đốn hạ cây xanh loại 3 đk>120cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	7,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2866	Đào gốc cây xanh loại 3 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2867	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2868	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2869	V/c rác cây loại 3 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	36,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2870	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2871	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	115,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2872	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2873	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2874	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2875	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2876	V/c rác cây cắt thấp tán, khống chế chiều cao cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2877	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2878	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2879	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2880	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2881	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2882	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2883	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2884	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2885	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2886	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,7500	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2887	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	51,0000	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2888	Chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trong công viên, mảng xanh, đường phố - Khu vực 3 (huyện Cần Giờ cũ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2889	CHĂM SÓC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2890	Tuần tra, bảo vệ cây xanh bóng mát (trừ các ngày thực hiện công tác chăm sóc)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2891	Tuần tra phát hiện cây xanh, bồn cỏ bị hư hại _trồng đường phố (365 lần/năm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	834,9910	1000 cây/ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2892	Chăm sóc cây mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2893	Chăm sóc, bảo quản cây mới trồng không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	695,5000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2894	Chăm sóc cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2895	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 1 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2896	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2897	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2898	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1.906,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2899	Chăm sóc cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2900	Chăm sóc, bảo quản cây xanh loại 2 không có bồn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây/năm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2901	V/c rác cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2902	V/c rác chuyển tiếp cự ly 7 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2903	V/c rác chuyển tiếp cự ly 8 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	64,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2904	CÔNG TÁC KHÔNG THƯỜNG XUYỀN CÂY XANH	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2905	Giải tỏa, cắt thấp, đốn hạ cây xanh loại 1, 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2906	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2907	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2908	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2909	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2910	V/c rác cành gãy cây loại 1 cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2911	Giải tỏa cành cây gãy - Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2912	Giải tỏa cành cây gãy - cành cây d ≤50cm (đã bao gồm thu gom cành lá, vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2913	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2914	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2915	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2916	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2917	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2918	V/c rác cây loại 1 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2919	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2920	Giải tỏa cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2921	Đào gốc cây gãy, đổ- Cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2922	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2923	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2924	V/c rác cây loại 2 gãy, đổ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2925	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2926	Đốn hạ cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	95,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2927	Đào gốc cây xanh loại 1 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	95,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2928	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	95,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2929	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	95,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2930	V/c rác cây loại 1 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	95,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2931	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2932	Đốn hạ cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2933	Đào gốc cây xanh loại 2 sau khi đốn hạ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2934	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 5 km đầu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2935	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 7 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2936	V/c rác cây loại 2 đốn hạ cự ly 8 km tiếp theo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2937	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2938	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao cây - Cây loại 2 (đã bao gồm thu dọn cành nhánh, thu gom vận chuyển về nơi quy định phạm vi 30km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2939	Sửa cây nghiêng, bứng di dời và bảo dưỡng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2940	Chống sửa cây nghiêng cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	15,0000	1 cây/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2941	Bứng di dời cây xanh mới trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2942	Bứng di dời cây xanh loại 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2943	Bứng di dời cây xanh loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2944	Bảo dưỡng cây xanh mới trồng sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2945	Bảo dưỡng cây xanh loại 1 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2946	Bảo dưỡng cây xanh loại 2 sau khi bứng di dời	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cây/6 tháng	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2947	Đánh số cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2948	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 3x5 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,6700	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2949	Đánh số quản lý cây xanh bóng mát - KT chữ số 7x10 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,6600	100 chữ số/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2950	Công tác bảo vệ bãi tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - Khu vực 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2951	Bảo vệ công viên (bảo vệ khu vực tập kết gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh - giảm đơn giá 40%, bao gồm công tác vận chuyển gỗ về bãi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	72,4000	ha/ngày đêm	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2952	Công tác không thường xuyên 1	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2953	Vận chuyển đất trồng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	14,9000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2954	Trồng cỏ lá gừng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2955	Trồng cỏ nhung	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2956	Trồng cỏ lông heo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2957	Trồng hoa: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2958	Trồng hoa: Xúc pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2959	Trồng hoa: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2960	Trồng hoa: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2961	Trồng hoa: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2962	Trồng hoa: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2963	Trồng hoa: Đồng tiền (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2964	Trồng hoa: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2965	Trồng hoa: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2966	Trồng hoa: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	10 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2967	Trồng bồn kiếng: Bạch trinh biển (h=30-35 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2968	Trồng bồn kiểng: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2969	Trồng bồn kiểng: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2970	Trồng bồn kiểng: Búp ta (h = 35-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2971	Trồng bồn kiểng: Bông giấy (h=40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2972	Trồng bồn kiểng: Cẩm tú mai (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2973	Trồng bồn kiểng: Cùm rụm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2974	Trồng bồn kiểng: Chuối ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2975	Trồng bồn kiểng: Croton (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2976	Trồng bồn kiểng: Cẩm thạch (phủ đầy giỏ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2977	Trồng bồn kiểng: Chuối hoa (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2978	Trồng bồn kiếng: Dền đỏ (h = 10 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2979	Trồng bồn kiếng: Dừa sọc vàng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2980	Trồng bồn kiếng: Dương xỉ (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2981	Trồng bồn kiếng: Đậu phộng kiếng (phủ kín bịch, đk bịch 14cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2982	Trồng bồn kiếng: Đông hầu trắng (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2983	Trồng bồn kiếng: Hồng lộc (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2984	Trồng bồn kiếng: Hồng môn (h= 30-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2985	Trồng bồn kiếng: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2986	Trồng bồn kiếng: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2987	Trồng bồn kiếng: Huỳnh anh lá nhỏ (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2988	Trồng bồn kiếng: Kim đồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2989	Trồng bồn kiếng: Lá lốt (h=20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2990	Trồng bồn kiếng: Lá màu thái (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2991	Trồng bồn kiếng: Lá trắng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2992	Trồng bồn kiếng: Lá vàng bạc (h=20-25cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2993	Trồng bồn kiếng: Lài trâu (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2994	Trồng bồn kiếng: Lan rẽ quạt (h=40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2995	Trồng bồn kiếng: Lan ý (h= 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2996	Trồng bồn kiếng: Lê bạn (h = 15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2997	Trồng bồn kiếng: Linh sam (h=25-30cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

2998	Trồng bồn kiếng: Lưỡi cọp (h = 40-50 cm, tối thiểu 4 lá)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
2999	Trồng bồn kiếng: Mất nai (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3000	Trồng bồn kiếng: Mỏ két (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3001	Trồng bồn kiếng: Mười giờ (phủ đầy giỏ, đk giỏ = 15-16 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3002	Trồng bồn kiếng: Ngũ gia bì (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3003	Trồng bồn kiếng: Phong huệ hồng (h=20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3004	Trồng bồn kiếng: Phúc lộc thọ (h=30-35 cm, 03-04 nhánh/giỏ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3005	Trồng bồn kiếng: Sanh nhánh (h > 0,8 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3006	Trồng bồn kiếng: Thanh thảo (h=25-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3007	Trồng bồn kiếng: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3008	Trồng bồn kiếng: Trang mỹ các màu (h=25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3009	Trồng bồn kiếng: Trâm ôi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3010	Trồng bồn kiếng: Trầu bà thái (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3011	Trồng bồn kiếng: Trầu bà trắng (2-3 cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3012	Trồng cây hàng rào: Ác ó (3 cành/bịch, h cành = 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3013	Trồng rau muống biển	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3014	Trồng Cúc xuyên chi	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3015	Đào đất hố trồng cây kiếng, dây leo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3016	Trồng cây kiếng tạo hình, kiếng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Huỳnh liên (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3017	Trồng cây kiếng tạo hình, kiếng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Tường vi (h = 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3018	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3019	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Hồng lộc (h = 1,3-1,5 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3020	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau trắng (h = 1,0-1,2 m, đk gốc 15 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3021	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Cau vàng (h = 0,8-1,0 m, 3-5 tép)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3022	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Mật cật (h = 0,8-1,0 m, 3-5 cây/bụi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3023	Trồng dây leo - Kích thước bầu < 30 x 30 (cm): Sử quân tử (h = 1,0-1,2m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	10 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3024	Trồng cây kiểng tạo hình, kiểng trở hoa - Kích thước bầu 30 x 30 (cm): Sanh (h = 0,8, án 35-40 cm, cắt côn)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3025	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 20 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	13.493,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3026	Vận chuyển, xếp chậu cây vào nơi trang trí - Kích thước chậu > 30 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	390,0000	1 chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3027	Phòng trừ sùng cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3028	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3029	Bón phân cỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3030	Tưới nước bồn hoa, bồn kiểng, cây hàng rào, rau muống biển, cúc xuyên chi - bằng nước máy tưới thủ công (không bao gồm vật liệu)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	110,0000	100 m2/lần	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3031	Cung cấp cây: Búp thái nhiều màu (h= 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	340,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3032	Cung cấp cây: Búp Hasfarm (h=20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3033	Cung cấp cây: Bông giấy (h = 80-100 cm, tán tròn, đk tán 50-60 cm), bầu 30 x 30 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	130,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3034	Cung cấp cây: Cúc Alaska (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	520,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3035	Cung cấp cây: Cúc lá nhám (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	485,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3036	Cung cấp cây: Cúc Hasfarm (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3037	Cung cấp cây: Cúc tiger (h= 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3038	Cung cấp cây: Cúc mâm xôi (đk tán 50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	260,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3039	Cung cấp cây: Cẩm tú cầu (h = 40-45 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	245,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3040	Cung cấp cây: Cúc họa mi (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	410,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3041	Cung cấp cây: Chuỗi ngọc (phủ đầy giỏ, h=15-20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	470,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3042	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3043	Cung cấp cây: Dạ yên thảo (h = 25-30 cm), loại rũ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3044	Cung cấp cây: Diễm châu (h =20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	320,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3045	Cung cấp cây: Dền trỏ (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	290,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3046	Cung cấp cây: Duyên cúc (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	350,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3047	Cung cấp cây: Dừa cạn ta (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3048	Cung cấp cây: Dừa cạn thái (h = 20-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	280,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3049	Cung cấp cây: Hoa hồng lửa (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3050	Cung cấp cây: Hồng nhiều màu (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	358,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3051	Cung cấp cây: Hồng tỷ muội (h= 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	240,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3052	Cung cấp cây: Hàm chó (h= 15-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	280,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3053	Cung cấp cây: Hướng dương nhiều bông (h= 1-1,2 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	310,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3054	Cung cấp cây: Mai địa thảo lá xanh (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3055	Cung cấp cây: Màn màn cảnh (h=50-60 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3056	Cung cấp cây: Móng tay Thái (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	380,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3057	Cung cấp cây: Mồng gà búa tầng (h = 45-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	370,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3058	Cung cấp cây: Mồng gà tui thái đủ màu (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	340,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3059	Cung cấp cây: Mỡm sói (h = 25-30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	385,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3060	Cung cấp cây: Nở ngày (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3061	Cung cấp cây: Nữ hoàng xanh (h = 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	300,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3062	Cung cấp cây: Phi yến (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	450,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3063	Cung cấp cây: Sao nhái màu thái (h = 35-40 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3064	Cung cấp cây: Thanh xà (h=15-20cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	250,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3065	Cung cấp cây: Trạng nguyên (h= 30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	420,0000	giỏ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3066	Cung cấp cây: Trâm ôi thái (h=30-35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	360,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3067	Cung cấp cây: Xác pháo (h = 20-25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	460,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3068	Cung cấp cây: Lan hồ điệp các màu (1-2 cành/chậu, 4-6 bông nở và 5-7 nụ/cành)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	chậu	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3069	Cung cấp cây: Sen (h= 0,5-0,7 m, đk chậu 0,25-0,3 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	120,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3070	Cung cấp cây: Kim phát tài (h = 40-50 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	110,0000	giò	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3071	Cung cấp cây: Phên tre	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	38,0000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3072	Cung cấp cây: Chậu xơ dừa tròn (đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3073	Cung cấp cây: Chậu nhựa chảo treo có dây xích (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3074	Cung cấp cây: Lồng chim bằng tre sơn trắng (đk 35 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3075	Cung cấp cây: Cành xé (h = 27-30 cm, đk 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3076	Cung cấp cây: Cắn xé (h = 17-20 cm, đk 20 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3077	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 40 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3078	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 50 cm; h = 25 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3079	Cung cấp cây: Thúng tre (D = 60 cm; h = 30 cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3080	Cung cấp cây: Tầm vông (đk bq = 5 cm, dài = 4 m)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	42,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3081	Công tác không thường xuyên 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3082	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3083	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/ 3 pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3084	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3085	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3086	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3087	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3088	Cung cấp, lắp đặt động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ 3pha 380V)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3089	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 3HP/Q=3,6-12 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3090	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 5HP - 5,5HP/Q= 9-24 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3091	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 7,5HP/Q=4,8-14 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3092	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại máy P = 10HP/ Q=36-58 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3093	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 15HP/Q= 30 - 78 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3094	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 20HP/ Q= 42- 96 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3095	Cung cấp, lắp đặt guồng cánh quạt inox máy bơm chìm trực đứng đa tầng (loại máy P = 25HP/ Q= 60- 104 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3096	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 3HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3097	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 5HP - 5,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3098	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 7,5HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3099	Quản lại máy bơm chìm trực đứng đa tầng P = 10HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3100	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 15HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3101	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 20HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3102	Quần lại máy bơm chìm trục đứng đa tầng P = 25HP/380V (bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3103	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3104	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3105	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3106	Sửa chữa thay thế bạc, phốt và cốt trục động cơ máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3107	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 3 - 5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3108	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 5,5 - 7,5HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3109	Sửa chữa thay thế trục, bạc, cao su định vị guồng máy bơm chìm trục đứng đa tầng (loại P = 10 - 25HP; bao gồm kéo máy bơm lên sửa chữa và thả máy bơm sau khi sửa)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3110	Sửa chữa và thay linh kiện: board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3111	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3112	Sửa chữa và thay linh kiện: board nguồn và board điều khiển biến tần các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3113	Cung cấp, lắp đặt Camera hồng ngoại , gắn ngoài trời (góc quay 360°, Góc quét -15° to 90°) + Chuẩn nén H.265+/H.265 + Độ phân giải 1920 × 1080@30/25fps + Ống kính 4.8 mm to 120 mm, + Tiêu chuẩn IP66 + Hỗ trợ cổng Audio I/O + Nguồn 12VDC, POE+ + Zoom số 16x, zoom quang 25x + Hỗ trợ Park Action, ghi nhớ vị trí trước khi mất điện. - Nguồn 12V/POE QTF-PEU2A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3114	Kiểm nghiệm hóa lý vi sinh nước uống cây nước uống công cộng DAD-CO2 tại công viên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	gói	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3115	Dịch vụ hàn nối sợi cáp quang (loại singel mode)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	mỗi hàn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3116	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị chuyển đổi quang điện (Nguồn điện vào: 110~240AC. Nguồn điện ra: 5V - 2A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3117	Cung cấp, lắp đặt nguồn thiết bị camera (Nguồn điện ra: POE 48V - 0.5A/ 12VDC - 3.33A/ 24VAC - 3A; Nguồn điện vào: 110-240VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3118	Cung cấp, lắp đặt dây nhảy quang SC-SC simplex, single mode 1,5m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	sợi	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3119	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 7,5 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3120	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 10 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3121	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 15 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3122	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 20 HP - 380	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3123	Cung cấp, lắp đặt và cài đặt vận hành biến tần 3 pha 25 HP - 380V	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3124	Cung cấp mảng xông quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3125	Cung cấp hộp phối quang và phụ kiện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3126	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 225cm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3127	Cung cấp cáp điện điều khiển hệ Decoder 2x1,8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3128	Cung cấp dây cáp điện CVV 2x1,5 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3129	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 1mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3130	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ dòng chảy (U= 220VAC ; I=15A; Áp suất P= 0-10kg/cm2)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3131	Cung cấp, lắp đặt rơ le bảo vệ mất pha (U= 400VAC + Hiện thị nguồn và trạng thái hoạt động bằng LED)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3132	Cung cấp, lắp đặt rơ le nhiệt 0,63-19A/21,5-40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3133	Cung cấp, lắp đặt rơ le trung gian 24VAC/220VAC	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3134	Cung cấp, lắp đặt bộ điều khiển 8 kênh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3135	Cung cấp, lắp đặt bộ nhận tín hiệu Decoder cho Van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3136	Cung cấp, lắp đặt Cảm biến áp suất 0-10 bar (Điện áp: 9-30VDC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3137	Cung cấp, lắp đặt cuộn dây SOLENOID 24VAC cho van điện từ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3138	Cung cấp, lắp đặt dây cáp quang 4 core SM	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3139	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 9W/ 220V (560/620/750 Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3140	Cung cấp, lắp đặt đèn downlight bóng LED 12W/220V (950/1020Lm + 6000-6500K)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3141	Cung cấp, lắp đặt biến áp cách ly 25VA (điện áp vào: 415/380/220 VAC- điện áp ra: 220/110/48/36/24 VAC)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3142	Cung cấp khởi động từ 3 pha 18A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3143	Cung cấp khởi động từ 3 pha 32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3144	Cung cấp khởi động từ 3 pha 40A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3145	Cung cấp MCCB 3P-15/20/30/40/50A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3146	Lắp đặt aptomat 3 pha, cường độ dòng điện ≤ 50 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3147	Cung cấp MCB 2P-6A/10A/16A/20A/25A/32A	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3148	Lắp đặt aptomat loại 1 pha, cường độ dòng điện ≤ 10 Ampe	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3149	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa ABS 300W-400H-200D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3150	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 500W-760H-340D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3151	Cung cấp, lắp đặt vỏ tủ điện nhựa composite 1100H-1150W-400D	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3152	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng, độ cao của tủ điện < 2 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	tủ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3153	Cung cấp, lắp đặt bộ công tắc áp lực 2-14 bar (điện áp 220VAC/16A)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3154	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1" 100 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3155	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 1.1/2" 150 PGA	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3156	Cung cấp, lắp đặt van điện từ SOLENOID 2" 200 PGA (Điện áp 24VAC; P=: 1.4 - 10.3 bar; Q= 4.5 - 34 m3/h)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3157	Cung cấp co HDPE Ø40 (40*40mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3158	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3159	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3160	Cung cấp tê HDPE Ø40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3161	Lắp đặt cốt nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cốt 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3162	Cung cấp co HDPE Ø63 (63*63mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3163	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3164	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3165	Cung cấp tê HDPE Ø63	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3166	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 63mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3167	Cung cấp co HDPE Ø90 (90*90mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3168	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3169	Cung cấp nối vắn răng ngoài HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3170	Cung cấp tê HDPE Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3171	Lắp đặt cút nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3172	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø40 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3173	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø63 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3174	Lắp đai khởi thủy, đường kính 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3175	Cung cấp đai khởi thủy HDPE Ø90 x 3/4"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3176	Lắp đai khởi thủy, đường kính 80mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3177	Cung cấp nối thẳng HDPE Ø110	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3178	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 110mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3179	Cung cấp ống HDPE Ø40-8 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3180	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D40/50	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3181	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 150m, đường kính ống 40mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	11,0170	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3182	Cung cấp ống HDPE Ø63-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3183	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D50/65	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3184	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 100m, đường kính ống 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3185	Cung cấp ống HDPE Ø90-10 Bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3186	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 25m, đường kính ống 90mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3187	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D25/32	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3188	Cung cấp ống nhựa xoắn HDPE D30/40	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3189	Lắp đặt ống nhựa HDPE nối bằng măng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 25mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3190	Cung cấp co 17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3191	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 050	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3192	Cung cấp co Ø16 mm SBE - 075	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3193	Cung cấp nối MPT 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3194	Cung cấp nối thẳng Ø 17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3195	Cung cấp ống dẻo Ø16 mm SPX-100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3196	Cung cấp tê nổi gai 17x17x17mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3197	Lắp đặt côn nhựa HDPE bằng phương pháp dán keo, đường kính côn 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3198	Cung cấp ống ri Ø16 mm XFS-23-33-100, với lưu lượng của từng lỗ ri là 2,3l/h	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3199	Lắp đặt ống nhựa HDPE nổi bằng mảng sông, đoạn ống dài 300m, đường kính ống 16mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3200	Cung cấp dây điện CVV 2x2,5 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	60,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3201	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột <= 4mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3202	Cung cấp dây điện CVV 3x10 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	40,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3203	Cung cấp dây điện CVV 3x6 mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3204	Lắp đặt dây dẫn 3 ruột <= 10mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3205	Cung cấp dây điện CVV/DSTA 4x10 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3206	Cung cấp dây điện CVV 4x6 mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	25,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3207	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột <= 25mm2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3208	Cung cấp, lắp đặt dây cáp mạng UTP Cat6	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	50,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3209	Cung cấp co dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3210	Cung cấp nối thẳng dày uPVC Ø60	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3211	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3212	Cung cấp co dày uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3213	Cung cấp nối thẳng dày uPVC Ø90	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3214	Lắp đặt cút nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đường kính cút 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	10,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3215	Cung cấp ống uPVC Ø60 - 3,0 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3216	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3217	Cung cấp ống uPVC Ø90 - 3,8 mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3218	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 89mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3219	Cung cấp, lắp đặt hộp bảo vệ van 10"	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3220	Cung cấp, lắp đặt béc phun spray các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	18,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3221	Cung cấp, lắp đặt béc phun rotary các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	12,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3222	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 4,6-10m với áp lực nước 1,7-3,4 bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3223	Cung cấp, lắp đặt đầu phun rotor bán kính tưới 5,8-15m với áp lực nước 1,7-4,5bar	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3224	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 4" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3225	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 6" (chiều cao khi tưới =10.2 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3226	Cung cấp, lắp đặt thân đầu tưới pop up 12" (chiều cao khi tưới = 30 cm) các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3227	Tháo, quấn lại cuộn dây Solenoid 24VAC (bao gồm :cắt phá dỡ keo cũ, quấn dây mới , lắp lại đồ keo mới, đo điện trở) cho van điện từ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3228	Cung cấp, lắp đặt phao điện chống tràn, chống cạn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3229	Lắp đặt các loại đồng hồ - Rơ le	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3230	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3231	Lắp đặt hộp nối, hộp phân dây, hộp công tắc, hộp cầu chì, hộp automat, diện tích hộp <= 40cm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,0000	hộp	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3232	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột <= 1mm ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	20,0000	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3233	Lắp đặt các loại đèn có chao chụp - Đèn sát trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3234	Công tác không thường xuyên 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3235	Phá dỡ nền gạch lá nem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3236	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gốm các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3237	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3238	Phá dỡ xà dầm, giằng bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3239	Phá dỡ cột, trụ bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3240	Phá dỡ cột, trụ gạch đá	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3241	Phá dỡ sàn, mái bê tông cốt thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3242	Phá dỡ các kết cấu trên mái bằng, gạch vữa nghiêng trên mái	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3243	Phá lớp vữa trát xà, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3244	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3245	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3246	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3247	Đục nhám mặt bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3248	Tháo dỡ mái ngói chiều cao $\leq 16m$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3249	Tháo dỡ trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	3,1000	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3250	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3251	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3252	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3253	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, vòi sen, hộp đựng giấy vệ sinh, ...)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3254	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 20 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3255	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 50 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3256	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 100 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3257	Tháo dỡ các cấu kiện bằng bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện ≤ 150 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3258	Tháo dỡ cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, trọng lượng cấu kiện $\leq 2T$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3259	Đục lỗ thông tường xây gạch, chiều dày tường ≤ 11 cm, tiết diện lỗ $\leq 0,04m^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	lỗ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3260	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12$ mm, chiều sâu khoan ≤ 10 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3261	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 12$ mm, chiều sâu khoan ≤ 15 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3262	Khoan tạo lỗ bê tông bằng máy khoan, lỗ khoan $D \leq 16$ mm, chiều sâu khoan ≤ 15 cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	4,0000	lỗ khoan	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3263	Xây mái dốc thẳng bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3264	Hàn gia cố bản mã tại cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	10m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3265	Lắp đặt cột thép gia cố các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3266	Gia cố kết cấu thép, loại kết cấu sàn thao tác, cầu thang, lan can và các loại kết cấu khác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3267	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3268	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 22v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3269	Tháo dỡ, thay thế litô ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3270	Tháo dỡ, thay thế lợp mái ngói 13v/m2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3271	Quét nước xi măng	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3272	Bốc xếp sắt thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3273	Bốc xếp gỗ các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3274	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3275	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3276	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $< 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3277	Cắt mặt đường bê tông Asphalt chiều dày lớp cắt $\leq 5\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3278	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang chiều dày lớp sơn 1,5mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3279	Dán màng phản quang đầu dải phân cách (3900)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	1m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3280	Phá dỡ kết cấu bê tông có cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3281	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3282	Phá dỡ kết cấu gạch đá bằng máy khoan bê tông 1,5kW	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3283	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3284	Phá dỡ kết cấu gạch bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3285	Tháo dỡ kết cấu gỗ bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3286	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3287	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3288	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq 3\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp I	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3289	Đào đất móng bằng bằng thủ công, rộng $\leq 3\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3290	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3291	Đào nền đường bằng thủ công, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3292	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp nền móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3293	Đắp đất nền móng công trình, nền đường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3294	Đào san đất bằng máy đào 1,25 m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3295	Đào san đất trong phạm vi ≤ 50 m bằng máy ủi 110CV, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3296	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3297	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi ≤ 1000 m, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3298	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 5 km, đất cấp II (4km tiếp theo)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3299	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II (tiếp 10km tiếp theo đến nơi đổ đúng quy định)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3300	Thi công móng cấp phối đá dăm, Độ chặt yêu cầu $K \geq 0,95$ đảm nền tiêu chuẩn, Lớp trên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3301	Rải thảm mặt đường đá dăm đen, chiều dày mặt đường đã lèn ép 10cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3302	Tưới lớp dính bảm, thấm bảm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 0,5 kg/m ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3303	Tưới lớp dính bảm, thấm bảm mặt đường bằng nhũ tương gốc axit, lượng nhũ tương 1,0 kg/m ²	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3304	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C ≤ 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 3cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3305	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa chặt (loại C ≤ 12,5), chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3306	Xây tường thẳng bằng gạch ống 8x8x19, chiều dày ≤ 10cm, chiều cao ≤ 6m, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3307	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng ≤ 250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3308	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng ≤ 250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3309	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 150	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3310	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m ³	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3311	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 250	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3312	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3313	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông tường dày $\leq 45\text{cm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3314	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện $\leq 0,1\text{m}^2$, chiều cao $\leq 6\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3315	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà; chiều cao $\leq 28\text{m}$ đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3316	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông sàn mái đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3317	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3318	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lạnh tô, lạnh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan, ô văng đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3319	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3320	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép móng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3321	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3322	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép bệ máy, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3323	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3324	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép tường, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3325	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3326	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3327	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép lanh tô liền mái hắt, máng nước, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3328	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép sàn mái, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 28\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,4000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3329	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3330	Công tác gia công lắp dựng cốt thép, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$, chiều cao $\leq 6\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3331	Ván khuôn gỗ, ván khuôn lanh tô, lanh tô liền mái hắt, máng nước, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3332	Ván khuôn gỗ, ván khuôn nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3333	Ván khuôn gỗ, ván khuôn tường thẳng, chiều dày $\leq 45\text{cm}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3334	Ván khuôn thép, ván khuôn móng dài	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3335	Ván khuôn thép, ván khuôn móng cột	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m ²	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3336	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3337	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 300	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3338	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông kết cấu khác đá 1x2, vữa bê tông mác 200	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3339	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn, cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3340	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn nắp đan, tấm chớp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,2000	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3341	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp cột, trọng lượng cấu kiện $\leq 2,5$ tấn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3342	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp giá đỡ mái chông diêm, con sơn, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, tấm đan	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3343	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng từ 50kg đến 200kg bằng cần cẩu	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3344	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤ 25 kg	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cấu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3345	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3346	Lắp dựng cầu kiện bê tông đúc sẵn. Lắp các loại cầu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 100\text{kg}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	8,0000	cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3347	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3348	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 6,9\text{m}$ (vật tư tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3349	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công vì kèo mái ngói, khẩu độ vì kèo $\leq 8,1\text{m}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3350	Gia công, lắp dựng cầu kiện gỗ, Gia công cầu phong gỗ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m3 cầu kiện	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3351	Gia công cột bằng thép hình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3352	Gia công cột bằng thép tấm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3353	Gia công xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3354	Gia công lan can	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3355	Gia công hàng rào lưới thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3356	Gia công hàng rào song sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3357	Gia công hệ sàn đạo, sàn thao tác	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3358	Gia công các kết cấu thép khác. Gia công vỏ bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3359	Lắp dựng cột thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3360	Lắp dựng vì kèo thép khẩu độ ≤ 18 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3361	Lắp dựng xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3362	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3363	Nhôm dày 1,4mm, kính cường lực dày 10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3364	Lắp dựng lan can sắt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3365	Lắp đặt kết cấu thép khác. Vò bao che	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3366	Lợp mái ngói 22 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3367	Thi công vách bằng tấm thạch cao (tấm compact dày 12mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3368	Lợp mái ngói 13 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3369	Lợp mái ngói 75 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3370	Lợp mái ngói âm dương 80 v/m2, chiều cao $\leq$ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3371	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ (dày 0,5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3372	Lợp mái che tường bằng tấm nhựa (dày 5mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3373	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3374	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3375	Trát trần, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3376	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3377	Trát xà dầm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3378	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3379	Trát sânô, mái hắt, lam ngang, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3380	Trát đá rửa trụ cột, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3381	Trát đá rửa thành sânô, ô văng, lan can, diềm chắn nắng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3382	Công tác ốp gạch vào tường, trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,25\text{m}^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3383	Công tác ốp gạch vào chân tường, viền tường, viền trụ, cột, tiết diện gạch $\leq 0,036\text{m}^2$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3384	Công tác ốp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán (dày 2cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3385	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,16$ m2, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3386	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,16$ m2, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3387	Công tác ốp đá hoa cương vào tường tiết diện đá $\leq 0,25$ m2, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3388	Công tác ốp đá hoa cương vào cột, trụ tiết diện đá $\leq 0,25$ m2, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3389	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3390	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3391	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM mác 75 (không tính vật tư)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3392	Láng granitô nền sàn	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3393	Láng gắn sỏi nền, sân, hè đường, chiều dày láng 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3394	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3395	Lát nền, sàn, tiết diện gạch $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3396	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3397	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch tận dụng)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3398	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm (gạch bê tông tự chèn trống cở 2 lỗ)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3399	Lát gạch sân, nền đường, vỉa hè bằng gạch xi măng tự chèn, chiều dày 5,5cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3400	Lát gạch đất nung, tiết diện gạch $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3401	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,16m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3402	Lát nền, sàn bằng đá hoa cương, tiết diện đá $\leq 0,25m^2$, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3403	Bó vỉa hè, đường bằng tấm bê tông đúc sẵn, bó vỉa thẳng 18x22x100cm, vỉa XM mác 75 (bó vỉa đá granite 100x200)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3404	Thi công trần gỗ dán	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3405	Thi công trần bằng tấm nhựa	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3406	Thi công trần phẳng bằng tấm thạch cao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3407	Thi công mặt sàn gỗ, ván dày 2cm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3408	Quét nước xi măng 2 nước	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3409	Bả bằng bột bả vào tường	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3410	Bả bằng bột bả vào cột, dầm, trần	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3411	Sơn kết cấu gỗ bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3412	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3413	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3414	Sơn tường ngoài nhà đã bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3415	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3416	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3417	Sơn sàn, nền, bề mặt bê tông bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3418	Quét dung dịch chống thấm mái, tường, sê nô, ô văng ...	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3419	Bảo vệ bề mặt đá tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3420	Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3421	Vệ sinh nền đá trước khi đổ bê tông	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3422	Lắp dựng dàn giàn giáo ngoài, chiều cao ≤ 16 m	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0,0400	100m2	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3423	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp lên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3424	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤ 1 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3425	Vận chuyển cấu kiện bê tông bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 10 km (vận chuyển tiếp 9km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3426	Bốc xếp cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $P \leq 200$ kg bằng thủ công - bốc xếp xuống	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3427	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển trong phạm vi ≤ 1 km	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3428	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 10 km (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3429	Vận chuyển gỗ các loại bằng ô tô vận tải thùng 12T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi ≤ 60 km (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3430	Bốc lên bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3431	Bốc xuống bằng thủ công - thép các loại	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	tấn	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3432	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển trong phạm vi $\leq 1\text{km}$	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3433	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 10\text{km}$ (vận chuyển tiếp 9km)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3434	Vận chuyển thép các loại bằng ô tô vận tải thùng 7T, cự ly vận chuyển 1km tiếp theo trong phạm vi $\leq 60\text{km}$ (vận chuyển 5km đến nơi)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	2,5000	10 tấn/km	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3435	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (tháo dỡ bạc đạn đơn giá bằng 60%BB.83101)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3436	Lắp đặt BU, đường kính 50mm (bạc đạn 6002-6005)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	5,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3437	Lắp đặt chậu xí bệt (kích thước 728x396x724)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3438	Lắp đặt chậu tiểu nam (kích thước 330x330x640)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3439	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi (Kích thước: 497D*462R*762C mm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3440	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi (vòi lavabo bán tự động)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3441	Lắp đặt phễu thu, đường kính 50mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3442	Lắp đặt phễu thu, đường kính 100mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3443	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3444	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 32mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3445	Lắp đặt ống thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	100m	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3446	Lắp đặt côn thép không rỉ nối bằng phương pháp hàn, đường kính côn 60mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3447	Cung cấp đá granite trắng hồng cỡ hạt: 5-10mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3448	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 10-20mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3449	Cung cấp đá granite xám cỡ hạt: 20-30mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3450	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập chân, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1910 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3451	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ lắc tay, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020 x (R) 610 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3452	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đi bộ trên không, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2530 x (R) 670 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3453	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng bụng, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1540 x (R) 1430 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3454	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị lưng eo, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1650 x (R) 790 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3455	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đôi, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1740 x (R) 1040 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3456	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị tay vai đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D49x3, D27x1.5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1060 x (R) 940 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3457	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà đơn, vật liệu chính thép ống D90x3, D60x3, D34x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)1630 x (R) 810 x (C) 2270mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3458	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà kép, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2440 x (R) 720 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3459	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xoay eo, vật liệu chính thép ống D140x4, D49x2, D42x2, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (Đk)1580 x (C) 1300mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3460	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị đập xe, vật liệu chính thép ống D114x3, D90x3, D60x3, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)2410 x (R) 560 x (C) 1950mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3461	Cung cấp, lắp đặt bộ thiết bị xà đơn 2 bậc, vật liệu chính thép ống D90x3, D34x5, mạ kẽm nhúng nóng, sơn tĩnh điện, kích thước: (D)3020x (R) 220 x (C) 2280mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3462	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 1 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3463	Cung cấp, lắp đặt thú nhún 3 tấm, vật liệu chính lò xo nhập khẩu, tấm HPL hoặc tấm HDPE, khung thép mạ kẽm, sơn tĩnh điện.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3464	Cung cấp, lắp đặt bàn bóng bàn ngoài trời, vật liệu chính mặt bàn bằng nhựa composite, chân bàn thép ống thép D40 sơn tĩnh điện	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3465	Cung cấp, lắp đặt trụ bóng rổ cố định vuông. Vật liệu chính: - Trụ thép hộp vuông 150x150 dày 3mm, thép mã kẽm, nhúng nóng, sơn tĩnh điện màu xanh. - Pano Composite kích thước 1800x1050x25. - Vành rổ đường kính D450 và lưới. - Chân đế bê tông 700x700x900 - 01trụ/bộ.	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3466	Cung cấp, lắp đặt ghế ngồi bằng đá granite khối gồm mặt ghế 1400x400x250mm, chân ghế 2 khối 300x300x250mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3467	Cung cấp, lắp đặt ruột thùng rác compsite dày 8mm, đường kính 440mm, cao 500mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	1,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3468	Cung cấp cát trắng tự nhiên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3469	Tháo dỡ, sửa chữa, cung cấp, lắp đặt bàn đạp inox 304	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3470	Tháo dỡ, sửa chữa, thay thế trực quy thiết bị thể dục thể thao	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3471	Tháo dỡ, cung cấp tay nắm, bệ đỡ chân thiết bị thú nhún	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3472	Cung cấp, lắp đặt bu lông M10	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3473	Cung cấp, lắp đặt bu lông M12	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3474	Cung cấp, lắp đặt bu lông M14	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3475	Cung cấp, lắp đặt bu lông M16	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	bộ	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3476	Cung cấp hóa chất polycem	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3477	Cung cấp hóa chất Epoxy	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	kg	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3478	Tháo dỡ, cung cấp ghế ngồi bằng composite, chiều dày 8mm	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	cái	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3479	Công tác không thường xuyên 4	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3480	Trồng cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3481	Phá dỡ nền, hè (bê tông, gạch vỉa hè)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	19,1000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3482	Đào đất hố trồng cây	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	403,0000	1 m3	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3483	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 80 x 80 x 80 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	37,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3484	Vận chuyển đất, phân hữu cơ trồng cây - Kích thước hố trồng 100 x 100 x 100 (cm)	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	366,0000	1 hố	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3485	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Phượng vĩ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3486	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Móng bò	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3487	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương (lá lớn), Kèn hồng, Lim sét	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3488	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bằng lăng nước, Bò cạp nước, Dầu con rái, Lát hoa, Lộc vừng (hoa đỏ), Me tây, Nhạc ngựa, Sấu, Viêt	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3489	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Gõ mật, Me, Sao đen	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3490	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cầm lai, Cầm liên, Cườm rắn, Sanh, Sến cát, Vên vên	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3491	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giá ty	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3492	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bún, Gõ nước, Long nảo	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	30,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3493	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Nhội	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	6,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3494	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Cầm xe, Cốp hoa trắng, Gõ đỏ, Lim xanh, Mát hai cánh, Mun, Trai	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3495	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Mắc nưa, muồng hoa đào	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	24,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3496	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Vấp	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3497	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Giáng hương lá nhỏ	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	9,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày

3498	Trồng cây xanh, đường kính bầu đất 60 (cm), h: 3-3,5 m, đk gốc 6-7 cm: Bàng vuông, Bàng lẵng ôi, Chiết sen, Chiêu liêu, Đầu lân, Kim giao, Sao xanh, Sô, Sưa, Trâm, Vàng anh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	48,0000	1 cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3499	Bảo dưỡng cây xanh sau khi trồng - Bể xe bồn: Xe bồn 5 m ³	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	403,0000	1 cây/90 ngày	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3500	Khảo sát, đánh giá cây xanh	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT			Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3501	Khảo sát, đánh giá tổng quan cây xanh từ mặt đất (bước 1), cây loại 2, 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3502	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 2	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
3503	Khảo sát, đánh giá cây xanh trên cao (bước 2), cây loại 3	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	21,0000	cây	Thành phố Hồ Chí Minh	181 ngày
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽⁸⁾	Theo quy định tại Chương V của E-HSMT	0	%		

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế ____ , [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Bảo đảm dự thầu*: ____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]
Gói thầu: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]
Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]
Căn cứ⁽²⁾ ____ [Hệ thống tự động trích xuất]
Căn cứ⁽²⁾ ____ [Hệ thống tự động trích xuất]
Căn cứ E-HSMT Gói thầu: ____ Hệ thống tự động trích xuất] với số E-TBMT: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Mã số thuế: ____ [Hệ thống tự động trích xuất];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng

tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp

đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 06A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị ☐ Sở hữu của nhà thầu ☐ Đi thuê ☐ Cho thuê ☐ Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- ☐ Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- ☐ Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (Webform trên Hệ thống)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	(Hệ thống tự động tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra,
hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Hệ thống trích xuất.
- Cột (8): Nhà thầu điền

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...	...					...
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		b2%			B2 = b2% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B2

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	☐	☐
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	☐	☐

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

– Gói thầu: Phi tư vấn công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3.

– Tên dịch vụ sự nghiệp công: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực 3.

– Địa điểm: Phường An Đông, An Lạc, Bình Đông, Bình Hưng Hòa, Bình Tân, Bình Trị Đông, Chánh Hưng, Chợ Lớn, Chợ Quán, Phú Định, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Thuận, Tân Hưng, Tân Mỹ, Tân Tạo, Tân Thuận; Xã An Thới Đông, Bình Chánh, Bình Hưng, Bình Khánh, Bình Lợi, Cần Giuộc, Hiệp Phước, Nhà Bè, Tân Nhựt, Tân Vĩnh Lộc - Thành phố Hồ Chí Minh.

– Thời gian thực hiện gói thầu là: 03 năm (1096 ngày từ ngày 01/7/2026 đến ngày 30/6/2029).

– Ngày hoàn thành dịch vụ là:

+ Năm 2026: 31/12/2026

+ Năm 2027: 31/12/2027

+ Năm 2028: 31/12/2028

+ Năm 2029: 30/06/2029

– Thuế giá trị gia tăng (VAT) nhà thầu chào trong đơn giá dự thầu như sau:

STT	Năm	Thuế VAT
1	2026	8%
2	2027	10%
3	2028	10%
4	2029	10%

– Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước – Sự nghiệp các hoạt động kinh tế (kiến thiết thị chính).

– Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với: Tính chính xác của thông tin kê khai và các tài liệu đính kèm trong Hồ sơ dự thầu, tính chính xác của các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu cũng như Nhân sự tham dự thầu. Trường hợp Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia nghi ngờ tính chính xác của tài liệu, Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia;

– Đối với các loại chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự: Trường hợp sau thời điểm đóng

thầu mà hiệu lực của chứng chỉ/chứng nhận của Nhân sự hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp chứng chỉ/chứng nhận mới của Nhân sự còn hiệu lực theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia.

– Đối với các loại thiết bị yêu cầu phải có Giấy chứng nhận kiểm định: Trường hợp sau thời điểm đóng thầu mà hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị hết hiệu lực hoặc không đảm bảo thời gian thực hiện gói thầu thì nhà thầu phải có trách nhiệm kiểm định lại và cung cấp Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổ chuyên gia.

– Nhà thầu phải cung cấp: 01 (một) bản in Bảng phân tích đơn giá dự thầu; Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu; Bảng đơn giá vật liệu theo mẫu dưới đây (có ký tên của người đại diện pháp luật của nhà thầu và đóng dấu theo quy định), kèm theo 01 USB hoặc 01 đĩa CD chứa: file giá dự thầu; Bảng phân tích đơn giá dự thầu; Bảng tổng hợp khối lượng vật liệu; Bảng đơn giá vật liệu khi được mời vào đối chiếu tài liệu.

TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG:

GÓI THẦU:

ĐỊA ĐIỂM:

Mẫu: BẢNG ĐƠN GIÁ CHI TIẾT

TT	Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cách tính	Định mức	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền
								
		Vật liệu	VL					
		Nhân công	NC					
		<i>Bậc thợ bình quân</i>	<i>công</i>					
								
		Máy thi công	MTC					
			<i>ca</i>					
		Chi phí trực tiếp	T	VL+NC+MTC				
		Chi phí chung	C	NC x%				
		Giá thành dự toán xây dựng	Z	(T+C)				
		Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	(T+C) x%				
		Chi phí xây dựng trước thuế	G	T+C+TL				
		Thuế giá trị gia tăng	GTG T	G x%				
		Tổng cộng	TC	G+GTGT				

Mẫu: BẢNG GIÁ VẬT LIỆU – NHÂN CÔNG – XE MÁY

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
I	Vật liệu			
1				
II	BẢNG GIÁ NHÂN CÔNG, CA MÁY THI CÔNG			
*	Nhân công đơn giá 1000			
1	Nhân công Nhóm			

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ
				
*	Nhân công đơn giá 1491			
1	Nhân công bậc 3,0/7 nhóm 1			
				
*	Máy thi công đơn giá 2528			
1				
2	...			

2. Mục tiêu công việc:

Các công việc thực hiện cần phải tuân thủ theo các quy định hiện hành như sau:

– Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của UBND Thành phố Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở GTVT quản lý trên địa bàn thành phố.

– Hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16/6/2020 của Sở GTVT về việc Hướng dẫn Thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

– Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh về việc Thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh.

– Các quy định khác có liên quan.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Yêu cầu về vật tư, máy móc, thiết bị, nhân lực:

* Vật tư:

- Nhà thầu chủ động trong việc dùng nguồn và chủng loại vật liệu để thực hiện các công việc liên quan trong quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên của gói thầu nhằm đạt những yêu cầu về chất lượng đã nêu trong HSMT và trong hợp đồng.

- Khi có bất cứ sự nghi ngờ nào về chất lượng các hạng mục công việc hoặc có bất cứ nghi ngờ nào về sự gian dối của nhà thầu trong quá trình thực hiện mà tuần kiểm không xác định được bằng các phương pháp thông thường, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu một đơn vị Thí nghiệm độc lập khác tiến hành lại và mọi chi phí của việc này phải do Nhà thầu chi trả nếu kết luận là có sự gian dối, không phù hợp về chất lượng vật liệu đưa vào các hạng mục công trình.

- Vật tư được sử dụng phải đúng chủng loại theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ thiết kế được duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Nhà thầu trình mẫu các thông số kỹ thuật của vật tư để tư vấn giám sát phê duyệt. Mọi vật tư, thiết bị lắp đặt vào công trình không có sự đồng ý của tư vấn giám sát thì không được thanh toán.

- Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ các chứng chỉ chất lượng, các kết quả kiểm định kiểm tra chất lượng cần thiết của nguyên vật liệu, thiết bị, các sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng.

- Các chứng chỉ và kết quả kiểm định chất lượng này là các tài liệu bắt buộc cần thiết trong hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán và bàn giao công trình. Số lượng, chủng loại, quy cách của các chứng chỉ, chất lượng hồ sơ kỹ thuật, kết quả kiểm định kiểm tra phải phù hợp với các quy định trong các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

*** Thiết bị thi công:**

- Đảm bảo các máy móc, thiết bị đầy đủ, đúng chủng loại, hoạt động bình thường như hồ sơ dự thầu. Tuân kiểm có quyền kiểm tra yêu cầu nhà thầu phải tuân thủ việc sử dụng máy móc, thiết bị phù hợp yêu cầu kỹ thuật thi công tùy theo công việc cụ thể.

Danh mục trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc thi công: Xem yêu cầu tại Chương III của Hồ sơ mời thầu này.

* Nhân lực: Nhà thầu phải huy động nhân lực phục vụ thực hiện gói thầu đảm bảo yêu cầu trong HSMT và các trường hợp đột xuất, khẩn cấp.

3.2. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

- Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu về phòng chống cháy nổ hiện hành của nhà nước
- Nhà thầu phải có biện pháp và phương tiện hữu hiệu đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và công trình trong suốt quá trình thi công. Công nhân sử dụng thiết bị cơ giới phục vụ thi công phải có bằng cấp.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước cùng các phí tổn về việc không đảm bảo an toàn, cháy nổ trên công trường.
- Tại những vị trí nguy hiểm nhà thầu phải có biển báo, cấm cờ hiệu, rào chắn.
- Nhà thầu phải chịu mọi phí tổn trong việc xây dựng hệ thống an toàn thi công, an toàn giao thông, hệ thống phòng chống cháy nổ trên công trường của mình và trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước về việc xảy ra tai nạn.
- Tuyệt đối đảm bảo an toàn lao động cho người trong quá trình thi công.
- Các thiết bị điện phải có biển báo, dây tiếp đất, che dây cách ly phù hợp.

Trang bị bình chữa cháy, tuân thủ các qui định về phòng cháy chữa cháy đối với các phương tiện, cụm thiết bị có khả năng gây ra hỏa hoạn..

3.3. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Trước khi dự thầu, nhà thầu phải xem xét, tham quan địa điểm xây dựng để nghiên cứu, đánh giá hiện trạng công trình, mặt bằng công trường, điều kiện tự nhiên, lối ra vào, đường thi công dẫn vào công trình, các công trình lân cận, và các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến việc thi công. Do đó, sau này nhà thầu không được đòi hỏi thêm các chi phí phát sinh do những điều kiện tự nhiên, hiện trạng của công trường và công trình gây nên.
- Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp mặt bằng trước lúc thi công và dỡ bỏ từng phần thiết bị, phương tiện, làm sạch mặt bằng trong thời gian thi công và sau khi hoàn thành công việc, kể cả lều, lán không cần thiết, các vật liệu thừa, chất thải sinh ra trong thi công và sinh hoạt.
- Nhà thầu cần đề xuất các biện pháp nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường gây ra từ đầu như quy hoạch biện pháp thi công, thời gian thi công.
- Đơn vị thi công cần xây dựng kế hoạch thi công và kế hoạch cung cấp vật tư thích hợp.
- Khi vận chuyển vật liệu phải phủ kín bằng bạt, tránh rơi vãi vật tư trên đường. Khi bốc dỡ, công nhân phải được trang bị đồ bảo hộ lao động.
- Trong quá trình thi công sẽ sinh tiếng ồn và rung động cho các khu vực và nhà dân xung quanh. Để giảm bớt tiếng ồn và rung động cần có giải pháp thi công hợp lý.
- Phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Thực hiện các biện pháp bảo chế, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định - Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che

chấn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ hoạt động và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp về bảo vệ môi trường.

- Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường do lỗi của mình gây ra.

3.4. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn giao thông:

- Nhà thầu phải có rào chắn và tổ chức hướng dẫn giao thông để đảm bảo giao thông tuân theo qui định.

- Bố trí hệ thống thông tin liên lạc thông suốt.

- Có các biện pháp đảm bảo cho việc lưu thông của nhân dân đi lại bằng phương tiện cá nhân hoặc thô sơ.

- Phải đặt các biển báo hướng dẫn giao thông theo quy định.

- Khi thi công cần phải triển khai theo từng phân đoạn.

- Tuân thủ các nội quy về an toàn toàn lao động.

- Nhà thầu phải thực hiện đúng các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông... cho từng nội dung công việc theo HSDT và các quy định hiện hành.

- Nhà thầu phải tuân thủ về an toàn lao động theo Luật lao động, Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng Quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, Thông tư số 03/2019/TT-BXD ngày 30/07/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình. Quy định về bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác theo chương VI của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 (Thông tư số 25/2024/TT-BGTVT ngày 28/06/2024) và QCVN 41:2024/BGTVT.

3.5. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thực hiện công tác quản lý, BDTX:

Nhà thầu phải tuân thủ các phương án, biện pháp tổ chức công tác quản lý, BDTX tổng thể và chi tiết các hạng mục hợp lý nhất trên cơ sở E-HSDT đã được chấp thuận và các bổ sung khác phù hợp điều kiện thực tế trong quá trình thực hiện.

3.6. Yêu cầu công tác kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Nhà thầu phải tổ chức bộ phận quản lý chất lượng các công tác phải thực hiện. Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng các hạng mục công việc trong Hợp đồng mà nhà thầu phải thực hiện. Hệ thống quản lý chất lượng công trình của nhà thầu phải phù hợp với quy mô công việc, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với công tác quản lý chất lượng của nhà thầu.

- Thông báo cho Chủ đầu tư để giám sát (nếu cần):

- a) Kế hoạch thực hiện các công việc chính;

- b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu; biện pháp thi công, trong đó quy định cụ thể các biện pháp, bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình;

- c) Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng.

- Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện trách nhiệm quản lý chất lượng trong việc sản xuất vật liệu, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định và quy định của hợp đồng.

- Thực hiện các công tác thí nghiệm kiểm tra vật liệu, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công các hạng mục liên quan theo quy định của hợp đồng.

- Thực hiện các hạng mục công việc theo đúng hợp đồng. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa thực tế so với hợp đồng và điều kiện hiện trường trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc. Tự kiểm soát chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và quy định của hợp đồng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các hạng mục công việc phải được lập theo quy định và phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại hiện trường.

- Kiểm soát chất lượng các hạng mục công việc; giám sát đối với hạng mục công việc do nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là nhà thầu chính hoặc tổng thầu.

- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc (nếu có).

- Lập nhật ký thực hiện các hạng mục công việc theo quy định.

- Yêu cầu chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu tháng theo quy định.

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thực hiện các hạng mục công việc theo quy định của hợp đồng và yêu cầu đột xuất của chủ đầu tư.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Nghiệm thu: Hàng tháng hoặc hàng quý, Chủ đầu tư sẽ thực hiện nghiệm thu công tác công tác quản lý bảo trì gói thầu theo quy định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh và hướng dẫn số 7094/HD-SGTVT ngày 16/6/2020 của Sở Giao thông vận tải và theo các quy định hiện hành.

Tiêu chí nghiệm thu công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh: PHỤ LỤC 5 Công văn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

Điều kiện hợp đồng bao gồm E-ĐKC, E-ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.

E-ĐKC của Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. E-ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với E-ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Chủ đầu tư có thể áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, hợp đồng theo thời gian. Đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra, Chủ đầu tư xem xét áp dụng điều khoản giảm trừ thanh toán căn cứ vào chất lượng đầu ra của dịch vụ. Theo đó, tùy theo chất lượng đầu ra mà nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng. Nếu nhà thầu không đảm bảo chất lượng dịch vụ như đã đề xuất thì nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.

Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.

Chỉ nên đưa các hạng mục có thể kiểm tra, đánh giá, xác định chất lượng vào danh mục giảm trừ thanh toán để làm cơ sở thanh toán giữa hai bên, tránh phát sinh tranh chấp trong quá trình thanh toán hợp đồng.

Trường hợp Chủ đầu tư có nguồn lực tài chính để khuyến khích nhà thầu khi nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào E-ĐKC và E-ĐKCT.

Đối với hợp đồng theo thời gian, có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị. Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa; 1.2. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp. 1.3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT; 1.4. “Dịch vụ phi tư vấn” là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu thầu; 1.5. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT; 1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.9. “Năm” là năm dương lịch; 1.10. “Ngày” là ngày dương lịch; 1.11. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT; 1.12. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn; 1.13. “Tài liệu Hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.14. “Tháng” là tháng dương lịch; 1.15. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

	c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. 2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm: a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
3. Luật và ngôn ngữ	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam; 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Thông báo	4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin. 4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau: a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

	5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT. 5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng. 5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.
6. Ký hợp đồng thầu phụ	6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu. 6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT. 6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT. 6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C hoặc Mẫu số 10D Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .

12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

	14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. 14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
15. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.
16. Bất khả kháng	16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. 16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng. 16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.
17. Sửa đổi hợp đồng	17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. 17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. 17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải

	pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. 17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây: a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng. Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.
18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT. Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.
19. Chấm dứt	19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

hợp đồng	a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau: (i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; (ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng; (iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản; (iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng. b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện. c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây: - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán; - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. 19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
20. Phát hiện và khắc phục sai sót	20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT. 20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục. Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời

	phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 E-ĐKC.
21. Nhân sự¹	21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.

¹ Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Trụ sở: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; - Mã số thuế: 0319406879 - Điện thoại: (028) 3728 2006. - Fax: (028) 3728 2005. - E-mail: ttqlgthtkt.sxd@tphcm.gov.vn
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Phường An Đông, An Lạc, Bình Đông, Bình Hưng Hòa, Bình Tân, Bình Trị Đông, Chánh Hưng, Chợ Lớn, Chợ Quán, Phú Định, Phú Lâm, Phú Thạnh, Phú Thuận, Tân Hưng, Tân Mỹ, Tân Tạo, Tân Thuận; Xã An Thới Đông, Bình Chánh, Bình Hưng, Bình Khánh, Bình Lợi, Cần Giờ, Hiệp Phước, Nhà Bè, Tân Nhựt, Tân Vĩnh Lộc - Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng; g) E-HSMT và các văn bản làm rõ E-HSMT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. - Địa chỉ: Số 360 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh; - Điện thoại: (028) 3728 2006. - E-mail: ttqlgthtkt.sxd@tphcm.gov.vn
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng

	có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày Nhà thầu thi công, hoàn thành gói thầu tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 7 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn giá trị của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Quy định cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực hoặc vi phạm hợp đồng đến mức phải chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư theo quy định tại mẫu hợp đồng.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: - Nhà thầu phụ phải có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao theo quy định pháp luật; - Chỉ được ký kết hợp đồng thầu phụ đúng với năng lực hành nghề, năng lực hoạt động của nhà thầu phụ; - Phải có người trực tiếp phụ trách kỹ thuật thi công của nhà thầu phụ.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Được trượt giá. - Giá hợp đồng được tính trượt giá và thực hiện như sau: + Trượt giá hợp đồng được tính từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 20 E-ĐKC. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; + Trượt giá hợp đồng trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công, thiết bị, vật tư. Việc tính trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể : Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 1. Điều chỉnh khối lượng: Điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi khối lượng cụ thể như sau: Bổ sung khối lượng công việc hợp lý (là những khối lượng nằm ngoài khối lượng, hạng mục công việc đã được xác định trong hồ sơ mời thầu kèm theo hợp đồng) hoặc điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký và các trường hợp bất khả kháng. - Trường hợp điều chỉnh giảm khối lượng so với phạm vi công việc phải

	thực hiện theo hợp đồng đã ký: Áp dụng đơn giá trong hợp đồng để phê duyệt dự toán làm cơ sở điều chỉnh giảm giá hợp đồng. - Trường hợp bổ sung khối lượng công việc hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng được xác định như sau: + Đối với phần khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (các hạng mục có đơn giá trong hợp đồng): Thì áp dụng quy định tại hợp đồng này để lập đơn giá trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh làm cơ sở ký phụ lục hợp đồng. + Đối với phần khối lượng phát sinh mới ngoài hợp đồng (các hạng mục không có đơn giá trong hợp đồng): Thì hai bên thống nhất đơn giá mới để trình Sở Xây dựng phê duyệt dự toán điều chỉnh. Đơn giá mới là đơn giá được xác định theo quy định hiện hành và có tính đến các tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách, tỷ lệ trúng thầu của gói thầu theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền (Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng và các đơn vị quản lý liên quan khác). Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá mới phải là giá trị thấp nhất của (đơn giá hiện hành x tỷ lệ tiết kiệm chi ngân sách (nếu có)) và (đơn giá hiện hành x tỷ lệ trúng thầu gói thầu). - Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành. 2. Điều chỉnh đơn giá: a. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về chi phí nhân công và máy thi công: Khi Nhà nước thay đổi chính sách về tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thanh toán hợp đồng kể từ thời điểm chính sách này có hiệu lực và trên cơ sở dự toán điều chỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ dự thầu của Bên B. b. Điều chỉnh đơn giá khi có chênh lệch về giá vật liệu: Điều chỉnh do thay đổi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Bao gồm cả điều chỉnh tăng và điều chỉnh giảm (xác định bằng phương pháp tính toán bù trừ trực tiếp chênh lệch giá vật liệu xây dựng), cụ thể như sau: b.1- Điều chỉnh giảm: + Điều chỉnh giảm đối với tất cả loại vật liệu xây dựng mà tại thời điểm thực hiện trong năm (gọi là giá vật liệu tại thời điểm thực hiện) thấp hơn giá vật liệu xây dựng trong dự toán gói thầu đã được Sở Xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu. Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được dùng để xác định Đơn giá tại thời điểm hiện hành. + Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: được xác định như sau Là giá thấp nhất trong từng Quý theo Công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh (bao gồm cả chi phí vận chuyển đến chân công trình). Đối với các loại vật liệu xây dựng không có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh hoặc có trong công bố giá của Sở Xây dựng TP.Hồ Chí Minh nhưng không phù hợp với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy định thì giá vật liệu được xác định trên cơ sở các báo giá hợp pháp khác của các nhà cung cấp vật liệu xây dựng (phải có ít nhất 03 báo giá và lấy giá thấp nhất trong 03 báo giá đó). Đối với giá vật liệu xây dựng Quý IV của năm thực hiện điều chỉnh: Tạm
--	---

	thời được xác định theo giá vật liệu xây dựng tháng 10, tháng 11 của năm đó. Khi quyết toán nếu giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh lại giảm so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì nhà thầu phải nộp lại Ngân sách Nhà nước phần chênh lệch giảm đối với khối lượng thực hiện trong quý IV. Trường hợp giá vật liệu quý IV của năm thực hiện điều chỉnh tăng so với tháng 10, tháng 11 của năm đó thì thống nhất vẫn giữ nguyên giá vật liệu đã thanh toán cho bên B. b.2- Điều chỉnh tăng: + Chỉ điều chỉnh tăng đối với các loại vật liệu gồm: Nhũ tương, bê tông nhựa, bê tông thương phẩm, xi măng, cát, đá, thép các loại, màng phản quang, bột sơn và sơn các loại. + Điều chỉnh tăng khi giá vật liệu tại thời điểm thực hiện chênh lệch tăng so với giá vật liệu tại thời điểm gốc. + Giá vật liệu tại thời điểm thực hiện: Được xác định tương tự như trường hợp điều chỉnh giảm. + Giá vật liệu tại thời điểm gốc: Là giá cao nhất giữa giá vật liệu theo công bố giá của Sở Xây dựng TP.HCM (thời điểm 28 ngày trước ngày đóng thầu), giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu, giá vật liệu trong hồ sơ dự thầu. b.3- Trường hợp giá vật liệu không điều chỉnh giảm và không điều chỉnh tăng: Khi đó giá vật liệu tại thời điểm thực hiện được xác định là giá trong dự toán gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt dùng để tổ chức lựa chọn nhà thầu. c. Đơn giá điều chỉnh: được xác định như sau: Đơn giá điều chỉnh = (Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành) x Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu Trong đó: + Đơn giá tính tại thời điểm hiện hành: là đơn giá đã thực hiện điều chỉnh do có chênh lệch về chi phí nhân công, máy thi công, vật liệu đã quy định tại hợp đồng này. + Tỷ lệ giảm giá khi dự thầu là Tỷ lệ thấp nhất giữa (tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu) và (tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu). + Tỷ lệ trúng thầu của gói thầu thông qua kết quả đấu thầu = (Giá trị gói thầu theo hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được Sở xây dựng phê duyệt). + Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc thông qua kết quả đấu thầu = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/(Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được Sở xây dựng phê duyệt trong dự toán gói thầu) d. Thời điểm, số lần xem xét điều chỉnh đơn giá: Mỗi năm (2026, 2027, 2028) điều chỉnh đơn giá tối thiểu 01 lần/năm. Thời điểm điều chỉnh tùy vào tình hình thực tế sẽ thực hiện cho phù hợp. 3.3. Đối với các trường hợp bất khả kháng, bất khả kháng khác: Đơn giá cho các công việc phải khắc phục hậu quả bất khả kháng được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế, thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng. Áp dụng đơn giá trong hợp đồng đã ký kết cho khối lượng công việc trong phạm vi hợp đồng;
--	--

	đơn giá mới xác định cho khối lượng công việc bổ sung, phát sinh bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Nhà thầu xuất trình bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII. Sau khi hợp đồng có hiệu lực được quy định, căn cứ vào dự toán kinh phí duy tu được giao năm 2026, năm 2027, năm 2028, năm 2029, Chủ đầu tư sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng 10% giá hợp đồng phần thực hiện của từng năm (năm 2026, năm 2027, năm 2028, năm 2029). Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi theo từng đợt thanh toán. Khi giá trị thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt đến 80% thì mức thu hồi tạm ứng là 100% theo công thức: $\text{Giá trị thu hồi từng đợt thanh toán} = \frac{\text{Giá trị đã tạm ứng}}{80\%} \times \text{Giá trị nghiệm thu thanh toán từng đợt}$ Theo Mẫu hợp đồng đính kèm.
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Có áp dụng. Chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 15	1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% .Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 10% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế. Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính

17.1(c)	kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Chi tiết theo mẫu hợp đồng đính kèm và cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo quy định hiện hành, quy định cụ thể trong Tiêu chí nghiệm thu dịch vụ đính kèm HSMT, Mẫu hợp đồng và cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Theo quy định hiện hành, quy định cụ thể trong Tiêu chí nghiệm thu dịch vụ đính kèm HSMT, Mẫu hợp đồng và cụ thể khi hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày. - Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải, hoặc kiện vụ việc ra tòa án kinh tế có thẩm quyền để giải quyết. Chi tiết cụ thể trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ [Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là ____ [Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**HỢP ĐỒNG**

Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực.....

Gói thầu: Công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh khu vực

Địa điểm:

I. Các căn cứ ký kết hợp đồng:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ cây xanh đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Công bố định mức dự toán công tác bảo dưỡng, duy trì một số lĩnh vực dịch vụ công ích trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố bộ đơn giá dự toán chuyên ngành công viên cây xanh công trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công của lao động trực tiếp sản xuất trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công;

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương để xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công của lao động trực tiếp sản xuất trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn Thành phố từ ngày 01 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Công văn số 353/UBND-ĐT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng các định mức, đơn giá, định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước và hệ số điều chỉnh tiền lương tăng thêm trong chi phí dịch vụ sự nghiệp công thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2026 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật thành phố Thủ Đức, Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng về thực hiện một số nội dung về công tác quản lý, vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị, thoát nước đô thị và công viên cây xanh;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-SXD-HTKT ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Sở xây dựng về Về giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật (thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị và công viên, cây xanh) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (không bao gồm khối lượng hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế);

Căn cứ Công văn số 2827/SXD-TC ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Sở Xây dựng về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm giai đoạn 2026-2028;

Căn cứ Công văn số 12278/SXD-TC ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Sở Xây dựng về thông báo số kiểm tra chi ngân sách năm 2026 và dự kiến số chi ngân sách năm 2026-2028;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-SXD-TC ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh lần 2);

Căn cứ Kế hoạch số 12745/KH-SXD-HTKT ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Sở Xây dựng về kế hoạch triển khai công tác đấu thầu các gói thầu quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị, công viên, cây xanh đô thị, thoát nước và xử lý nước thải sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng năm 2026.

Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng 5 năm 2026 của về phê duyệt dự toán Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí nhà nước công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh đô thị.....;

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng 5 năm 2026 của về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 2026 của Trung tâm về việc phê duyệt E - Hồ sơ mời thầu;

Căn cứ Thông báo mời thầu trên mạng đấu thầu quốc gia sốngày ... tháng 5 năm 2026;

Căn cứ E - Hồ sơ mời thầu;

Căn cứ E - Hồ sơ dự thầu của

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSĐT kèm theo Tờ trình số ngày tháng 6 năm 2026 của Công ty về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số ngày ... tháng 6 của

Căn cứ Quyết định số .../.... ngày ... tháng 6 năm 2026 của Trung tâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

Biên bản hoàn thiện hợp đồng số/2026/..... ngày ... tháng 6 năm 2026 ký giữa Trung tâm và

Căn cứ các quy định pháp lý liên quan khác.

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Một bên là: **Bên A**

Tên giao dịch: **TRUNG TÂM**

Đại diện là: Ông

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ:

Tài khoản:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Điện thoại:

Và bên kia là: **Bên B**

Tên giao dịch:

Đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Mã chương: ...

Mã nội dung kinh tế: ...

Cơ quan quản lý thu: ...

Kho bạc Nhà nước hạch toán khoản thu: ...

Điện thoại:

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số).

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện Gói thầuthuộc Dự toán theo các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện Gói thầu được phê duyệt tại Quyết định số ngày ... tháng 6 năm 2026 của Trung tâm và E-HSMT, bảng giá dự thầu, biên bản hoàn thiện hợp đồng và các biên bản liên quan khác; đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Điều 2. Phương thức kiểm tra giám sát, yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm**2.1. Phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A:**

Nội dung phương thức kiểm tra, giám sát của Bên A được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, Biên bản thỏa thuận khác giữa hai bên (nếu có) và các quy định có liên quan khác.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng:

Bên B phải đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành quy định về công tác quản lý, vận hành và bảo trì các công trình thuộc lĩnh vực chuyên ngành được phân cấp cho Sở Giao thông vận tải quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23/12/2019 của Sở Xây dựng và các quy định có liên quan khác.

- Công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh phải thực hiện đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật, an toàn trong thi công và đảm bảo chất lượng.

- Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đúng

quy định do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện gói thầu: ngày (từ đến).
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày đến (bao gồm thời gian thực hiện gói thầu và thời gian lập hồ sơ quyết toán).

Điều 4. Loại hợp đồng và giá hợp đồng:

4.1. Loại hợp đồng: Theo Đơn giá điều chỉnh

4.2. Giá hợp đồng:

STT	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng			
		Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế)	Giá trị thuế	Dự phòng	Cộng
1	Năm 2026 (từ 01/7/2026 đến hết ngày 31/12/2026)				
2	Năm 2027 (từ 01/01/2027 đến 31/12/2027)				
3	Năm 2028 (từ 01/01/2028 đến 31/12/2028)				
4	Năm 2029 (từ 01/01/2029 đến 30/6/2029)				
	TỔNG CỘNG				

(Kèm theo Bảng giá ký hợp đồng)

Giá trị hợp đồng chính thức là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm toán, kiểm tra thay đổi về giá trị khối lượng đã được quyết toán thì giá trị sau thanh tra, kiểm toán, kiểm tra là giá hợp đồng chính thức cuối cùng.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng.

Điều 5. Điều chỉnh giá hợp đồng:

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng và chỉ thực hiện khi dự toán điều chỉnh được phê duyệt và hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

- Giá hợp đồng sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp giá hợp đồng sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chỉ được điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

- Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh một trong các trường hợp sau:

+ Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao hàng năm và dự toán điều chỉnh được phê

duyet, đảm bảo không cao hơn kinh phí trong dự toán ngân sách được giao.

+ Chính sách của Nhà nước về thuế GTGT tại từng thời điểm trong thời gian thực hiện hợp đồng;

+ Thực hiện theo yêu cầu tiết kiệm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên của cấp có thẩm quyền (nếu có);

+ Trường hợp có khối lượng, số lượng tăng hoặc giảm trong quá trình thực hiện hợp đồng nhưng không do lỗi của Bên B gây ra;

+ Do các trường hợp bất khả kháng quy định tại hợp đồng;

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thống nhất theo nguyên tắc như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã có đơn giá trong hợp đồng thì lấy đơn giá trong hợp đồng làm đơn giá thanh toán.

+ Đối với khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng thì các bên tham gia hợp đồng thống nhất:

(+) Khi thực hiện điều chỉnh đơn giá phải tính đến các yếu tố tỷ lệ trúng thầu của gói thầu, tỷ lệ trúng thầu hạng mục theo hướng dẫn của cấp thẩm quyền. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo đơn giá điều chỉnh = (tỷ lệ thấp nhất giữa tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục và tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu) x (đơn giá có trong hợp đồng sau khi thực hiện điều chỉnh chênh lệch về nhân công, máy thi công, vật liệu).

Cách xác định Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu và Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc như sau:

- Tỷ lệ giảm giá khi ký hợp đồng của cả gói thầu = (Giá hợp đồng ký kết)/(Giá gói thầu đã được phê duyệt).

- Tỷ lệ trúng thầu của từng hạng mục công việc = (Đơn giá của từng hạng mục công việc theo hợp đồng ký kết)/(Đơn giá của từng hạng mục công việc đã được phê duyệt trong dự toán gói thầu)

Trường hợp tỷ lệ trúng thầu của gói thầu > 95% (***tỷ lệ trúng thầu là giá ký hợp đồng của gói thầu/trên giá gói thầu được duyệt***) thì đơn giá của các công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng là đơn giá theo quy định tại thời điểm thực hiện trừ đi tỷ lệ giảm giá tối thiểu là 5%.

+ Trước khi thực hiện công việc thuộc khối lượng phát sinh, 2 bên phải lập biên bản thống nhất về khối lượng phát sinh, nguyên tắc tính đơn giá đối với khối lượng phát sinh làm cơ sở lập dự toán điều chỉnh và ký kết Phụ lục hợp đồng.

- Trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

Điều 6. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán hợp đồng

6.1. Tạm ứng:

Việc tạm ứng hợp đồng thực hiện theo từng năm trên cơ sở giá trị hợp đồng sẽ thực hiện trong năm.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực và nhận được bảo lãnh tạm ứng của Bên B, căn cứ vào dự toán kinh phí được giao hàng năm Bên A sẽ lập thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn tạm ứng 10%

giá hợp đồng phần thực hiện của từng năm cho Bên B.

- Trước khi Bên A thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho Bên B thì Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng có thể bằng tiền mặt hoặc tín thư của ngân hàng.

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Bên A đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán.

- Thu hồi tạm ứng: Bên A sẽ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán theo tỷ lệ thanh toán tương ứng và thu hồi hết giá trị tạm ứng sau khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi tạm ứng tối thiểu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị thu hồi tạm ứng đợt} = \text{Giá trị hoàn thành thanh toán đợt} \times \text{tỷ lệ tạm ứng} / 80\%$$

6.2. Thanh toán hợp đồng:

* Hình thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản.

* Giá trị thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ, hợp lệ. Việc thanh toán được thực hiện như sau:

- Hàng tháng, chậm nhất đến ngày 15 của tháng liền kề, Bên B phải lập hồ sơ thanh toán khối lượng thực hiện của tháng trước đó gửi cho Bên A, Bên A sẽ kiểm tra và gửi hồ sơ đề nghị Kho bạc thanh toán 100% giá trị khối lượng thực hiện được nghiệm thu sau khi đã trừ số tiền cắt trừ do nghiệm thu không đạt hoặc tiền xử phạt theo hợp đồng, đồng thời thu hồi tạm ứng theo tỷ lệ quy định tại khoản 6.1 điều này. Mọi sự chậm trễ do chủ quan của Bên B dẫn đến việc thanh toán chậm hoặc không được quyết toán, Bên B phải hoàn toàn tự chịu trách nhiệm đồng thời sẽ bị phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Riêng tháng cuối cùng của năm, Bên B phải nộp tất cả hồ sơ thanh toán trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo; nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên B chưa nộp thì sẽ bị phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Sau khi kết thúc niên độ ngân sách hoặc kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng thì Bên B phải nộp số tiền là 01% giá trị thực hiện hợp đồng của năm đó vào tài khoản tạm giữ, số tài khoản 3741.0.1128805.94283 của Bên A mở tại Kho bạc Nhà nước Khu vực II để bảo đảm chờ quyết toán và làm cơ sở Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện. Bên A sẽ hoàn trả số tiền bảo đảm chờ quyết toán còn lại sau khi đã trừ phần giá trị thanh toán vượt giá trị quyết toán (nếu có).

- Giá trị chính thức của hợp đồng là giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp giá trị quyết toán thấp hơn giá trị Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B phải hoàn trả phần chênh lệch đó vào ngân sách thành phố trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Bên A về kết quả phê duyệt quyết toán.

* Hồ sơ thanh toán: 06 bộ, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo mẫu quy định hiện hành);

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có);

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Hồ sơ hoàn công;
- Các tài liệu khác theo quy định của Kho bạc.

6.3. Quyết toán hợp đồng:

Việc quyết toán giá trị thực hiện hợp đồng theo từng năm. Trước ngày 20/01 của năm kế tiếp, Bên B hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu và tính pháp lý đối với các tài liệu có liên quan cung cấp cho Bên A.

- Trường hợp có dự toán điều chỉnh, bổ sung, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự toán điều chỉnh, bổ sung được duyệt, Bên B phải gửi hồ sơ quyết toán cho Bên A. Nếu sau thời gian trên mà Bên B chưa gửi hồ sơ quyết toán chính thức cho Bên A thì Bên B sẽ bị xử phạt theo quy định của hợp đồng, đồng thời Bên A sẽ không thanh toán cho các đợt kế tiếp cho đến khi nhận được hồ sơ quyết toán.

- Trường hợp Bên B không nộp hồ sơ quyết toán, Bên A có quyền căn cứ giá trị đã thanh toán cho Bên B để làm giá trị đề nghị quyết toán; đồng thời thu hồi bảo đảm thực hiện hợp đồng, ngoài ra Bên B còn phải chịu phạt theo quy định tại điều 15 của hợp đồng.

- Bên B phải cùng phối hợp với Bên A xử lý các vấn đề còn tồn đọng theo hợp đồng đã ký và hoàn trả đầy đủ, kịp thời giá trị mà Bên A đã chi cho Bên B vượt hơn giá trị đã quyết toán (nếu có) trong quyết định phê duyệt quyết toán và kết luận thanh tra trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo của Bên A.

* Hồ sơ quyết toán: 06 bộ bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (theo mẫu quy định hiện hành);
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (nếu có);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;
- Hồ sơ hoàn công.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 02% giá trị hợp đồng cho Bên A trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 3 Điều 68 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 để đảm bảo trách nhiệm thực hiện hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực đến khi Bên B đã thực hiện gói thầu tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Bên A nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

Bên B không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện kịp thời, đầy đủ khối lượng, đảm bảo chất lượng theo quy định đã thỏa thuận trong hợp đồng này Bên A có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Bên A và Bên B không được khiếu kiện.

Điều 8. Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm

8.1. Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 và đủ hồ sơ theo quy định.

8.2. Công tác kiểm tra, nghiệm thu công trình được thực hiện theo các quy định cụ thể tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, các quy định có liên quan khác và Biên bản thỏa thuận khác giữa hai bên (nếu có).

Điều 9. Bảo hành

9.1. Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành các hạng mục công trình cải tạo, sửa chữa, thay thế các hạ tầng, tiện ích trong công viên, mảng xanh, cây xanh sau khi bàn giao cho Bên A. Nội dung bảo hành bao gồm khắc phục, sửa chữa các hạng mục khối lượng công việc hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của Bên B gây ra.

9.2. Trong thời hạn bảo hành, nếu có hư hỏng do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B phải chịu trách nhiệm thực hiện lại hạng mục công việc cụ thể theo biên bản kiểm tra hiện trường. Bên B phải triển khai ngay công tác khắc phục sửa chữa và không được Bên A thanh toán thêm bất cứ một chi phí nào. Nếu Bên B chậm hoặc không kịp thời khắc phục sửa chữa để xảy ra sự cố, Bên B phải chịu mọi tổn thất thiệt hại xảy ra và còn bị phạt theo quy định tại Điều 15 của hợp đồng mà không được khiếu kiện.

9.3. Thời hạn bảo hành:

a. Hạng mục xây dựng cơ bản: Thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu và đưa vào sử dụng;

b. Hạng mục thay thế thiết bị hệ thống tưới, dụng cụ thể dục, trò chơi thiếu nhi: Thời gian bảo hành tối thiểu là 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu và đưa vào sử dụng, nhưng không thấp hơn thời gian bảo hành của nhà sản xuất.

9.4. Tiền bảo hành:

Mức tiền bảo hành được tính là: 05% giá trị thực hiện hợp đồng của phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành được nêu tại khoản 9.3 điều này. Khi công trình hoàn thành nghiệm thu đợt cuối, Bên B nộp vào tài khoản tại ngân hàng của Bên A 05% giá trị thực hiện hợp đồng của phần khối lượng thuộc trách nhiệm bảo hành hoặc chứng thư bảo lãnh của ngân hàng với giá trị tương đương để làm bảo lãnh bảo hành.

Sau khi kết thúc thời hạn bảo hành mà không xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B hoặc có khiếm khuyết, hư hỏng nhưng đã được Bên B khắc phục, sửa chữa kịp thời và khi có biên bản kiểm tra kết thúc thời gian bảo hành, Bên A xác nhận hết thời gian bảo hành công trình và hoàn trả tiền bảo hành cho Bên B (nếu bên B nộp bảo hành bằng tiền).

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B

10.1. Nhân lực chính của Bên B:

- Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A về thành phần, nhân lực chính để triển khai thực hiện ngay khi Hợp đồng có hiệu lực gồm:

+ Nhân lực chính của Bên B tại công trường và văn phòng.

+ Báo cáo về nhân lực, phương tiện, thiết bị.

- Trường hợp Bên B có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt phải có văn bản trình Bên A xem xét, chấp thuận trước khi thay đổi.

- Toàn bộ thời gian chỉ huy trưởng công trình (quản lý chung) Bên B phân công thực hiện gói thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện hợp đồng. Nếu chỉ huy trưởng công trường buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian bảo dưỡng, Bên B phải cử người thay thế phù hợp và phải được sự chấp thuận của Bên A.

10.2. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên B:

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và các quy định có liên quan khác, Bên B còn phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B phải triển khai thực hiện ngay theo kế hoạch của Bên A; Trường hợp có thay đổi khối lượng so với hồ sơ mời thầu, Bên B có trách nhiệm báo trước cho Bên A cùng lập biên bản xác nhận có giải trình cụ thể và phối hợp lập kinh phí bổ sung trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Bố trí đầy đủ phương tiện, thiết bị chuyên ngành, để có đảm bảo hoàn thành công việc đúng tiến độ;

- Thi công đảm bảo chất lượng, kịp thời xử lý các sự cố, thường xuyên tiến hành kiểm tra chất lượng công việc thực hiện, chấp hành đúng yêu cầu của các hạng mục theo qui trình kỹ thuật và quy định về chất lượng;

- Bên B phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn trong quá trình thi công, đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong phạm vi công việc được giao theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Nếu có sự cố hoặc tai nạn xảy ra thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường;

- Bên B chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho máy móc, thiết bị, bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3. Trường hợp Bên B không mua bảo hiểm đúng trách nhiệm đã quy định, mọi thiệt hại tổn thất xảy ra (nếu có), Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Phát hành sổ nhật ký công trình, không để tồn đọng trên công trường, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong quá trình thi công không làm hư hỏng các công trình xung quanh như: điện, nước, điện thoại... nếu gây thiệt hại phải chịu bồi thường cho các chủ thể đó và chủ động giải quyết các vướng mắc với các chủ thể đó;

- Bố trí đầy đủ cán bộ có trách nhiệm để phối hợp với giám sát Bên A trong công tác kiểm tra giám sát cũng như xử lý các phát sinh đột xuất;

- Phối hợp với Bên A trong việc sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và đề xuất những điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

- Bên B phải triển khai thực hiện ngay các khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng khi có yêu cầu bằng văn bản của Bên A;

- Hàng tháng đề xuất khối lượng thực hiện của tháng tiếp theo theo mẫu và nộp cho Bên A trước ngày 20 để thông qua;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh, cây xanh do Bên B thực hiện;

- Bên B phải bố trí đầy đủ phương tiện, thiết bị chuyên ngành thường xuyên để phục vụ cho công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên cây xanh, công tác tuần tra phát hiện và bảo vệ cây xanh;

- Đảm bảo và chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, an toàn lao động và vệ sinh môi trường và công tác phòng cháy chữa cháy trong phạm vi khối lượng công việc được giao theo đúng quy định;

- Trong quá trình thi công nếu làm hư hỏng các công trình xung quanh (điện, nước, điện thoại, chiếu sáng, hệ thống thoát nước, đường giao thông, nhà dân...), Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết và bồi thường;

- Bên B phải có vật tư, thiết bị dự phòng để có thể thực hiện ngay công tác thay thế, khắc phục sửa chữa các hư hỏng, các sự cố có thể xảy ra;

- Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các trường hợp do lỗi của Bên B gây ra. Trường hợp xác định được nguyên nhân gây ra sự cố là bất khả kháng hoặc do các yếu tố thời tiết: giông lốc, mưa lớn thì Bên B có trách nhiệm hỗ trợ thiệt hại khi có sự cố xảy ra;

- Để phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh, Bên B bố trí địa điểm lưu giữ vật tư vật tư thu hồi, vật tư hư hỏng và vật tư còn khả năng tái sử dụng phù hợp với quy mô thực hiện hợp đồng; đồng thời có trách nhiệm quản lý, bảo quản các vật tư này bảo đảm an toàn, tránh thất thoát, hư hỏng. Trường hợp Bên A có yêu cầu, Bên B thực hiện vận chuyển vật tư thu hồi về địa điểm lưu giữ theo chỉ định của Bên A và thực hiện thủ tục giao nhận, xác nhận theo quy định;

- Bên B phải lập hồ sơ nghiệm thu theo quy định và tuân thủ về thời gian theo yêu cầu của Bên A trước khi tổ chức nghiệm thu;

- Ghi chép sổ nhật ký công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên hàng ngày theo mẫu mà Bên A yêu cầu và gửi nhật ký kèm hồ sơ nghiệm thu cho Bên A ngay khi kết thúc công việc của tháng;

- Tổng hợp số liệu thực hiện trong tháng theo yêu cầu và biểu mẫu của Bên A. Đồng thời, cập nhật số liệu quản lý công viên cây xanh thường xuyên trên máy tính;

- Thực hiện số hóa dữ liệu hạ tầng và cập nhật đầy đủ số liệu về công tác Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên vào phần mềm quản lý chuyên ngành và gửi Bên A 1 đĩa CD file chứa dữ liệu cập nhật (Công tác này thực hiện khi có hướng dẫn của Bên A);

- Tiếp nhận, trực tiếp quản lý các đồng hồ điện nước và thay mặt Bên A nhận thông báo chỉ số điện, nước;

- Chi phí dịch vụ điện, nước và đường truyền internet phục vụ công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng của gói thầu sẽ do bên B thay mặt bên A thanh toán cho nhà cung cấp dịch vụ hàng tháng (hoặc hàng quý). Trong đó, giá thanh toán là giá được ban hành tại từng thời điểm (theo hóa đơn của nhà cung cấp dịch vụ) và khối lượng thanh toán là khối lượng thực hiện thực tế nhưng không vượt định mức tính toán sử dụng.

- Đối với công tác tưới bằng xe bồn, bên B phải cung cấp thông tin về các xe tưới, trang bị các thiết bị cần thiết để thực hiện việc theo dõi lý trình và cung cấp dữ liệu qua phần mềm GIS để Trung tâm làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thực hiện;

- Thực hiện đúng theo nội dung tại Điều 6 của hợp đồng đối với việc lập hồ sơ thanh toán, quyết toán cho Bên A;

- Bên B phải cung cấp cho Bên A hóa đơn theo đúng quy định của nhà nước đối với giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu. Nếu Bên B không thực hiện đúng quy định (không xuất hóa đơn hoặc xuất mà không cung cấp cho Bên A), Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Trường hợp Bên B không kiểm tra số tài khoản thanh toán của hợp đồng dẫn đến cơ quan cấp phát vốn không thể chuyển khoản thanh toán hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi hoàn toàn bộ chi phí cho Bên A để nộp phạt cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

- Tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 13 của hợp đồng này.

- Chủ động phối hợp, lập quy chế, kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ để đảm bảo an ninh trật tự trên mặt bằng công viên, mảng xanh.

- Phối hợp bên A xây dựng hoàn thành kế hoạch duy tu bảo trì sửa chữa công viên, vườn hoa, mảng xanh cho năm liền kề theo thời gian yêu cầu của bên A.

- Các nội dung khác đối với cây xanh:

+ Trên các tuyến đường, khu vực công viên, mảng xanh định kỳ 03 tháng một lần Bên B có trách nhiệm rà soát, đề nghị chỉnh sửa: nâng loại cây xanh, bổ sung khối lượng cây xanh chưa được giao chăm sóc theo nội dung công việc đã nêu tại Điều 1 của hợp đồng. Trong trường hợp Bên B không thực hiện nghĩa vụ này mà có sự cố đối với cây xanh chưa có trong danh sách Quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh trên cùng tuyến đường, khu vực công viên mảng xanh mà Bên B đang được giao thì Bên B cũng phải chịu trách nhiệm giải quyết và hỗ trợ thiệt hại;

+ Bên B thường xuyên đề xuất các biện pháp, giải pháp xử lý hệ thống cây xanh hiện hữu nhằm đảm bảo an toàn, duy trì cảnh quan và chịu trách nhiệm về các đề xuất này;

+ Đối với gỗ thu hồi từ công tác đốn hạ, giải tỏa cây xanh, bên B có trách nhiệm vận chuyển và bảo quản tại bãi lưu giữ, đồng thời có trách nhiệm bảo toàn về số lượng, khối lượng. Việc lưu giữ và quản lý gỗ thu hồi, Bên B phải tuân thủ theo đúng qui định (đảm bảo an toàn kho bãi, giữ gìn vệ sinh môi trường và tuân thủ đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy) và chịu trách nhiệm bồi hoàn theo qui định nếu làm mất mát, thất thoát, xảy ra cháy nổ trong suốt quá trình đốn hạ, giải tỏa cây xanh, vận chuyển và lưu giữ, quản lý tại kho bãi.

- Các nội dung khác đối với công viên, mảng xanh:

+ Khi sử dụng thuốc trừ sâu, phân vô cơ, phân vi sinh phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Riêng phân hữu cơ được sử dụng tùy theo mục đích và loại cây trồng nhưng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường và sinh trưởng của cây;

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong công viên, mảng xanh (đường, vỉa hè, sân bãi, các hệ thống, thiết bị sử dụng điện, cống rãnh, hố ga, hệ thống chiếu sáng, ghế ngồi, thiết bị trò chơi, dụng cụ tập thể dục, thùng rác...), kịp thời phát hiện các hư hỏng, dấu hiệu mất an toàn, lấn chiếm, xâm hại, sử dụng trái phép và báo cho bên A được biết. Khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải cô lập, thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, báo ngay và đề xuất hướng xử lý cho Bên A.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Bên A

11.1. Trách nhiệm thu xếp tài chính của Bên A:

- Thực hiện các thủ tục gửi cơ quan cấp phát vốn thanh toán cho Bên B theo Điều 6 của hợp đồng này;

- Làm thủ tục thanh quyết toán theo quy định sau khi Bên B nộp hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ.

11.2. Quyền hạn và nghĩa vụ chung của Bên A:

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng, Bên A còn phải thực hiện các trách nhiệm sau:

- Cử cán bộ giám sát kỹ thuật để tổ chức giám sát khối lượng, chất lượng và tiến độ thực hiện, nếu thấy phần nào chưa đảm bảo thì yêu cầu Bên B làm lại;

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện hợp đồng của Bên B;

- Đình chỉ việc thực hiện các công việc nếu chất lượng thi công không đúng tiêu chuẩn theo quy trình, quy phạm kỹ thuật trong xây dựng và an toàn trong thi công;

- Không xác nhận khối lượng công việc hoàn thành nếu xét thấy không đạt yêu cầu theo quy định hiện hành;

- Chủ trì phối hợp với Bên B giải quyết những khó khăn vướng mắc kịp thời (nếu có) trong quá trình thi công;
- Khi Bên B có báo cáo hoàn công đầy đủ, hợp lệ, Bên A có trách nhiệm xem xét thống nhất với Bên B và chủ trì tổ chức nghiệm thu theo quy định;
- Hoàn tất thủ tục pháp lý cho các khối lượng phát sinh cho Bên B và có trách nhiệm nghiệm thu thanh toán những khối lượng phát sinh này.
- Tạm dừng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 13 của hợp đồng.

Điều 12. Nhà thầu phụ

- 12.1. Nhà thầu phụ được đề xuất trong E - Hồ sơ dự thầu của Bên B: có (hoặc không có)
- 12.2. Bảng kê khai phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ trong E - Hồ sơ dự thầu của Bên B: có (hoặc không có)
- 12.3. Trong quá trình thực hiện nếu cần thiết phải sử dụng nhà thầu phụ theo phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ đã kê khai trong E - Hồ sơ dự thầu thì Bên B phải gửi văn bản đề xuất nhà thầu phụ (kèm theo hồ sơ năng lực) để Bên A xem xét. Khi có ý kiến chấp thuận của Bên A thì Bên B mới được giao công việc cho nhà thầu phụ thực hiện.

- 12.4. Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định (nếu có)

Nhà thầu phụ do Bên A chỉ định là một nhà thầu được Bên A chỉ định cho Bên B thuê làm Nhà thầu phụ để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc khi Bên B không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng sau khi Bên A đã yêu cầu.

12.5. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Bên B. Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A về khối lượng, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sai sót của mình và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.

12.5. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho Nhà thầu phụ theo quy định và thỏa thuận giữa Bên B với Nhà thầu phụ.

Điều 13. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

- 13.1. Tạm dừng hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- Do có yêu cầu hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Do một bên đề xuất nhưng phải được bên kia đồng ý;
- Các trường hợp bất khả kháng.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục.

- 13.2. Chấm dứt hợp đồng:

- Trường hợp Bên B bị phá sản hoặc giải thể; chuyển nhượng hợp đồng cho cá nhân hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Bên A thì Bên A có thể thông báo chấm dứt Hợp

đồng ngay lập tức. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Bên B chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này.

- Trường hợp Bên B vi phạm việc thực hiện theo Điều 2 của hợp đồng này, tùy theo mức độ vi phạm, Bên A có quyền xem xét ngưng thực hiện và chấm dứt hợp đồng. Đồng thời Bên B bị phạt, bồi thường thiệt hại theo Điều 15 của hợp đồng;

- Ngoài ra Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm một trong các trường hợp sau:

+ Thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh để xảy ra sự cố nghiêm trọng, ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình.

+ Thực hiện công tác quản lý, chăm sóc, bảo dưỡng thường xuyên công viên, mảng xanh và cây xanh xảy ra sai sót, Bên A đã có ý kiến bằng văn bản 05 lần mà nhà thầu không khắc phục;

+ Khi tổng giá trị bị cắt trừ chiếm từ 12% giá trị hợp đồng trở lên.

- Bên B bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị cấm tham gia đấu thầu (trong thời gian tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bị chấm dứt hợp đồng) cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng thường xuyên công trình được giao cho Bên A quản lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài các hình thức xử lý nêu trên, Bên B vi phạm sẽ bị công bố tên và hành vi vi phạm trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh.

- Một bên có quyền chấm dứt hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà hai bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo ngay cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- Khi hợp đồng bị chấm dứt, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị chấm dứt và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền có liên quan.

Điều 14. Bất khả kháng

14.1. Khái niệm: Là những tình huống thực tiễn xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát và ngoài khả năng lường trước của Bên A, Bên B; không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của Bên A, Bên B như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận.

14.2. Không vi phạm hợp đồng:

Không bị cho là vi phạm hợp đồng khi một bên không có khả năng thực hiện hợp đồng được xác định nguyên nhân là do hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

14.3. Biện pháp thực hiện:

14.3.1. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ phải thực hiện tất cả những biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa hậu quả của sự kiện bất khả kháng nhằm thực hiện nhiệm vụ với thời gian nhanh nhất.

14.3.2. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ ngay lập tức thông báo cho bên kia biết. Chậm nhất 07 ngày sau khi sự việc xảy ra, phải cung cấp cho bên kia bản chất, nguyên nhân sự việc cũng như thông báo về biện pháp khôi phục trở lại các điều kiện bình thường.

Điều 15. Vi phạm hợp đồng

Việc kiểm tra, giám sát và xử phạt công tác quản lý bảo dưỡng (bảo trì) thường xuyên gói thầu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và **Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025**. Ngoài ra Bên B còn bị xử phạt đối với các trường hợp sau:

15.1. Phạt khi vi phạm về tiến độ và chất lượng:

Trường hợp Bên B thực hiện không bảo đảm chất lượng, không kịp thời triển khai thi công để xảy ra sự cố hoặc tai nạn, ngoài phần phải chịu bồi đắp mọi tổn thất (bồi thường thiệt hại) cho việc sửa chữa lại, Bên B còn phải chịu phạt 12% phần khối lượng bị vi phạm và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

- Nếu có hạng mục nào nghiệm thu không đạt thì Bên B phải làm lại hạng mục đó trong vòng 48 giờ và không được tính chi phí triển khai khắc phục.

- Trường hợp phát hiện Bên B thi công không đạt chất lượng theo quy định để xảy ra sự cố nghiêm trọng có thể gây ảnh hưởng đến khả năng khai thác bình thường của công trình hoặc tai nạn chết người, Bên B phải thi công lại, chịu mọi chi phí bồi thường liên quan.

Ngoài ra, Bên A căn cứ theo Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hướng dẫn số 16692/HD-SXD-HTKT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Xây dựng và **Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025**; Tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có) để xử lý chi tiết các tình huống cụ thể.

Theo kết quả thí nghiệm, nếu chỉ tiêu về vật liệu không đạt so với quy định thì Bên B phải thực hiện lại hạng mục đó, đồng thời bị phạt 10% giá trị khối lượng bị vi phạm.

15.2. Phạt vi phạm về khối lượng thực hiện:

Trường hợp Bên B không thực hiện hết khối lượng được thông qua do nguyên nhân chủ quan và không được Bên A chấp thuận bằng văn bản (biên bản xử lý) thì Bên B sẽ bị phạt 12% giá trị khối lượng phần không thực hiện.

Bên B không thực hiện hoặc thực hiện chậm so kế hoạch hoặc trong quá trình thực hiện không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông thì quy định thì:

- Có văn bản nhắc nhở của Sở Giao thông vận tải hoặc đơn vị quản lý: phạt 0,25% giá trị thực hiện hợp đồng trong 01 năm cho một nội dung (tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, an toàn giao thông ...) bị nhắc nhở.

- Trường hợp Bên B bị nhắc nhở bằng văn bản 02 lần trở lên: phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng trong 01 năm và thêm 0,25% giá trị hợp đồng trong 01 năm cho mỗi lần nhắc nhở tiếp theo.

- Trường hợp có sự cố hoặc tai nạn xảy ra do không thực hiện hoặc thực hiện chậm kế hoạch đề ra thì Bên B phải chịu mọi chi phí bồi thường liên quan và bị phạt 05% giá trị thực hiện hợp đồng trong 01 năm. Đồng thời bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm liên đới trước pháp luật.

15.3. Phạt vi phạm về an toàn giao thông: Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng, Bên B không có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông để xảy ra sự cố về giao thông thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật và phạt

thêm 0,5% giá trị hợp đồng.

15.4. Phạt khi không thực hiện hợp đồng: Trong trường hợp sau 07 ngày kể từ ngày khởi công công trình, Bên B hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký do lỗi chủ quan của Bên B thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi kinh phí đã tạm ứng (nếu có), đồng thời Bên B bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng.

15.5. Trường hợp Bên B vi phạm thời gian nộp hồ sơ thanh toán và quyết toán do lỗi chủ quan, Bên B sẽ bị phạt 5% giá trị của tháng vi phạm hoặc quý vi phạm cho 05 ngày đầu tiên, phạt thêm 01% cho mỗi ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt tối đa bằng 12% giá trị của quý vi phạm, cho đến khi Bên B nộp hồ sơ thanh toán và quyết toán đầy đủ và hợp lệ.

15.6. Trường hợp Bên A chậm giao dự toán cho Bên B, chậm trễ trong việc nghiệm thu, thanh toán (trừ trường hợp khách quan), Bên A sẽ bị phạt theo quy định hiện hành.

Tổng các mức phạt do vi phạm hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Khi mức phạt bằng 12% giá trị hợp đồng hoặc bị nhắc nhở bằng văn bản 05 lần trong 01 năm, Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B để xảy ra các sai phạm nghiêm trọng về chất lượng, khối lượng hoặc về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ hoặc công tác bảo vệ môi trường hoặc các hoạt động vi phạm liên quan đến Pháp luật được xác định do lỗi, trách nhiệm của Bên B thì tùy thuộc vào mức độ sai phạm và công tác khắc phục của Bên B, ngoài mức phạt hợp đồng được quy định tại khoản 15.1, 15.2, 15.3 của điều này, Bên A còn có quyền chấm dứt hợp đồng đã ký và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá uy tín, xử lý cấm Bên B tham dự các gói thầu có liên quan lên hệ thống đấu thầu quốc gia.

15.7. Phạt do không trang bị máy móc công nghệ mới, công tác số hóa: Trong vòng thời gian 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực mà bên B không trang bị máy móc công nghệ mới, công tác số hóa đầy đủ theo khoản 10.2 Điều 10 và Điều 16 của hợp đồng này thì bị bên A phạt 1,0% giá trị hợp đồng.

15.8. Bên B phải có trách nhiệm triển khai ngay công tác khắc phục sự cố, phòng, chống bão, lũ; đảm bảo an ninh trật tự khi có yêu cầu của đơn vị quản lý. Trong trường hợp Bên B không thực hiện theo đúng

Tổng các mức giảm trừ do vi phạm hợp đồng không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Khi mức giảm trừ bằng 12% giá trị hợp đồng, Bên A có quyền xem xét chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 16. Đầu tư công nghệ mới:

Bên B có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu đầu tư hoặc thuê các trang thiết bị, công nghệ mới phục vụ cho công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên công viên, cây xanh, mảng xanh có trong phạm vi gói thầu, cụ thể như:

+ Trang bị hoặc thuê dịch vụ phần mềm, thiết bị giám sát hành trình, camera và các thiết bị cảm biến khác (nếu có) để quản lý, giám sát công tác tuần tra: Camera giám sát hành trình, với số lượng tối thiểu là 03 bộ.

+ Trang bị hoặc thuê hệ thống thông tin địa lý (GIS), các phần mềm, các thiết bị hiện đại để theo dõi, cập nhật dữ liệu bảo trì công trình: Thiết bị định vị vệ tinh, với số lượng tối thiểu là 03 bộ.

+ Có giải pháp ứng dụng công nghệ để phối hợp triển khai việc tích hợp mã QR Code lên cây xanh, công viên, mảng xanh với phần mềm duy tu; tích hợp phần mềm số hóa hồ sơ hoàn công vào phần mềm duy tu của Sở Xây dựng hoặc của Chủ đầu tư.

+ Sử dụng phần mềm tuần tra.

+ Phối hợp với bên A tổ chức hội thảo về công nghệ mới, công tác duy tu quản lý, bảo dưỡng khi có yêu cầu.

+ Phần mềm để lập, cập nhật và lưu trữ thông tin quản lý thuộc gói thầu: Nhà thầu phải sử dụng tối thiểu một phần mềm để lập, cập nhật và lưu trữ thông tin quản lý thuộc gói thầu trong vòng 06 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng và phải đảm bảo sao cho Chủ đầu tư có quyền truy cập, quản lý và theo dõi; Phần mềm phải tích hợp nhập được dữ liệu và có khả năng tích hợp hình ảnh trong quá trình duy tu/bảo dưỡng/sửa chữa. Chủ đầu tư sẽ xem xét các điều khoản với Nhà thầu trong các năm thực hiện hợp đồng tiếp theo nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo cam kết.

+ Thiết bị công nghệ phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng cây xanh: Nhà thầu phải sử dụng các thiết bị công nghệ phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng trong vòng 06 tháng kể từ ngày thực hiện hợp đồng, bao gồm tối thiểu các thiết bị sau:

Điều 17. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải, hoặc kiện vụ việc ra tòa án kinh tế có thẩm quyền giải quyết.

Điều 18. Thanh lý hợp đồng

- Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

+ Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;

+ Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Khoản 2 Điều 13 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

- Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Khoản 2 Điều 13 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng].

Điều 19. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sau khi Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 7 Hợp đồng đến khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

Điều 20. Điều khoản chung

20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng này.

20.2. Các điều khoản và điều kiện khác không ghi trong hợp đồng này, hai bên thực hiện theo những quy định hiện hành.

20.3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có những chủ trương mới, hai bên sẽ ký kết phụ lục hợp đồng để sửa đổi cho phù hợp.

20.4. Hợp đồng này được lập thành 12 bản có giá trị ngang nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên

B giữ 06 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Các điều khoản nêu trên chỉ mang tính chất tham khảo, điều khoản chính thức sẽ được chi tiết trong quá trình hoàn thiện hợp đồng.

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh** (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **Trung tâm Quản lý Giao thông và Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh** (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.